

Số 223

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O

Lối sống nào
tốt hơn?

Tr. 12

Ăn chay
và môi trường

Tr. 28

Phật giáo

Tr. 16

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC



TÀI TRỢ CHÍNH



HOA SEN GROUP



GIẢI ĐUA XE ĐẠP TOÀN QUỐC TRANH CÚP TRUYỀN HÌNH TP. HCM LẦN THỨ 27 - NĂM 2015

- Thời gian: từ ngày 11/4/2015 đến ngày 30/4/2015
- Bắt đầu từ Tp. Hà Nội và kết thúc tại Tp. Hồ Chí Minh
- Đón xem trên các kênh **HTV**



THƯƠNG HIỆU ĐỒNG HÀNH



ỐNG KÈM HOA SEN

Bền vững đến tương lai

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



TÔN HOA SEN

Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



ỐNG NHỰA HOA SEN

Dẫn nguồn hạnh phúc

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



CAM KẾT BÁN ĐÚNG GIÁ, ĐÚNG TIÊU CHUẨN, ĐÚNG CHẤT LƯỢNG

GỌI
NGAY

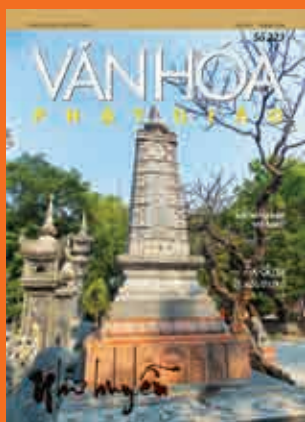


1800 1515

Tổng đài tư vấn miễn phí cuộc gọi từ thủ hai đến thủ bảy (từ 08g00 - 17g00)

www.hoasengroup.vn





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com
Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Gốc cây, dòng sông, và vận nước (Nguyễn Cần)	4
Nghìn năm ca hát (Lê Hải Đăng)	8
Về bài thơ ngôn hoài của Không Lộ thiền sư (Đào Thái Sơn)	10
Lối sống nào tốt hơn? (Thúy Sợi)	12
Như huyền (Nguyễn Thế Đăng)	16
Tâm từ bi là tâm giải thoát (Tâm Tịnh)	20
Thử luận về “vạn pháp duy thức” từ góc độ “nghiệp” (Dương Đình Tùng)	24
Về một bức thư ác ý (Như Hiền)	27
Ăn chay và môi trường (Nguyễn Khắc Thạch)	28
Đôi điều về giới thứ năm (Nguyễn Hữu Đức)	30
Trên chùa Thiên Mụ vỡ một hồi chuông (Nhụy Nguyên)	33
Kinh Hoa Nghiêm (Thiện Trí)	36
Chữ nghĩa quân sự (Hồ Anh Thái)	37
Từ chuyện chiếc giày rơi (Mang Viên Long)	38
Xã hội hóa rủi ro (Thanh Hương)	40
Rơm (Nguyễn Thị Minh Ngân)	41
Nhớ quê (Kai Hoàng)	42
Từ nay khép lại (Phạm Thanh Chương)	43
Bát cơm trong ca dao (Phạm Tuấn Vũ)	44
Bông bí rợ (Lý Thị Minh Châu)	46
Nửa miền thương nhớ (Lê Hứa Huyền Trân)	48
Thơ (Nguyễn Dũng, Lý Thị Minh Châu, Nguyễn Quỳnh Thi, Phan Thành Minh, Trường Khánh, Nguyễn Tuất, TK Vy Tiểu)	50
Im lặng mỉm cười (Hoàng Công Danh)	52
Tháng Ba hoa đồng nội (Bùi Sỹ Căn)	55
Song Trung miếu ở Bình Định (Tôn Thất Thọ)	56
Lời cảm ơn cuộc sống	58

Bìa 1: Tháp chùa Long Sơn, Nha Trang. Ảnh: Ngô Văn Thông

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Mấy ngày đầu tháng Tư vừa qua, tạp chí Văn Hóa Phật Giáo có tổ chức một chuyến hành hương Nha Trang với mục đích để toàn thể nhân viên tòa soạn chiêm bái các tự viện và nhân đó tham quan một số thắng cảnh cùng cơ sở văn hóa tại thành phố biển này. Chuyến đi cũng là để mừng VHPG được tròn mười năm tuổi và đã vượt qua được một số khó khăn dai dẳng. Nhân chuyến đi, chúng tôi cũng không quên việc giới thiệu và phổ biến VHPG đến với độc giả Nha Trang.

Thực hiện chuyến đi này, chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của chư vị tôn túc giáo phẩm thuộc Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Khánh Hòa và Ban Giám hiệu Trường Trung cấp Phật học Khánh Hòa. Tạp chí VHPG thành tâm ngỏ lòng biết ơn đến Hòa thượng Thích Minh Thông, Phó ban Trị sự GHPGVN tỉnh Khánh Hòa kiêm Hiệu trưởng Trường TCPH tỉnh Khánh Hòa, trụ trì Trúc Lâm Tịnh Viện trên đảo Hòn Tre; và Ni trưởng Thích nữ Huệ Như, trụ trì Ni viện Diệu Quang kiêm Hiệu trưởng Cơ sở 2 Trường TCPH tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra, chúng tôi cũng xin gửi đến các Sư cô Thích nữ Đồng Nhuận và Thích nữ Tâm Nghiêmlời cảm ơn sâu sắc về sự hướng dẫn chu đáo và việc tạo điều kiện đầy đủ cho đoàn tạp chí trong suốt thời gian chúng tôi có mặt tại Nha Trang.

Trở lại với công việc tòa soạn, hiện nay trung bình mỗi nửa tháng chúng tôi đều nhận được khoảng trên dưới 100 bài thơ từ nhiều tác giả khác nhau gửi đến. Trong khi đó, như tất cả mọi tạp chí văn hóa khác, trang thơ luôn hạn chế. Vì vậy, chúng tôi kính mong các tác giả có thơ gửi đến VHPG vui lòng chờ trong lúc chúng tôi tuyển chọn và sắp xếp đăng tải. Để có thể giới thiệu được nhiều tác giả nhất, trong một số báo, chúng tôi chỉ có thể giới thiệu được mỗi tác giả một bài thơ. Mặt khác, với số lượng thơ nhiều như thế, chúng tôi cũng khó có thể trả lời riêng cho từng tác giả ngay được. Mong các tác giả thông cảm cho những sự chậm trễ không thể tránh.

Kính chúc quý độc giả, quý vị cộng tác viên, ân nhân và thân hữu luôn được an lạc trong giáo pháp của Đức Phật.

Văn Hóa Phật Giáo





**Này Ananda, Ta giảng pháp không
phân biệt trong và ngoài. Như Lai
không phải là vị thầy còn giữ các
pháp trong nắm tay.**

**(Kinh Chánh pháp là ngọn đèn -
Tương Ưng Bộ, phẩm Ambapali)**



Gốc cây, dòng sông, và vận nước

NGUYỄN CẦN

Chuyện cây xanh Hà Nội

Tháng qua, cả nước xôn xao ầm ĩ vì việc đốn hạ 6.700 cây xanh ở Hà Nội. Người dân chất vấn, ban đầu nhỏ nhẹ với vài dòng tin ngắn trên mặt báo; nhưng càng về sau càng sôi nổi, bức bối. Có lẽ do sự mù mờ lúng túng của các vị quan chức khi họ trả lời lòng vòng, từ chỗ nhân dân Hà Nội ủng hộ việc chặt cây đến việc bị các nhà tài trợ hối thúc, cuối cùng buộc Sở Xây dựng Hà Nội phải kiểm điểm vì làm bậy, vì không giải thích cho nhân dân...

Có người cho rằng nếu như chính quyền thủ đô đã rút kinh nghiệm từ phản ứng của dư luận sau vụ cưa cây xà cừ thuộc dạng cổ thụ để phục vụ công trình xây dựng đường sắt trên cao Cát Linh-Hà Đông thì đã không đến nỗi. Cũng có người lập luận rằng nếu như chính quyền đã giải thích cặn kẽ để dân chúng hiểu rõ vấn đề, nhận thức được việc chặt hạ cây là giải pháp chẳng đáng dừng khi tiến tới hiện đại hóa thủ đô, thì người dân sẽ có những chia sẻ nhất định với chính quyền. Lại cũng có người khẳng định rằng việc chặt hạ cây là điều không thể tránh mặc dù cũng sẽ gây ra những mất mát xen lẫn những sự luyến tiếc.

Nói cho công tâm, theo thống kê của Hà Nội thì cây xanh trên địa bàn thủ đô đã được trồng qua nhiều

năm, số lượng lên tới trên 50.000 cây, trải dài trên 500 tuyến phố với hơn 100 loài, trong đó có khoảng trên 20 loài có số lượng cá thể lớn. Có tới 10% là loại cây xà cừ với cả ưu lẫn khuyết điểm của nó. Cũng đã có những trường hợp cây cổ thụ đổ ngay trong lúc trời yên gió lặng dẫn đến một vài cái chết thương tâm mà nạn nhân chẳng biết kêu ai. Lại có những con đường ngập tràn cây hoa sữa, một loài cây có cả hương lẫn sắc, đem lại nét thơ cho không gian thành phố; nhưng phải chăng cây hoa sữa chỉ mang lại niềm vui cho người dân thủ đô? Thế thì, việc quy hoạch lại hệ thống cây xanh trồng trong thành phố Hà Nội là việc tất yếu phải làm. Chỉ tiếc rằng cách làm của chính quyền Hà Nội vừa qua hình như quá vội vã, thiếu tính táo. Chẳng những thế, khi dư luận có phản ứng, một vị quan chức Hà Nội lại phát biểu rằng dân đã bầu ra chính quyền thì hãy để chính quyền điều hành mọi việc hằng ngày, chẳng lẽ việc gì cũng phải xin ý kiến dân. Quả thực, lời phát biểu của vị quan chức này cũng không có gì quá đáng, nhưng vấn đề nằm ở chỗ nếu một hoạt động nào của chính quyền có tác động đến tâm tư tình cảm của người dân thì chính quyền cũng nên để cho người dân có ý kiến, là điều mà vị quan chức ấy dường như chưa thấu đáo. Người lãnh

đạo được cho là có *tâm* khi có thể phân biệt được điều gì nên tham khảo ý kiến của dân, điều gì họ có thể tự quyết định để tránh mất thời cơ.

Mặt khác, ngay cả trong trường hợp đã có tiến hành trao đổi thông tin giữa chính quyền và người dân thì với một đề án rộng lớn như việc chặt hạ cây xanh vừa qua cũng không nên được triển khai theo lối “tốc chiến tốc thắng” như đã diễn ra. Chưa kể, những thông tin liên quan đến ngân khoản chi cho công trình chặt hạ 6.700 cây này hoàn toàn không rõ ràng. Có lúc, người dân được biết dự toán tổng chi phí cho công trình này lên đến 73 tỉ đồng lấy từ ngân sách, bao gồm chi phí khảo sát, chặt hạ cây cũ, thay thế cây mới, hoàn trả vỉa hè, đánh mã số cây. Có lúc, chính quyền lại khẳng định kinh phí trồng cây mới không lấy từ ngân sách mà được đóng góp từ nguồn xã hội hóa. Chính những thông tin thiếu minh bạch này đã khiến dư luận hoài nghi về sự có mặt của lợi ích nhóm hay lợi ích cá nhân.

Theo Tiến sĩ Phạm Sỹ Liêm, Phó Chủ tịch Tổng hội Xây dựng Việt Nam và là nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, đề án 6.700 cây xanh và những phát biểu của lãnh đạo các đơn vị liên quan vừa qua cho thấy “họ chưa hiểu hết về chức năng của cây xanh đô thị, tác dụng và tác hại của nó”. Ông nói thêm, “Cây cối như một người bạn với con người, cùng sinh ra và lớn lên. Thế mà cùng được 40-50 tuổi rồi mà chặt hàng loạt cây xanh như thế... Cây cối còn như một chứng nhân lịch sử, qua thời gian biết được nhiều chuyện, ghi được nhiều chuyện”. Chưa hết, ông Liêm còn rất băn khoăn về việc Hà Nội phê duyệt cho một loạt đơn vị không hề có liên quan, chuyên môn nào về trồng cây xanh như Công ty Tư vấn Xây dựng Đầu tư Hà Thành, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cơ điện Công trình, Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Bình Minh...

Giáo sư Nguyễn Lân Dũng, Chủ tịch Hội các Ngành Sinh học Việt Nam, nói rằng “Cây cũng như con người, bị bệnh thì phải cứu chữa, chứ không thể đem chôn ngay được. Tôi đi nhiều nước trên thế giới thấy họ cũng luôn tìm mọi cách để cứu cây, chứ không phải cứ thấy cây sâu bệnh là chặt hạ ngay”.

Rồi người ta tranh cãi xem số lượng cây đã bị chặt là 500, 1.000 hay 2.000. Sau cùng là gọi thanh tra vào cuộc! Có nghệ sĩ đã phải khóc để kiên quyết giữ cây xanh trước cửa nhà trên đường Nguyễn Thái Học, rồi bao nhiêu văn thi sĩ đã lên tiếng, bao nhiêu bài vè, bài thơ, bài hát về chuyện này.

Cơn bão dư luận đã làm dậy sóng truyền thông. Mà điều đáng bàn chính là việc dư luận hoài nghi *cái tâm* của những người lãnh đạo không trong sáng dẫn đến tầm nhìn “hạn chế” mang tính chất đối phó, chộp giật...

Chuyện con sông Đồng Nai

Chuyện cây xanh Hà Nội chưa lắng xuống thì lại bùng lên chuyện “lấn” sông Đồng Nai. Cũng bắt đầu bằng

những mẫu tin ngắn, và sau cùng là đồng loạt trên các phương tiện, báo giấy, báo mạng...

Vào gần cuối tháng 3-2015, Mạng lưới sông ngòi Việt Nam (Vietnam Rivers Network, VRN) đã đưa ra một thông cáo báo chí bày tỏ sự lo ngại về dự án “Cải tạo Cảnh quan và Phát triển Đô thị ven sông Đồng Nai” đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt quy hoạch 1/500 và chấp thuận đầu tư theo Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 21.7.2014, dưới hình thức công trình cải tạo cảnh quan và phát triển đô thị. Theo những phân tích của VRN, về thực chất, dự án này có tính cách của một hoạt động xây dựng lấn chiếm vùng đất ngập nước ven sông và mặt nước sông, có tác động tạo nên hạ tầng lớn khiến cản trở dòng chảy và làm biến đổi hoạt động tự nhiên của dòng sông. Với tính cách đó, dự án này sẽ làm suy giảm phẩm chất nguồn nước, làm tăng nguy cơ ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt, ảnh hưởng lớn đến việc tiêu thoát nước trong mùa mưa lũ, gây xói lở bờ sông. VRN khẳng định rằng sông Đồng Nai là sông liên tỉnh; do đó, việc xây dựng hạ tầng cơ sở với quy mô lớn ở lòng sông không chỉ tác động đến đoạn sông qua tỉnh Đồng Nai, mà còn ảnh hưởng đến toàn bộ lưu vực của con sông. VRN nêu quan điểm rằng việc chỉnh trang cảnh quan đô thị là việc cần thiết, nhưng mọi quy hoạch phát triển có liên quan đến việc sử dụng tài nguyên đất đai, tài nguyên nước ven sông và mặt sông đều phải nghĩ đến việc bảo đảm môi trường tài nguyên nước ổn định cho sự phát triển bền vững. Dựa trên những phân tích đó, bản thông cáo báo chí của VRN nêu kiến nghị với Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai nên rút lại quyết định cấp phép xây dựng dự án, yêu cầu đơn vị thi công dừng mọi hoạt động cho đến khi các nghiên cứu về tác động được thực hiện một cách thấu đáo, có sự tham vấn rộng rãi ý kiến của đầy đủ các bên liên quan, trong đó có các bộ ngành liên quan ở trung ương, địa phương, cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội.

Được biết, các đơn vị chủ trương dự án “Cải tạo Cảnh quan và Phát triển Đô thị ven sông Đồng Nai” cũng đã đưa ra một bản Báo cáo Đánh giá Tác động Môi trường; tuy nhiên, một nhà khoa học đề nghị không nên tên nhận định rằng bản báo cáo ấy không thuyết phục. Không những thế, nhà khoa học này cho rằng bản báo cáo chưa xem xét toàn diện vấn đề môi trường và có dấu hiệu phạm luật, cụ thể là vi phạm các khoản 4 và 5 của Điều 9 quy định những hành vi bị nghiêm cấm trong Luật Tài nguyên Nước đã được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 21-6-2012 và thực sự có hiệu lực từ đầu năm 2013. Nội dung các khoản nói trên như sau:

4. *Đặt vật cản, chướng ngại vật, xây dựng công trình kiến trúc, trồng cây trái phép gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước ở các sông, suối, hồ, kênh, rạch.*

5. *Khai thác trái phép cát, sỏi trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa; khai thác khoáng sản, khoan, đào, xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc, công trình và các hoạt động*

khác trong hành lang bảo vệ nguồn nước gây sạt, lở bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa.

Vậy mà trước đó, vào ngày 21-3-2015, khi trả lời báo *Đồng Nai*, ông Huỳnh Văn Tới, người phát ngôn của tỉnh Đồng Nai, cho biết dự án “cải tạo cảnh quan ven sông Đồng Nai” đáp ứng tiêu chí hài hòa lợi ích và lý do dự án được chọn lựa vì những ưu thế như “không sử dụng tiền ngân sách, không di dời dân cư, mở rộng thêm diện tích hơn 7 ha, bố trí thêm nhiều hạng mục mà thành phố đang thiếu như công viên, quảng trường, bến tàu, phố đi bộ...”. Ông Tới cũng cho biết: “Nghiên cứu kỹ mới thấy tâm huyết của chủ đầu tư (?), thể hiện trong việc xây dựng các công trình công cộng chiếm hơn 70% dự án”. Bình luận về những phát ngôn đó, trả lời báo *Thanh Niên*, Tiến sĩ Đào Trọng Tứ, nguyên Phó Tổng Thư ký Ủy ban Sông Mekong VN và hiện là cố vấn Mạng lưới sông ngòi VN, nói: “Doanh nghiệp thì đương nhiên có lợi nhuận họ mới đầu tư. Có thông tin ước tính chủ đầu tư có lãi tới 460 tỉ đồng trong dự án này. Lợi ích lớn như vậy thì ai lại không tâm huyết... Tuy nhiên, việc bao nhiêu phần trăm dành cho các công trình công cộng không quan trọng vì kể cả “100% cho công cộng” thì dự án cũng không ổn vì những lý do đã nêu ở trên”. Ông nói thêm, “Cá nhân tôi cho rằng dự án sẽ tạo ra một tiền lệ nguy hiểm. Nếu Đồng Nai lấn sông được thì các tỉnh khác cũng làm được. Chỉ cần thử đặt vấn đề lấn sông làm đô thị xem, chắc chắn đây là một việc kinh doanh mang lại nhiều lợi tức cho chủ đầu tư. Họ chỉ cần san lấp mà không mất tiền đền bù. Đụng đến một con sông là đụng đến tài nguyên thiên nhiên, đụng đến sinh kế của hàng trăm nghìn con người liên quan đến dòng sông ấy. Dù ai làm và lợi ích của ai không thể nào nói lấn sông là hợp lý được”. Tóm lại, ông cũng hoài nghi *cái tâm* của người thực hiện, chỉ vì lợi mà bất chấp tất cả!

Cũng nên biết thêm rằng Đồng Nai là hệ thống sông lớn thứ hai ở phía Nam và đứng thứ ba toàn quốc, chảy qua địa phận các tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Dương, Bình Phước, Long An, Tây Ninh, Bình Thuận, Ninh Thuận, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu và thành phố Hồ Chí Minh. Thông cáo báo chí của VRN cũng nêu rõ:

“Sông Đồng Nai là một lưu vực sông có tầm quan trọng vô cùng lớn đến việc phát triển kinh tế xã hội và dân sinh của 11 tỉnh nhưng lại là lưu vực có bình quân lượng nước hàng năm trên đầu người thấp nhất trong các lưu vực của Việt Nam. Hệ thống sông Đồng Nai là nơi hội tụ đa ngành, nhiều lĩnh vực, tập trung đông các hộ dùng nước, đặc biệt là khu vực hạ lưu. Vấn đề sử dụng nguồn nước đã và đang khó khăn, luôn dẫn đến sự mâu thuẫn trong sử dụng nước và mâu thuẫn này ngày càng trở nên khốc liệt hơn khi nguồn nước trong lưu vực đang trở nên hạn chế do các tác động của tự nhiên cũng như các hoạt động của con người”

Đi tìm cái tâm và cái tầm của người lãnh đạo

Chúng ta có thể thấy những dự án trên đều bị chất vấn, xét nét vì dư luận hoài nghi *cái tâm* thiếu minh bạch của người đề xướng. Người lãnh đạo dù ở cấp nào cũng phải có tâm, rồi mới nói đến *tầm*. Chúng ta hiểu *tâm* là năng lực, là khả năng tư duy, là tầm nhìn. Người càng làm lớn, tầm nhìn phải càng xa, luôn nghĩ đến nhân quả trong mọi hành động của mình, trong mọi lời nói của mình; nhưng tất cả đều khởi đi từ ý nghiệp, tức là *Tâm*. *Tâm* hay tư duy, thái độ, là một phạm trù cơ bản trong đạo lý truyền thống của dân tộc. Chữ *Tâm* không chỉ là lòng nhân mà còn là sự tương phản với cái xấu, cái vụ lợi, điều bất chính, bất minh trong mọi hành động, nó gồm sự hy sinh vì nghĩa lớn, vì sự nghiệp của quần chúng, đất nước. Người xưa thường ca tụng “Chữ *Tâm* kia mới bằng ba chữ tài”. Đọc lại lịch sử, trong những giai đoạn khác nhau của đất nước, hưng thịnh hay suy vong, các bậc sĩ phu luôn có thái độ đứng đắn. Trong thời buổi gian khó, có người khẳng khái treo ấn từ quan, những kẻ sĩ ngày xưa như Chu Văn An, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu... luôn là tấm gương sáng không chỉ đương thời mà cho hậu thế. Ngay cả những ẩn sĩ cũng sẵn lòng “phù thể giáo một vài câu thanh nghị” (thơ Nguyễn Công Trứ). Còn khi gặp lúc đất nước cần, sẵn sàng tham gia kháng chiến, can dự việc triều chính. Chúng ta thấy bao nhiêu tấm gương trong lịch sử từ Sư Vạn Hạnh đến Nguyễn Trãi, Nguyễn Thiếp...

Trong bất kỳ thể chế chính trị nào, chữ *tâm* luôn là một tiêu chuẩn lựa chọn con người, lựa chọn cán bộ lãnh đạo, gánh vác việc công. Quần chúng luôn công bình, là người phán xét đầu tiên và sau cùng về cái *tâm*, dù là của cá nhân hay của một tổ chức, một đảng phái chính trị, không phụ thuộc vào địa vị, giai cấp của chủ thể đó. Phẩm cách của người được đánh giá, được nhân dân nhận định sẽ thông qua hành vi, động cơ và những hậu quả của hành vi do chủ thể đó tạo ra. Kinh *Pháp Cú* có câu: “Chỉ có tự mình gây nên điều xấu, tự mình làm nhơ uế mình. Tự mình hủy bỏ điều xấu, tự mình làm mình thanh tịnh. Thanh tịnh hay nhơ uế đều tùy thuộc ở mình. Không ai làm ai thanh tịnh được”. Những quan chức mưu cầu lợi lộc, thiếu công tâm, sẽ phải trả lời trước hết với tòa án lương tâm mình, dù có nói dối công luận vì năng lực mình hạn chế hay vì gì gì đi nữa ...!

Lịch sử cho chúng ta thấy những việc làm xuất phát từ những tâm địa thiếu trong sáng, thường bị dân chúng phê phán, bị “lưu xú”.

Còn về chữ “*tâm*”, như đề cập ở trên, nói đến *tâm* của một người, là nói đến khả năng, năng lực phán đoán giải quyết những phát sinh, phát triển của một sự việc, một vấn đề liên quan tới đời sống của nhân dân, tới vận mệnh quốc gia, dân tộc. Người đó phải tổ chức phương án xử lý hoặc một hoặc nhiều vấn đề khó, mang lại kết quả tốt đẹp cho đời sống xã hội hay cộng đồng.



Về ý nghĩa của chữ tầm, người ta thấy nó giống với ý nghĩa của chữ tài. Nhưng phải thêm mức độ nhìn xa trông rộng của cái tài thuộc người đó. Chúng ta hay nghe nói “hiền tài là nguyên khí của quốc gia”. Các bậc minh quân ngày xưa vì hạnh phúc của người dân, thường là người biết tôn trọng nhân tài, thường biết tuyển lựa nhân tài làm “rường cột” của chế độ.

Ngày nay, trong các xã hội dân chủ, việc xây dựng tiêu chuẩn về cái tâm và cái tầm để lựa chọn người, đảm nhiệm các chức vụ trong bộ máy chính quyền, thường thông qua con đường bầu cử. Công chúng sẽ có sự lựa chọn của mình bằng việc đi bầu các ông nghị. Đến lượt các ông nghị này sẽ có tiếng nói với hành pháp, quyết định việc bổ nhiệm quan chức... Nguyên thủ quốc gia ở những nước đó cũng được xác định bằng kết quả phổ thông đầu phiếu. Khi không còn được người dân tín nhiệm, người lãnh đạo đó sẽ phải ra đi, nếu không từ chức thì sẽ bị bãi nhiệm.

Còn về tình hình nước ta, có người đã thẳng thắn nhận xét:

“Ngày nay việc quy hoạch, giáo dục bồi dưỡng cán bộ có đầy đủ Tâm và Tầm để bổ nhiệm vào chức vụ là trách nhiệm của cấp ủy Đảng các cấp. Nhưng việc minh định về cái Tầm của cán bộ, trong những năm qua cũng có nhiều vấn đề. Có người lấy số năm, tháng đi theo Đảng, cùng thành tích, công lao làm cái... Tầm của cán bộ. Có ý kiến lại lấy các văn bằng, danh hiệu cao quý đã đạt được làm cái Tầm... Chính từ cách đánh giá thiếu tính khoa học này đã dẫn tới những tệ nạn khác, như bệnh thành tích, nạn bằng cấp giả hoặc học giả bằng thật, làm tiền đề cho nạn chạy cấp, chạy chức...”

Hệ lụy tất yếu của các tệ nạn trên là: Đảng đang đứng trước thách thức rất lớn, đó là yếu kém về quản lý của các cấp, các ngành, cùng đó là tình trạng suy thoái đạo đức của một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên, dẫn tới tham nhũng đã trở thành quốc nạn, mất lòng tin của nhân dân, đe dọa sự tồn vong chế độ”.

(Nguyễn văn Soạn – Vietnamnet)

Qua hai sự việc xảy ra ở Hà Nội và Đồng Nai, chúng ta thấy lịch sử của dân tộc đang đứng trước những thách thức, cũng như vận hội mới. “Vận nước” đang đặt trách nhiệm vào những người có trách nhiệm, cụ thể; những nhà lãnh đạo các cấp, các vị dân biểu (đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân các cấp), phải nhanh chóng chuẩn hóa “tâm” và “tầm” của đội ngũ cán bộ đang giữ trọng trách ở nhiều lãnh vực để các vị ấy có những lựa chọn, quyết định hợp lòng dân. Có như thế, dân tộc ta mới vững vàng trước mọi thách thức, trên hành trình hội nhập thế giới hiện đại.

Hình tượng Lý Quang Diệu, người sáng lập Singapore vừa qua đời tuần rồi (23/3), cũng đáng để chúng ta suy ngẫm về hai chữ tâm và tầm của ông. Về tầm, ông đã dựng nên một đảo quốc Singapore phồn vinh thuộc thế giới thứ nhất từ một làng chài thuộc thế giới thứ ba. Ông đã biến hòn đảo ấy thành trung tâm tài chính lớn nhất nhì thế giới. Vậy mà đến lúc ra đi, ông vẫn canh cánh bên lòng bao tâm nguyện như lời con ông, Thủ tướng Lý Hiển Long bày tỏ trong diếu văn: “Nỗi lo lớn nhất của ông là thế hệ trẻ Singapore sẽ mất đi khả năng xác định những gì có lợi cho đất nước. Đó là lý do tại sao ông tiếp tục viết sách khi đã ở tuổi 90. Ông muốn thế hệ mới của dân tộc có thể học hỏi từ những kinh nghiệm xương máu của người đi trước, và hiểu được rằng an ninh, thịnh vượng và tương lai của Singapore phụ thuộc vào những gì”.

Và cái tâm vì Tổ quốc lớn lao ấy, dù thân xác đã trở thành tro bụi, vẫn còn sáng trong lòng những người lãnh đạo kế tiếp ở Singapore và trong tâm thức toàn dân:

“... Tôi có nói rằng ngọn đèn soi sáng chúng ta bao nhiêu năm qua đã tắt. Nhưng không hoàn toàn như vậy. Vì những nguyên tắc và lý tưởng mà Lý Quang Diệu để lại sẽ còn tiếp tục là ngọn đèn soi sáng cho chính phủ và dẫn đường cho người dân Singapore. Cuộc đời ông sẽ còn là niềm cảm hứng cho người Singapore, cũng như nhiều người khác trên thế giới, trong nhiều thế hệ sau này”.

Mong sao những nhà lãnh đạo khác trên đất nước chúng ta cũng tìm được những niềm cảm hứng tương tự. ■



Nghìn năm ca hát

LÊ HẢI ĐĂNG

Người Việt vốn là một dân tộc yêu thích ca hát. Một khẩu hiệu từng được nhạc sĩ Phạm Duy đưa vào bài hát cổ động năm xưa, “hát hay không bằng hay hát”, nay gần như đã trở thành tục ngữ. Điều đó chỉ ra sở thích cũng như thị hiếu thẩm mỹ của người dân nước ta nói chung. Có lẽ xuất phát từ sở thích hay sở trường này mà hầu hết các loại hình nghệ thuật ở nước ta, từ dạng thức tổng hợp như tuồng, chèo, cải lương cho đến hát bóng rối, hát bả trạo, hát bài chòi, hát đờn linh... thậm chí cả nhạc đàn, như nhạc tài tử, nhạc thính phòng, nhạc lễ, nhạc không lời trong các quán bar, vũ trường... đều có khuynh hướng hoặc trực tiếp liên quan đến ca hát.

Trong nhiều thể loại văn nghệ dân gian, mỗi vùng miền đều có sản phẩm riêng. Công tác điều tra tổng thể vốn di sản này chưa bao giờ có được kết quả cuối cùng, cho dù chỉ dừng lại ở việc định lượng. Trong khi đó, ở lĩnh vực nhạc đàn tuy đã có nhiều nỗ lực đáng kể, song vẫn chưa thể cải thiện được tình hình. Vượt lên trên hết, người dân ta vẫn thích nghe hát hơn. Sự du nhập nhiều loại nhạc cụ, cổ truyền cũng như hiện đại, cộng thêm sản phẩm do chính người Việt sáng tạo như đàn bầu, đàn đáy... thì nhu cầu trước hết và sau cùng vẫn không nằm ngoài việc thông giao cùng giọng hát. Mỗi quan hệ rối rắm, không thể phân tách, giữa đàn và hát khiến cho mọi loại hình nghệ thuật đều xoay quanh trục ca hát là chính. Nhạc cụ du nhập hay ra đời có xu hướng mô phỏng, phối hợp với giọng hát. Ở nhiều nhạc cụ, dây đàn thực chất hình thành trên sự phỏng chiếu “dây thanh đối”; từ đó, tiếng đàn chính là bóng phản của tiếng hát. Chẳng phải ngẫu nhiên mà cây đàn đáy có cần khá dài; mặc dù phía

trên đầu cần đàn không hề gắn phím định âm, người đàn cũng không thể vươn tay ra tới đầu cần trong tư thế ngồi đàn. Đàn tỳ bà cổ truyền cũng không hề sử dụng bốn phím đầu tiên (Tứ tượng), mục đích ban đầu chắc hẳn không nằm ngoài ý đồ phỏng theo âm thanh trầm, đục, u buồn của tiếng hát... Nhiều cách xử lý của điệu cũng chính là của hơi, một yếu tố khác chỉ ra cội nguồn phỏng theo tiếng hát. Các nốt rung, nhấn, tô điểm, thêu thùa... ở các nhạc cụ cổ truyền hầu như đều có liên quan đến tiếng hát... Cây đàn quốc hồn quốc túy của người Việt, đàn bầu, chính là bằng chứng sống động cho một dân tộc ưa ca hát. Đàn bầu được làm ra rõ ràng nhằm thỏa mãn nhu cầu có thể hát bằng đàn của người dân nước ta. Những âm thanh luyến láy, mượt mà... của đàn bầu phỏng theo giọng hát không khỏi làm xao xuyến lòng người. Nhà thơ Lưu Quang Vũ trong bài “*Đất nước đàn bầu*” đã tìm thấy “căn duyên” của người Việt qua thuộc tính của cây đàn bầu. Tại sao không phải nhạc cụ gì khác tượng trưng cho người Việt mà lại là đàn bầu? Có lẽ, vì nó xuất phát từ cội nguồn của tiếng hát!

Từ cổ chí kim, nhạc hát bao trùm lên các sinh hoạt âm nhạc từ dân gian đến chuyên nghiệp, từ chốn thế tục vào môi trường tôn giáo, tín ngưỡng... Nhiều người trong giới âm nhạc thống nhất nhau về quan điểm, cho rằng sự hình thành nền âm nhạc của người Việt, đặc biệt là nhạc hát, có cội nguồn ngôn ngữ. Nói cách khác, những đặc điểm trong ngôn ngữ tiếng Việt đã ảnh hưởng tới sự hình thành của nhạc hát. Tiếng Việt có tới sáu thanh: huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng, và thanh ngang. Sáu thanh này tạo nên sự phong phú về ca độ trong việc trình bày các tác phẩm âm nhạc.

Trong bài thơ “*Tiếng Việt*”, nhà thơ Lưu Quang Vũ đã

viết những câu thơ thể hiện đặc điểm đa thanh của ngôn ngữ nước ta hết sức tinh tế:

*"Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh
Dấu hỏi dựng suốt ngàn đời lửa cháy
Một tiếng vườn rợp bóng lá cành vươn
Nghe mát lịm ở đầu môi tiếng suối
Tiếng heo may gợi nhớ những con đường..."*

Có thể nói, mọi âm sắc, thanh điệu của tiếng Việt đều đổ về những thang âm, cung bậc của tình cảm. Biểu cảm trở thành đặc trưng cơ bản trong ngôn ngữ tiếng Việt. Nó khiến cho tiếng nói gần với tiếng hát, tiếng đàn gần như tiếng hát.

Nhạc đàn của ta, nếu nhìn từ góc độ cội nguồn truyền thống, đã ra đời từ nhạc hát. Nhạc đàn và nhạc hát giống nhau như hình với bóng. Sau khi hình thành trên những đặc điểm của ngôn ngữ, nhạc hát tiếp tục gây ảnh hưởng đến nhạc đàn. Nhạc đàn trở thành "hình", còn nhạc hát chính là bóng của nó. Người nghe thông qua "hình" nhạc đàn để đi tìm "bóng" nhạc hát lẫn vào bên trong dạng thức mới. Bởi vậy, trong rất nhiều chủng loại nhạc cụ, dù là bản địa, Việt hóa, hay du nhập từ nhiều nguồn gốc khác nhau, hình bóng nhạc hát luôn in đậm trong tác phẩm âm nhạc, từ cách thức thể hiện, diễn tấu cho đến tư duy sáng tác, thường thức... Trong khuynh hướng phát triển đa dạng nhiều loại hình ca hát, nhạc đàn dường như lúc nào cũng xoay quanh nhạc hát, không thoát khỏi nhạc hát. Ở châu Âu, tới thời kỳ Baroque, nhạc kịch phát triển tới đỉnh cao, đồng thời tạo ra thể phân lập giữa nhạc hát và nhạc đàn. Nhạc đàn từ đó trở thành dòng chảy độc lập, mãnh liệt, liên tục thoát khỏi vòng kiểm tỏa của nhạc hát. Trong khi đó, sự loay hoay, lẩn quẩn của nhạc đàn Việt Nam rõ ràng vẫn chưa tìm thấy chỗ đứng thực sự vững chắc trong văn hóa. So với nhiều nhạc cụ trưng bày ở viện bảo tàng, phòng trưng bày, cộng thêm những nhạc khí dân tộc ít người, nhạc cụ cải biên, nhạc cụ du nhập đã được Việt hóa, thì ngoài chốn dân gian, xã hội nông thôn cũng như đô thị, nhạc hát vẫn là cõi trời bao la. Dân ta tựu trung vẫn thích nghe hát hơn nghe đàn. Số người thích nghe hát bao giờ cũng áp đảo hơn so với nghe đàn. Vì, như đã đề cập, nhạc đàn bắt nguồn từ nhạc hát; nhưng điều đó chưa quan trọng, mà quan trọng hơn, nhạc hát đã chi phối nhạc đàn; thấm sâu, thấm thấu vào tư duy của người sáng tác cũng như người thưởng thức âm nhạc.

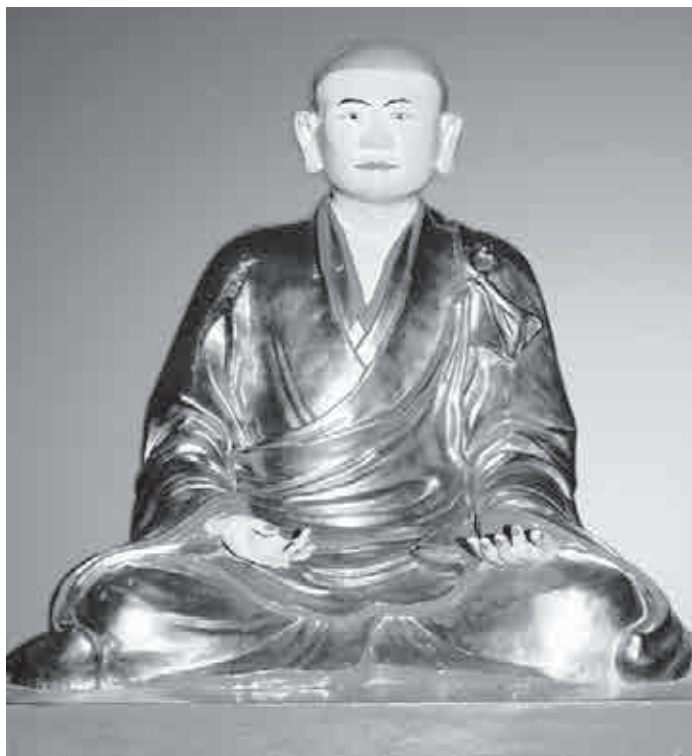
Lâu nay, những tác phẩm nhạc đàn được ưa chuộng thường là những bản nhạc hát được chuyển soạn. Với cách thức chuyển hóa như vậy, phương thức tiếp cận, thưởng thức nhạc đàn thực chất đã thông qua lăng kính của nhạc hát. Nó chẳng khác nào "những bài ca không lời" mà người nghe tự diễn thêm lời ca vào tác phẩm để hoàn tất chu trình sáng tác, biểu diễn và thưởng thức nghệ thuật. Các giai đoạn trên hòa quyện vào nhau, giống như tính tổng hợp trong nghệ thuật dân gian, với vai trò tham gia của người thưởng thức trong việc định dạng tính chất

tác phẩm. Ngay tại các trường nhạc viện, không nói tới bộ phận nhạc cụ cổ truyền, ngay cả nhạc cụ phương Tây diễn tấu bài Việt Nam, đại đa số đều là nhạc chuyển soạn, hiểu là những tác phẩm vốn dành cho thanh nhạc được viết lại theo cách thức cải biên cho nhạc cụ diễn tấu.

Với khao khát không ngừng sáng tạo ra những giá trị mới, chúng ta không khỏi chạnh lòng về cảnh tù túng, ảm đạm trên con đường thiên lý dẫn tới ngôi đền nghệ thuật tôn thờ vẻ đẹp độc đáo của nền âm nhạc nước nhà. Tình cảnh quạnh hiu, nhiều về lượng, kém về chủng loại không chỉ xuất phát từ nhiều nguyên nhân, mà quan trọng là trong những nguyên nhân ấy xuất phát từ cơ tầng văn hóa truyền thống. Người Trung Hoa thường quan niệm, tay và tim có liên quan đến nhau. Đối với người Việt, "Mồm miệng đỡ chân tay!". Liên hệ tới nghệ thuật thanh nhạc và khí nhạc, chúng ta thấy rất rõ hiện tượng đàn hay không bằng hát hay. Bởi vậy, từ quá khứ tới hiện tại, đa số các nghệ nhân, nghệ sĩ nổi tiếng trong giới âm nhạc đều là ca sĩ, từ Quách Thị Hồ, Hà Thị Cầu, Phùng Há, Kim Cương, Thanh Kim Huệ cho đến... Thái Bảo, Thanh Lam, Bằng Kiều, Thùy Dung, Phạm Thị Huệ, Đăng Dương... Mặc dù trong số họ có rất nhiều người xuất thân từ dân đàn, nhưng chẳng mấy ai quan tâm đến điều ấy.

Tư duy sáng tác của đại đa số nhạc sĩ Việt Nam vẫn chưa thoát khỏi vòng kiểm tỏa của văn hóa thanh nhạc. Cả một thế kỷ du nhập thêm nhiều loại hình âm nhạc nước ngoài, các trường nhạc mở nhiều khoa đàn hơn khoa hát, song nghệ thuật ca hát của xã hội vẫn đóng vai trò chủ đạo. Các chương trình giao lưu trực tuyến trên sóng phát thanh, đài truyền hình đều liên quan tới ca hát. Nhạc đàn ít nhiều có khuynh hướng phát triển theo lối khép kín, thậm chí bị chi phối bởi nghệ thuật ca hát. Không biết bao nhiêu nghệ sĩ, nhạc sĩ xuất thân từ dân đàn, nhưng đều hành nghề có liên quan, hoặc không còn con đường nào khác là phải kết hợp, với giọng hát. Các trường nhạc viện, học viện... tuy có đào tạo nghệ sĩ biểu diễn, sáng tác nhạc đàn; song phần đông sau khi ra trường, ngẫu nhiên trở thành người đệm đàn, phối khí cho dàn nhạc nhẹ, phục vụ cho nhu cầu ca hát, nếu có sáng tác thì cũng không qua nổi chương ngại ca khúc (tác phẩm thanh nhạc). Bởi thế, sau khi thị trường tác động vào công tác đào tạo (xóa bỏ cơ chế bao cấp, tuyển sinh theo chỉ tiêu), sinh viên thanh nhạc trong các nhạc viện chiếm số đông; còn nhiều nhạc khí, nhất là những loại đặc biệt khó học, kén người nghe, như violon, kèn, harp, nhạc cụ dân tộc (trừ đàn tranh) luôn khan hiếm học sinh.

Lâu nay đã có nhiều người phàn nàn về tình trạng suy dinh dưỡng trong món ăn tinh thần của người Việt, mặc dù món ăn vật chất đã phong phú, đa dạng lên nhiều, căn bệnh dư cân, béo phì ngày một phổ biến ở các đô thị lớn, nhưng bệnh "suy dinh dưỡng, còi cọc" về nghệ thuật vẫn chẳng suy giảm. Điều này chỉ ra hiện trạng bất túc của nền văn hóa từ truyền thống đến hiện đại. Nhìn vào thực tế cũng như cội nguồn sâu xa, chúng ta sẽ hiểu, thông cảm rằng tại sao dân ta mê ca hát đến thế! ■



Về bài thơ ngôn hoài của Không Lộ thiền sư

ĐÀO THÁI SƠN

Thiền sư Không Lộ có thể danh là Dương Không Lộ, chưa rõ năm sinh, mất vào ngày 12-7-1119, người làng Hải Thanh nay thuộc tỉnh Nam Định. Tổ tiên ông mấy đời làm nghề chài lưới; đến đời ông, ông bỏ nghề đi tu theo dòng thiền Quan Bích; ông là bạn thân với sư Giác Hải. Văn nghiệp của ông còn lại chỉ gồm hai bài thơ viết bằng chữ Hán là Ngôn hoài (Tỏ lòng) chép trong *Thiền uyển tập anh* và *Ngư nhàn* (Cảnh nhàn của ông câu) mới tìm được trong những năm ba mươi của thế kỷ trước. Bài Ngôn hoài đã được đưa vào sách giáo khoa Văn học lớp 10 (Sách chỉnh lý hợp nhất năm 2000). Nhưng cũng thật lạ là bài thơ thiền này lại được giảng và hiểu như một tác phẩm của thế tục! Điều đó cần phải được xem lại một cách hết sức thận trọng.

Bài thơ được phiên âm theo nguyên tác:

*Trạch đắc long xà địa khả cư
Đã tình chung nhật lạc vô dư
Hữu thi trực thượng cô phong đỉnh
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư.*

Dịch thơ:

Kiểu đất long xà chọn được nơi
Tình quê lai láng suốt ngày vui
Có khi lên thẳng trên đỉnh núi
Một tiếng kêu vang lạnh cả trời

Trong *Thơ văn Lý Trần* do Vũ Tiến Quỳnh tuyển chọn và giới thiệu đã giảng về bài thơ này như sau: “Trước hết câu mở đầu thể hiện tâm trạng hài lòng, thanh thản của nhà thơ vì theo quan niệm phong thủy của người xưa. Giữa hai câu trên và hai câu dưới có sự chuyển biến thật đột ngột bởi một hình tượng thơ độc đáo kỳ lạ: đang niềm vui trỗi thế lên đỉnh núi cao trơ trọi, kêu một tiếng vang trời. Ở đây con người hiện ra với sự chủ động, dứt khoát, với một khí phách mạnh mẽ, hào hùng: đã trèo là trèo một mạch “trèo thẳng lên!”. Không chút do dự rụt rè, đã lên là lên thật cao tận đỉnh núi chứ không lung chùng, đã kêu thì không cần nhiều, chỉ “một tiếng kêu vang” mà làm cho cả vũ trụ bao la phải kinh ngạc đến ớn lạnh, rùng mình... với bấy nhiêu điều đó cũng đủ

biết cái cảm hứng vũ trụ, cái tư thế, cái khát vọng vươn tới đất trời bao la của nhà sư kiêm nhà thơ này mãnh liệt đến đâu, bên cạnh niềm vui trần thế mà ông đã có”.

Cách giảng và hiểu này thoạt nghe có vẻ có lý, nhưng kỳ thực lại là một cách hiểu quá khuôn sáo và không thích đáng. Nếu đời sư Không Lộ xuống sống vào thời nhà Lê khi mà Nho học thịnh hành thì có lẽ được, hoặc giả là cho sư Không Lộ đang hoàn tục! Còn đằng này Không Lộ là nhà sư chân tu của thời Lý, Phật giáo đang thịnh, nên áp đặt cách hiểu như thế là quá vô lý. Thực ra bài thơ này không có tựa, Ngôn hoài chỉ là người đời sau thêm vào mà thôi. Nên cũng không có chuyện tỏ lòng hay tỏ ý chí gì cả.

Sách *Thiền uyển tập anh* ghi chép một cách khá cụ thể về bài thơ này: “Trong khoảng Chương Thánh Gia Khánh (1059–1065) [Dương Không Lộ] cùng bạn là [sư] Giác Hải cất bước vân du, tạm đến chùa Hà Trạch nương thân, mặc áo cỏ, ăn lá cây, đến nỗi quên chính thân mình. Ngoài dút ruổi dong, trong tu thiền định, tâm thần tai mắt ngày một nhẹ nhàng, bèn bay lên không, đi trên nước, làm cộp nẹp, kêu rỗng xuống, muôn quá nghìn kỳ, người không lường nổi. Sau sư về quận mình lập chùa. Một hôm có thị giả thưa rằng: ‘Từ ngày con đến đây chưa được thầy dạy chỗ tâm yếu, nhưng con mạn phép xin trình một bài kệ:

*Đoàn luyện thân tâm thủy đắc thanh
Sum sum trực cán đối hư linh
Hữu thân lai vấn không không pháp
Thân tại bình biên ảnh tập hình’*

Dịch thơ:

Rèn luyện thân tâm tựa nước thanh
Sân thành cổ thụ tỏa sum cành
Có người thỉnh giáo tâm pháp Phật
Lung dựa bình phong bóng tựa hình.

Sư xem xong bảo: ‘Người đem kinh đến, ta vì người nhận, người mang nước đến ta vì người uống, thì có chỗ nào mà lại không cho người tâm yếu! Bèn cất tiếng cười ha hả. Và đọc bài kệ Ngôn hoài trên” (theo bản dịch của Lê Mạnh Thát).

Qua *Thiền uyển tập anh*, ta thấy Ngôn hoài thực chất là một bài kệ trả lời và truyền tâm yếu cho đệ tử chứ hoàn toàn không phải là một bài thơ trữ tình. Bài kệ là một chuỗi ẩn dụ, ám thị về một triết lý thiền hết sức uyên áo thâm thúy mà nhà sư muốn trao cho đệ tử của mình.

Các tác giả sách giáo khoa (SGK) lớp 10 cho rằng theo thuyết phong thủy xưa, long xà là nơi có mạch đất uốn lượn như rồng rắn. Làm nhà trên mạch đất đó sẽ thịnh vượng. Đó chỉ là một cách hiểu. Nhưng nhà sư có xây cất nhà đâu, sư cần sự thịnh vượng giàu có để làm gì? Sư đang khai thị cho đệ tử kia mà! Thực ra Từ nguyên cho biết “long xà địa” là đất có thể dung thân, sau làm nơi ở ẩn. Vậy ba chữ đất long xà chẳng qua là chọn nơi thanh vắng thích hợp để tu tập đạo học. Vì có tu thì mới có đắc đạo! Hai chữ “dã tình” phải hiểu là để cái tình vào nơi thanh tịnh, tức là tâm không bị ngoại vật tác động cho

xáo trộn, có như thế thì mới “lạc đạo” được. Hai câu thơ đầu, bề ngoài có vẻ vui thú điển viên, nhưng kỳ thực lại hàm ẩn một vấn đề khác – vấn đề chọn nơi thích hợp để thân tâm thanh tịnh, tu Phật.

Câu thứ ba chuyển hướng kỳ lạ. Đang vui tại sao lại trèo lên đỉnh núi trơ trọi để làm gì? Đó chính là thời khắc đốn ngộ của người tu đắc đạo. Đốn ngộ chẳng qua là trạng thái thể nghiệm tâm linh của một cá nhân một khi tâm linh đó được giải thoát. Theo Từ Kiến Trung thì “người đốn ngộ không chinh phục gì, không đi đâu cả, mà chỉ nhờ trực giác để ở được vào một cõi khác hẳn trần tục, hòa nhập vào cái bản ngã vũ trụ”. Tách hai cụm từ “lên thẳng” và “đỉnh núi trơ trọi” ra, ta sẽ thấy rõ hơn về vấn đề này. Lên thẳng là thời khắc chớp nhoáng – như một sát-na. Đỉnh trơ trọi là thế giới Không Vô. Một người mà đứng trên đỉnh núi thì không còn sau trước nữa. Đó là thế giới của bốn bề vắng lặng, cô tịch mà người đốn ngộ đã đạt đến. Và Trần Đình Sử cũng cho rằng: “cõi ấy là một tâm trạng yên lặng, xuất thế, ly khai với mọi biến động của thế gian, hiện tượng, không trước không sau, không đông tây nam bắc gì nữa”.

Ở câu thơ cuối lại xuất hiện “hàn thái hư” các tác giả SGK giải thích là “lạnh cả trời – làm cho cả vũ trụ phải rung mình ớn lạnh”. Giải thích như thế là chưa chính xác. Vì “thái hư” không phải là bầu trời, mà cõi thái hư là một thế giới của nhà Phật, thế giới ấy chỉ có người đạt đạo mới đến được. Vấn đề này gợi lại chuyện Lý Tường (Lý Cao) nghe tiếng cười của sư Duy Nghiễm trên đỉnh núi.

*Tuyển đắc u cư hiệp dã tình
Chung niên vô tổng diệc vô nhinh
Hữu thời trực thượng cô phong đỉnh
Nguyệt hạ phi vân tiểu nhất thanh.*

Dịch thơ:

Chọn nơi vắng vẻ hợp lòng quê
Năm tròn không ai đến hay về
Có khi lên thẳng trên đỉnh núi
Rẽ mây dưới nguyệt tiếng cười hể.

Vậy “một tiếng kêu làm lạnh cả cõi thái hư” đó cũng như chuyện bay lên không, đi trên mặt nước, hàng long phục hổ... (có tính chất của Mật tông); là trạng thái hòa nhập giữa Ta và Thế giới, giữa Thế giới và Ta; ta và vật đã hòa đồng làm một không còn cái tâm phân biệt nữa.

Ngôn hoài là một bài thơ thiền không nói về thế giới thực tại, mà mượn những hình ảnh của thực tại để ám thị khai ngộ: chọn nơi thích hợp vắng vẻ để tu tập, từ đó sẽ an tâm với đạo, rồi có lúc sẽ được đốn ngộ, ta và vật sẽ hòa đồng không còn vướng mắc nữa. Đó là chỗ thầy dạy tâm yếu cho đệ tử... Thơ thiền phải đứng trên góc độ của thiền mà giảng thì mới phù hợp. Không thể lấy cái tư tưởng trần tục để giải thích nó. Người học thơ thiền không phải cầu đắc đạo mà là giúp ta tiếp xúc với những giấc mơ giải thoát – thoát ra khỏi biển khổ của thế gian để tâm hồn được thanh thân trong trẻo, giải trừ ác nghiệp. ■



Lối sống nào tốt hơn?

THÚY SỢI

‘Này các Tỳ-kheo, ‘Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp; nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa. Phàm nghiệp nào ta sẽ làm, thiện hay ác, ta sẽ thừa tự nghiệp ấy’, là sự kiện cần phải thường xuyên quán sát bởi nữ nhân hay nam nhân, bởi tại gia hay xuất gia”¹.

Trên đây là lời khuyên của Đức Phật dành cho hết thầy đệ tử của mình, xuất gia cũng như tại gia, nhằm nhắc nhở họ phải hết sức thận trọng trong đời sống hàng ngày, phải chú ý kiểm soát và uốn nắn thân, khẩu, ý, đừng để chúng rơi vào bất thiện; vì theo tuệ giác của Phật thì không ai khác chính hành vi (nghiệp) thiện hay bất thiện của mỗi người sẽ quyết định hạnh phúc hay khổ đau của người ấy.

Theo quan điểm của đạo Phật thì con người là sinh loại có lý trí, có khả năng phân biệt lẽ chánh-tà, thiện-ác; thế nhưng trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, con người dễ mắc phải các việc làm sai trái và trong nhiều trường hợp thường viện dẫn lý do này hay lý do khác để chống chế cho các hành vi sai trái của mình: *“Tôi vì cha mẹ, vì vợ con... nên đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh”²*. Đây hẳn là thói quen không hay cần được khắc phục, vì thái độ lẩn tránh trách nhiệm để duôi như vậy sẽ khiến con người coi thường việc làm ác, tiếp tục dung túng lối sống sai lầm đưa đến hậu quả khổ đau.

Do tính chất của sự hiện hữu hổ tương nên con người luôn luôn có các bổn phận và trách nhiệm phải làm đối với tự thân cũng như đối với mọi người khác. Đạo Phật xác nhận tầm quan trọng của các mối tương hệ và nhấn mạnh đến các bổn phận và trách nhiệm mà mỗi người cần phải làm tốt trong cuộc đời; chẳng hạn, tương hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa vợ và chồng, giữa thầy và trò, giữa chủ và tớ, giữa bạn bè với nhau, giữa tu sĩ và cư sĩ. Đức Phật đánh giá cao ý thức trách nhiệm của cá nhân thể hiện trong các mối tương hệ³, xem đây là điều kiện để con người hoàn thiện chính mình, đồng thời góp phần hoàn thiện gia đình và hoàn thiện xã hội⁴. Rõ ràng, người mà có ý thức làm tốt các bổn phận và trách nhiệm của mình trong cuộc sống thì hưởng được nhiều niềm vui lớn (*mahāmangalāni*)⁵. Tuy nhiên, như một nguyên tắc, bậc Giác ngộ khuyên nhắc mọi người cần làm tốt các bổn phận và trách nhiệm của mình trên cơ sở một đời sống chơn chánh hiền thiện, không nên và không thể viện dẫn lý do bổn phận hay trách nhiệm để làm các điều sai trái xấu ác; vì như thế tức là rơi vào lối sống

phóng dật, gây tạo ác nghiệp, tự mình phải nhận chịu quả báo khổ đau⁶. Với trí tuệ thấu suốt về nghiệp và nghiệp quả, Đức Phật không tán thành lối sống làm ác nhân danh trách nhiệm hay bốn phận, bởi theo Ngài, luật nhân quả nghiệp báo không giảm nhẹ tội báo cho người làm ác vì bất cứ lý do gì.

Câu chuyện đàm đạo sau đây giữa Tôn giả Sàriputta (Xá-lợi-phất) và Bà-la-môn Dhànanjani (Đà-nhiên) xác nhận rất rõ quan niệm nhân quả nghiệp báo của đạo Phật, đồng thời nhắc nhở mọi người nên thực thi các trách nhiệm và bốn phận dựa trên chánh đạo, thiện pháp, không nên vì bất cứ lý do gì mà làm điều bất chánh, phi pháp:

"Tôn giả Sàriputta nói với Bà-la-môn Dhànanjani đang ngồi một bên:

- Nay Dhànanjani, ông có không phóng dật không?

- Thưa Tôn giả Sàriputta, làm sao chúng tôi có thể không phóng dật được, khi chúng tôi còn cha mẹ phải phụng dưỡng, còn vợ con phải nuôi dưỡng, còn đầy tớ, lao công phải nuôi dưỡng, còn có những trách nhiệm bạn bè thân hữu phải làm đối với bạn bè thân hữu, còn có những trách nhiệm bà con huyết thống phải làm đối với bà con huyết thống, còn có những trách nhiệm tân khách phải làm đối với tân khách, còn có những trách nhiệm tổ tiên phải làm đối với tổ tiên, còn có những trách nhiệm Thiên thần phải làm đối với Thiên thần, còn có những trách nhiệm vua chúa phải làm đối với vua chúa, lại còn thân này cần phải làm cho thỏa mãn và trường dưỡng!

- Nay Dhànanjani, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người vì cha mẹ làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy làm được gì khi nói: 'Tôi vì cha mẹ đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh. Chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục'? Hay cha mẹ của người ấy làm được gì khi nói: 'Con chúng tôi vì cha mẹ đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh. Chớ có để các địa ngục quân kéo nó đến địa ngục'?

- Thưa không được, Tôn giả Sàriputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

- Nay Dhànanjani, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người vì vợ con làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy làm được gì khi nói: 'Tôi vì vợ con đã làm các điều phi pháp, đã làm điều bất chánh. Chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục'? Hay vợ con người ấy có làm được gì khi nói: '(Chồng, cha tôi) vì chúng tôi đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh. Chớ có để các địa ngục quân kéo (chồng, cha tôi) đến địa ngục'?

- Thưa không được, Tôn giả Sàriputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

- Nay Dhànanjani, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người

vì đầy tớ lao công làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy làm được gì khi nói: 'Tôi vì các đầy tớ lao công đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh. Chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục'? Hay các đầy tớ lao công có làm được gì khi nói: '(Chủ chúng tôi) vì chúng tôi đã làm các điều phi pháp, đã làm các điều bất chánh. Chớ có để các địa ngục quân kéo (chủ chúng tôi) đến địa ngục'?

- Thưa không được, Tôn giả Sàriputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

- Nay Dhànanjani, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người vì bạn bè thân hữu... vì các tân khách... vì tổ tiên... vì chư Thiên... vì vua chúa... (như trên, với những thay đổi cần thiết)... dầu người ấy có khóc than.

- Nay Dhànanjani, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người vì làm cho thỏa mãn, vì trường dưỡng cái thân, làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh. Do nhân duyên làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh này, các địa ngục quân kéo người ấy đến địa ngục. Người ấy làm được gì khi người ấy nói: 'Vi làm cho thỏa mãn, vì trường dưỡng cái thân, tôi đã làm các điều phi pháp, đã làm ra các điều bất chánh này. Chớ có để các địa ngục quân kéo tôi đến địa ngục'? Hay các người khác có làm được gì khi họ nói: 'Vi làm cho thỏa mãn, vì trường dưỡng cái thân, người này làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh này. Chớ có để các địa ngục quân kéo nó đến địa ngục'?

- Thưa không được, Tôn giả Sàriputta. Các địa ngục quân vẫn quăng người ấy xuống địa ngục, dầu người ấy có khóc than.

- Nay Dhànanjani, Ông nghĩ thế nào? Một người vì cha mẹ làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, hay một người vì cha mẹ làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

- Thưa Tôn giả Sàriputta, người vì cha mẹ làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sàriputta, người vì cha mẹ làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sàriputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

- Nay Dhànanjani, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể phụng dưỡng cha mẹ, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Nay Dhànanjani, Ông nghĩ thế nào? Một người vì vợ con làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, hay một người vì vợ con, làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

- Thưa Tôn giả Sàriputta, một người vì vợ con làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sàriputta, một người vì vợ con làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sàriputta, hành trì



đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

- Nay Dhànanjani, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể nuôi dưỡng vợ con, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Nay Dhànanjani, Ông nghĩ thế nào? Một người vì đầy tớ lao công làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, hay một người vì đầy tớ lao công làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

- Thưa Tôn giả Sàriputta, người vì đầy tớ lao công làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sàriputta, người vì đầy tớ lao công làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sàriputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

- Nay Dhànanjani, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể nuôi dưỡng đầy tớ lao công, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Nay Dhànanjani, Ông nghĩ thế nào? Một người vì bạn bè thân hữu... vì bà con huyết thống... vì tân khách... vì tổ tiên... vì chư Thiên... vì vua chúa... (như trên, với những thay đổi cần thiết)... hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

- Nay Dhànanjani, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, có thể làm các trách nhiệm vua chúa phải làm đối với vua chúa, không làm các điều ác, làm được các thiện hành. Nay Dhànanjani, Ông nghĩ thế nào? Một người vì làm thỏa mãn, vì trường dưỡng cái thân làm điều phi pháp, làm các điều bất chánh, hay một người vì làm thỏa mãn, vì trường dưỡng cái thân, làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, ai tốt đẹp hơn?

- Thưa Tôn giả Sàriputta, người vì làm thỏa mãn, vì trường dưỡng cái thân làm các điều phi pháp, làm các điều bất chánh, người ấy không tốt đẹp hơn. Và thưa Tôn giả Sàriputta, người vì làm thỏa mãn, vì trường dưỡng cái thân, làm các điều đúng pháp, làm các điều chơn chánh, người ấy tốt đẹp hơn. Thưa Tôn giả Sàriputta, hành trì đúng pháp, hành trì chơn chánh tốt đẹp hơn hành trì phi pháp, hành trì bất chánh.

- Nay Dhànanjani, có những hành động khác có nhân, đúng pháp, với những hành động này có thể làm thỏa mãn, trường dưỡng cái thân, không làm các điều ác, làm được các thiện hành.

Bà-la-môn Dhànanjani hoan hỷ tin thọ lời Tôn giả

Sàriputta dạy⁷.

Câu chuyện đàm đạo trên cho thấy Bà-la-môn Dhànanjani rơi vào lối sống phóng dật - thân làm việc bất chánh, phi pháp (sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục), miệng nói lời bất chánh, phi pháp (nói láo, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm), ý nghĩ điều bất chánh, phi pháp (có tham tâm, có sân tâm, có tà kiến), cho rằng sở dĩ như thế là do có nhiều trách nhiệm phải làm đối với tự thân và mọi người khác. Tôn giả Sàriputta không trực tiếp phê phán lối sống phóng dật gắn liền với những suy nghĩ nông nổi của Bà-la-môn Dhànanjani. Vị Tôn giả đại trí tuệ Sàriputta chỉ gợi cho Bà-la-môn Dhànanjani về hậu quả và trách nhiệm của lối sống phóng dật, xác minh rằng không ai tránh được cũng không thể dùng bất kỳ lý do gì để biện hộ làm giảm nhẹ quả báo quả khổ đau của lối sống phóng dật - thân làm việc bất chánh, phi pháp, miệng nói lời bất chánh, phi pháp, ý nghĩ điều bất chánh, phi pháp. Đây là quan điểm rất nghiêm túc của đạo Phật trong đường lối giáo dục nếp sống đạo đức và hạnh phúc của con người, một quan điểm hết sức đúng đắn và thận trọng, không chấp nhận mọi hành vi sai trái xấu ác được làm vì bất cứ lý do gì. Hẳn nhiên, con người ta hoàn toàn có quyền sống theo chí hướng của riêng mình nhưng không nên và không thể nhân danh trách nhiệm với người này hay người kia để làm ác. Nói cách khác, con người không thể viện dẫn lý do này hay lý do khác để chạy chữa cho các ác nghiệp hay lối sống sai trái của chính mình. Luật nhân quả từ chối mọi biện hộ và không giảm thiểu tội trạng của người làm ác vì bất cứ lý do gì.

Nhưng trong khi phê phán mạnh mẽ lối sống bất chánh, phi pháp, Phật giáo đề cao và khuyến khích nếp sống chơn chánh, đúng pháp - thân làm việc chơn chánh, đúng pháp, (không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục), miệng nói lời chơn chánh, đúng pháp (không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm), ý nghĩ điều chơn chánh, đúng pháp (không tham tâm, không sân tâm, có chánh kiến), cho rằng đây chính là lẽ sống tốt đẹp mà mọi người cần nỗ lực theo đuổi nhằm nuôi dưỡng bản thân mình cũng như thể hiện trách nhiệm đối với mọi người khác trong các mối tương hệ giữa cuộc đời. Kinh Phật gọi nếp sống như vậy là "điểm lành tối thượng" (mahamangala) và nêu rõ:

*Không thân cận kẻ ngu,
Nhưng gần gũi bậc trí,
Đảnh lễ người đáng lễ,
Là điểm lành tối thượng.*

*Ở trú xứ thích hợp,
Công đức trước đã làm,
Chân chánh hướng tự tâm,
Là điểm lành tối thượng.*

Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,
Khéo huấn luyện, học tập,
Nói những lời khéo nói,
Là điểm lành tối thượng.

Hiếu dưỡng mẹ và cha,
Nuôi dưỡng vợ và con,
Làm nghề không rắc rối,
Là điểm lành tối thượng.

Bố thí, hành đúng pháp,
Săn sóc các bà con,
Làm nghiệp không lỗi lầm,
Là điểm lành tối thượng.

Chấm dứt, từ bỏ ác,
Chế ngự đam mê rượu,
Trong pháp, không phóng dật,
Là điểm lành tối thượng.

Kính lễ và hạ mình,
Biết đủ và biết ơn,
Đúng thời, nghe chánh pháp,
Là điểm lành tối thượng.

Nhẫn nhục, lời hòa nhã,
Yết kiến các Sa-môn,

Đúng thời, đàm luận pháp,
Là điểm lành tối thượng.

Khắc khổ và phạm hạnh,
Thấy được lý Thánh đế,
Giác ngộ quả Niết-bàn,
Là điểm lành tối thượng.

Khi xúc chạm việc đời,
Tâm không động, không sầu,
Không uế nhiễm, an ổn,
Là điểm lành tối thượng.

Làm sự việc như vậy,
Không chỗ nào thất bại,
Khắp nơi được an toàn,
Là điểm lành tối thượng.⁸ ■

Chú thích:

1. Kinh Sự kiện cần phải quán sát, *Tăng Chi Bộ*.
2. Kinh Dhānañjāni, *Trung Bộ*.
3. Kinh Thanh niên Licchavi, *Tăng Chi Bộ*.
4. Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt, *Trường Bộ*.
5. Kinh Điểm lành tối thượng, *Tiểu Bộ*.
6. Kinh Thiên sứ, *Trung Bộ*.
7. Kinh Dhānañjāni, *Trung Bộ*.
8. Kinh Điểm lành tối thượng, Kinh tập, *Tiểu Bộ*.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
Chùa Bảo An : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,
Q.5, PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
Cty TNHH Cơ khí Mè Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
Cty Nến Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCFH ĐN : 1 cuốn/kỳ
Cty Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
(namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **454 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
Email: toasoanhvpg@gmail.com

Ban Biên tập



Như huyễn

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Như huyễn là một chủ đề quan trọng của kinh *Hoa Nghiêm*, cho nên như huyễn được nói đến từ đầu cho đến cuối kinh. Ở đây, chúng ta tìm hiểu như huyễn ở hai phương diện: Như huyễn của pháp giới, và như huyễn là sự tu hành của cá nhân.

1 *Như huyễn của pháp giới*

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, như huyễn được nói đến lần đầu như sau:

*Phật thân vô tận như hư không
Vô tướng vô ngại khắp mười phương
Như huyễn như hóa khắp ứng hiện*

*Biến Hóa Âm Vương đã ngộ được.
(Thế chủ Diệu Nghiêm, thứ 1)*

Pháp giới là Phật thân, và Phật thân ấy “như huyễn như hóa khắp ứng hiện”. Phật thân ấy là Hóa thân của Pháp thân tánh Không “vô tận như hư không”. Như vậy, Pháp giới hay Hóa thân thì như huyễn như hóa vì hóa hiện từ Phật thân tánh Không.

*Như Lai tạng pháp thân
Vào khắp trong thế gian
Dầu ở nơi thế gian
Mà không nhiễm thế pháp.
Ví như trong nước sạch
Hình bóng không đến đi
Pháp thân khắp thế gian
Nên biết cũng như vậy.
Thân, thế gian thanh tịnh
Lặng dưng như hư không
Tất cả không có sanh
Biết thân là vô tận.
Không sanh cũng không diệt
Chẳng thường chẳng vô thường
Thị hiện các thế giới
Pháp tánh không đến đi.
Chẳng chấp ta, của ta
Ví như nhà huyễn thuật
Hiện hiện các sự vật
Sự không từ đâu đến
Sự không đi về đâu.
Tánh huyễn chẳng hữu lượng
Cũng chẳng phải vô lượng
Ở trong đại chúng kia
Thị hiện lượng, vô lượng.*

(Phổ Hiền hạnh, thứ 36)

Có hiện mà thật không hiện, không từ đâu đến, không đi về đâu, không sanh cũng không diệt, chẳng phải thường chẳng phải vô thường... thế nên như huyễn. Như huyễn vì tất cả xuất hiện trên nền tảng “pháp tánh không đến đi”, cho nên tất cả cũng không đến không đi, chẳng thường cũng chẳng đoạn, không từ đâu đến cũng không đi về đâu.

Sắc là có, dầu một cách quy ước tương đối, cho nên mới có danh từ sắc. Nhưng thật ra, “sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác sắc; sắc tức là Không, Không tức là sắc”. Như thế sắc là như huyễn, vì thật ra sắc tức là Không. Hơn nữa, “Không chẳng khác sắc, Không tức là sắc”, có nghĩa là sắc từ Không hóa hiện ra, hóa hiện mà vẫn có bản chất là tánh Không, cho nên sự hóa hiện ra sắc là như huyễn.

Sắc là chân lý quy ước, tương đối, là thế đế. Tánh Không là chân lý tối hậu, tuyệt đối, là chân đế. Chân lý quy ước, tương đối là như huyễn so với chân lý tối hậu, tuyệt đối. Tướng là như huyễn so với Vô tướng, Niệm là

như huyễn so với Vô niệm, Trụ là như huyễn so với Vô trụ, Tác là như huyễn so với Vô tác.

Như Lai tạng, hay Phật Tỳ-lô-giá-na, tức là Phật Quang Minh Biến Chiếu, nghĩa là ánh sáng chiếu khắp cả. Trong ánh sáng nền tảng ấy, những sự vật là những “ảnh hiện” thì những ảnh hiện ấy phải là như huyễn, vì ảnh hiện có nền tảng là ánh sáng, hiện từ ánh sáng và tiêu tan trong ánh sáng. Những ảnh hiện ấy dường như khác với ánh sáng căn bản, nhưng thật ra chúng không khác, chúng chính là ánh sáng căn bản. Thấy khác mà không khác, cho nên chúng là như huyễn.

Trí Phổ Hiền thấy không gian và thời gian, tất cả vũ trụ là như huyễn.

Thấy như huyễn là cái thấy pháp giới:

*Chúng sanh, thế giới, kiếp
Chư Phật và Phật pháp
Tất cả như huyễn hóa
Pháp giới đều bình đẳng...
Rõ biết các thế gian
Như dương diệm như ảnh
Như vang cũng như mộng
Như huyễn, như biến hóa.
Tùy thuận nhập như vậy
Chỗ sở hành chư Phật
Thành tựu trí Phổ Hiền
Chiếu khắp pháp giới sâu.
Nhiễm trước chúng sanh, cõi
Đều hoàn toàn buông bỏ
Mà khởi tâm đại bi
Thanh tịnh khắp thế gian.*

(Phổ Hiền hạnh, thứ 36)

Thấy được các pháp không có sanh không có diệt, không chỗ đến không chỗ đi, nghĩa là như huyễn, tức là “thấy được Phật, chỗ sở hành của chư Phật”:

*Các pháp không đâu đến
Cũng không có tác giả
Cũng không từ đâu sanh
Ở ngoài mọi phân biệt.
Tất cả pháp không đến
Vì thế nên không sanh
Vi đã không có sanh
Nên cũng không có diệt.
Tất cả pháp vô sanh
Tất cả pháp vô diệt
Nếu biết được như vậy
Người này thấy được Phật.*

(Dạ-ma cung kệ tán, thứ 20)

Pháp thân tánh Không không hiện mà hiện sắc màu, nên sắc màu ấy là như huyễn. Do đó, thấy được như huyễn là thấy được pháp giới tánh, thấy được Phật:

*Người muốn ca ngợi Phật
Sắc thân diệu vô biên*

Hết cả vô số kiếp
 Cũng không thể nói hết.
 Ví như ngọc như ý
 Hay hiện tất cả màu
 Không màu mà hiện màu
 Chư Phật cũng như vậy.
 Cũng như hư không sạch
 Không sắc, chẳng thể thấy
 Dầu hiện tất cả sắc
 Không ai thấy hư không.
 Chư Phật cũng như vậy
 Hiện khắp vô lượng sắc
 Chẳng phải cảnh của tâm
 Nên chẳng ai thấy được.

(Dạ-ma cung kệ tán, thứ 20)

Thấy tất cả pháp giới là không sanh không diệt, không đến không đi, không một không nhiều, không tăng không giảm... nghĩa là như huyễn, thì như huyễn này cũng là sự thanh tịnh của tánh Không, của pháp tánh, của bản tánh Niết-bàn. Đó là thấy Như Lai:

Nếu thấy được thân Phật
 Thanh tịnh như pháp tánh
 Với tất cả Phật pháp
 Người này không nghi lầm.
 Nếu thấy tất cả pháp
 Bản tánh như Niết-bàn
 Đây là thấy Như Lai
 Rốt ráo vô sở trụ.

(Dạ-ma cung kệ tán, thứ 20)

2 Như huyễn trong sự tu hành của cá nhân

Trong kinh Hoa Nghiêm có hẳn một phẩm nói về tu hành như huyễn, đó là phẩm Mười Nhẫn. Mười Nhẫn là: âm thanh nhẫn, thuận nhẫn, vô sanh pháp nhẫn, như huyễn nhẫn, như diệm nhẫn, như mộng nhẫn, như vang nhẫn, như ảnh nhẫn, như hóa nhẫn, như không nhẫn.

Các pháp trong thế gian
 Tất cả đều như huyễn
 Nếu biết được như vậy
 Thì tâm không bị động.
 Các nghiệp từ tâm sanh
 Nên nói tâm như huyễn
 Nếu li tâm phân biệt
 Cõi hữu lậu diệt hết.
 Ví như nhà huyễn thuật
 Hiện khắp các sắc tượng
 Cho chúng tham khát hạo
 Rốt ráo vô sở đắc.
 Thế gian cũng như vậy
 Tất cả đều như huyễn
 Vô tánh cũng vô sanh
 Thị hiện có các thứ.

Độ thoát các chúng sanh
 Khiến biết pháp như huyễn
 Chúng sanh chẳng khác huyễn
 Biết huyễn không chúng sanh...
 Vật huyễn không tri giác
 Cũng không có trụ xứ
 Rốt ráo tướng tịch diệt
 Chỉ theo phân biệt hiện.

(Mười Nhẫn, thứ 29)

Quán như huyễn thì tự giải thoát vì “cõi hữu lậu diệt hết”, và giải thoát cho chúng sanh, bằng cách chỉ dạy họ biết pháp như huyễn, nhưng đồng thời cũng giải thoát khỏi việc độ thoát này, vì chúng sanh cũng như huyễn. Chỉ quán huyễn là làm trọn hạnh Bồ-tát, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

Biết tâm như huyễn thì biết chư Phật “như huyễn như hóa khắp ứng hiện”. Đó cũng là biết pháp giới tánh:

Ví như họa sĩ kia
 Phân bố những màu sắc
 Hư vọng vẽ tướng khác
 Nhưng đại không sai khác.
 Trong đại không có sắc
 Trong sắc không có đại
 Cũng chẳng ngoài các đại
 Mà có được màu sắc.
 Trong tâm không màu vẽ
 Trong màu vẽ không tâm
 Nhưng chẳng rời khỏi tâm
 Mà có được màu vẽ.
 Tâm đó luôn chẳng trụ
 Vô lượng khó nghĩ bàn
 Thị hiện tất cả sắc
 Đều riêng chẳng biết nhau.
 Ví như một họa sĩ
 Chẳng biết được tự tâm
 Mà do tâm nên vẽ
 Tánh các pháp như vậy.
 Tâm như nhà họa sĩ
 Hay vẽ những thế gian
 Năm uẩn từ tâm sanh
 Không pháp gì chẳng tạo.
 Như tâm, Phật cũng vậy
 Như Phật, chúng sanh đồng
 Phải biết Phật và tâm
 Thể tánh đều vô tận.
 Nếu người biết tâm hành
 Tạo khắp các thế gian
 Người này thấy được Phật
 Thấu rõ chân tánh Phật.
 Tâm chẳng trụ nơi thân
 Thân chẳng trụ nơi tâm
 Mà làm được Phật sự
 Tự tại chưa từng có.

*Nếu người muốn rõ biết
Tất cả Phật ba đời
Phải quán pháp giới tánh
Tất cả duy tâm tạo.*

(Dạ-ma cung kệ tán, thứ 20)

Quán tâm như huyễn là khi một niệm, một tư tưởng vừa khởi lên thì do biết tâm là tánh Không, không chỗ trụ, không chỗ đắc, nên biết tư tưởng khởi sanh từ tâm ấy cũng không chỗ trụ, không chỗ đắc; nghĩa là như huyễn. Một tư tưởng, một màu vẽ khởi sanh thì biết ngay “trong tâm không màu vẽ, trong màu vẽ không tâm”, nên tư tưởng, màu vẽ ấy là như huyễn. Tâm thì không chỗ trụ mà vẽ nên “thị hiện tất cả sắc”, nên tất cả sắc ấy không đến từ đâu, không đi về đâu, nghĩa là như huyễn. Tâm hay vẽ những thế gian, vẽ ra sanh tử, nhưng tâm ấy là vô tận, không đáy, không bản chất, nên thế gian, sanh tử là như huyễn.

Quán như huyễn như vậy khiến người ta giải thoát khỏi nghiệp thức đã vẽ nên, đã dệt nên thế giới sanh tử cho riêng mình. Rồi với lòng bi thấy người khác không thể nào ra khỏi thế giới sanh tử do chính họ dệt nên bèn chỉ dạy cho họ quán huyễn. Đồng sự với mọi người, làm việc với mọi người như vậy nhưng nhờ biết tất cả là như huyễn nên không nhọc mệt, oán than.

Quán như huyễn người ta dần dần giải thoát. Giải thoát không phải là thoát đi một nơi nào khác, mà giải thoát là thấy sanh tử như huyễn:

*“Bồ-tát rất ráo lìa tất cả tâm tướng phân biệt kiến chấp
điên đảo, được cái thấy chân thật, thấy thật tánh của
pháp, biết tất cả thế gian như mộng như huyễn, không có
chúng sanh, chỉ do lực đại bi, đại nguyện mà hiện ra trước
chúng sanh để giáo hóa điều phục họ...”*

*Như hư không bao la, tất cả thế giới thành hoại trong
đó, mà hư không vẫn chẳng phân biệt, bản tánh thanh
tịnh không nhiễm, không loạn, không ngại, không chán,
chẳng dài chẳng ngắn, tận vị lai kiếp gìn giữ tất cả các cõi.”*
(Nhập Pháp giới, thứ 39)

Vị Bồ-tát thấu rõ như huyễn thì sống trong pháp giới như huyễn, gọi là huyễn trụ:

*“Chúng ta chứng được sự giải thoát của Bồ-tát có tên
là Huyễn Trụ.*

Vì được môn giải thoát này nên thấy:

*Tất cả thế giới đều là huyễn trụ, do nhân duyên mà sanh
khởi.*

*Tất cả chúng sanh đều là huyễn trụ, do nghiệp phiền
nã mà khởi.*

*Tất cả thế gian đều là huyễn trụ, do vô minh, hữu, ái,
xoay vần làm duyên sanh khởi.*

*Tất cả pháp đều là huyễn trụ, do những huyễn duyên,
ngã kiến... mà sanh khởi.*

*Tất cả ba đời đều là huyễn trụ, do những điên đảo, vọng
tưởng, ngã kiến... sanh khởi.*

*Tất cả chúng sanh sanh diệt, sanh lão bệnh tử, lo buồn
khổ não, đều là huyễn trụ, do phân biệt hư vọng sanh khởi.*

*Tất cả quốc độ đều là huyễn trụ, do tưởng điên đảo, tâm
điên đảo, kiến điên đảo và vô minh hiện khởi.*

*Tất cả Bồ-tát đều là huyễn trụ, do những hạnh nguyện
hay tự điều phục và giáo hóa chúng sanh mà thành.”*

(Nhập Pháp giới, thứ 39)

Với sự thấy biết huyễn trụ như vậy, Đồng tử Thiện Tài đi vào lầu gác Đức Di-lặc, lầu gác đó chính là pháp giới trang nghiêm của chư Phật:

“Khi ấy, Bồ-tát Di-lặc nói với Thiện Tài:

*“Thiện nam tử! Pháp tánh như vậy, tính chất là không
chỗ trụ, tất cả mọi sự được lập nên do trí huệ của chư Bồ-
tát làm nhân duyên tụ tập mà hiện ra. Chúng vốn không
thật, như huyễn, như mộng, như bóng ảnh phản chiếu,
đều chẳng thành tựu...”*

*Như nhà huyễn thuật làm những huyễn sự: không
từ đâu đến, không đi đến đâu. Dầu không đến không đi
nhưng do huyễn lực mà thấy rõ ràng. Cũng vậy, những sự
trang nghiêm này không từ đâu đến, không đi đến đâu,
nhưng do tu lực trí huyễn không thể nghĩ bàn và do lực đại
nguyện xưa của Bồ-tát mà hiển hiện như vậy...”*

*Chư Bồ-tát không đến không đi, như vậy mà đến, không
đi không ở, như vậy mà đến. Không chỗ, không chấp,
không mất, không hiện, không ở, không dời, không động,
không khởi, không luyến, không nhiễm, không nghiệp,
không báo, không khởi, không diệt, không đoạn, không
thường, như vậy mà đến...”*

(Nhập Pháp giới, thứ 39)

Pháp giới Hoa Nghiêm là Chân Không Diệu Hữu. Diệu Hữu chỉ thật là Diệu Hữu khi Diệu Hữu ấy là như huyễn. ■



Tâm từ bi

là tâm giải thoát

TÂM TỊNH

1 Tâm từ là Như Lai

Đạo Phật là đạo từ bi. Vì thế, là người con Phật, chúng ta phải tu tâm từ bi, trường dưỡng tâm từ bi trong cuộc sống mỗi ngày; vì tâm từ là cội nguồn của mọi thiện nghiệp, là Phật tánh của chúng sanh. Điều này được Đức Phật thuyết trong kinh *Đại bát Niết-bàn*, khi Ngài nói với Trưởng lão Ca-diếp: “Nếu có người hỏi gì là căn bản của tất cả pháp lành? Nên đáp: Chính là tâm từ... Nay thiện nam tử! Tâm từ chính là Phật tánh của chúng sanh, Phật tánh như vậy từ lâu bị phiền não che đậy nên làm cho chúng sanh chẳng đặng nhìn thấy. Phật tánh chính là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai”. [1, tr.520].

2 Chúng sanh là gốc rễ, Bồ-tát dùng nước Đại bi tưới nhuần gốc rễ chúng sanh làm trở bông Bồ-tát trí huệ

Người tu tâm từ bi lấy chúng sanh làm gốc rễ, luôn vì lợi ích chúng sanh từ thân hành, khẩu hành cho đến ý hành, thì có thể trở bông Bồ-tát trí huệ.

Trong Mười hạnh nguyện Phổ Hiền, nguyện thứ chín – nguyện Hằng thuận chúng sanh – Bồ-tát Phổ Hiền thuyết:

“Bồ-tát có thể tùy thuận chúng sanh, thì chính là tùy thuận cúng dường các Đức Phật, còn tôn trọng thừa sự chúng sanh chính là tôn trọng thừa sự các Đức Như Lai, làm cho chúng sanh vui mừng cũng chính làm cho tất cả Như Lai vui mừng.

“Vì sao thế? Vì các Đức Như Lai dùng tâm đại bi làm thể. Nhân nơi chúng sanh mà sinh lòng đại bi, nhân lòng đại bi mà phát tâm Bồ-đề, nhân nơi tâm Bồ-đề mà thành Chánh giác. Ví như giữa chốn sa mạc có cây thọ vương to lớn, nơi gốc cây ấy được tưới nhuần, thì cành lá hoa quả thấy đều sum suê tươi tốt.

“Cây thọ vương Bồ-đề giữa chốn sa mạc sinh tử rộng lớn cũng lại như vậy: Tất cả chúng sanh là gốc rễ, Bồ-tát là hoa, Phật là quả. Dùng nước đại bi tưới nhuần gốc rễ chúng sanh thì có thể trở bông Bồ-tát trí huệ và kết thành quả Phật toàn giác. Vì sao thế? Bởi các Bồ-tát dùng nước đại bi làm lợi ích cho chúng sanh thì có thể thành tựu quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên, quả Bồ-đề thuộc về chúng sanh; không chúng sanh, tất cả Bồ-tát trọn không thể thành tựu Vô thượng Bồ-đề” [2, tr.28-29].

Lại nữa, trong kinh *Tăng nhất A-hàm*, Thế Tôn cũng ân cần khuyến tấn chư Tỳ-kheo tu sức đại từ bi của chư Phật vì lợi ích chúng sanh: “Chư Phật Thế Tôn thành tựu đại từ bi, lấy đại từ bi làm sức mạnh để lợi ích rộng rãi cho chúng sanh. Thế nên, các Tỳ-kheo! Nên nhớ tu hành sức đại từ bi này. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này” (*Kinh Tăng nhất A-hàm*, tập II, phẩm Lực, VNCPHVN ấn hành, 1998, tr.482) [3].

Chính vì thế, cũng ở đoạn Đức Phật nói với Trưởng lão Ca-diếp trong kinh *Đại bát Niết-bàn*, Thế Tôn dạy: “Nay thiện nam tử, Chơn giải thoát là nơi ngạ quỷ ái. Vì thương xót chúng sanh mà có pháp ái. Pháp ái như vậy là chơn giải thoát” [4, tr.169].

3 Pháp hành tâm từ bi

Lòng từ được thể hiện qua nhiều pháp hành như thiền rải tâm từ, niệm Phật rải tâm từ, thiền quán từ bi, hồi hướng công đức tu tập thân tâm (Niệm Phật, tọa thiền, trì chú, tụng kinh...), bố thí, phóng sanh v.v... cho tất cả chúng sanh trong mười phương được an lành và sớm lên bờ giác.

3.1 Rải tâm từ hay thiền quán từ bi

Trong kinh *Tăng Chi Bộ*, phẩm Nhất pháp, Phật có nói một câu: “Nếu một vị khất sĩ tu Từ quán, dầu chỉ thực



Ảnh: **Mai Nam**

tập trong một chốc lát, thời gian bằng một cái búng tay thôi, thì vị khất sĩ đó đã xứng đáng là một vị khất sĩ rồi". Câu nói đó chứng tỏ rằng Từ quán rất quan trọng trong đạo Phật. Phật nói tiếp: "Thầy khất sĩ đó sẽ không thất bại trong thiền định, sẽ làm được theo lời bậc đạo sư chỉ dạy, sẽ đáp ứng được những lời khuyến dụ của các vị đạo sư. Và vị đó ăn cơm tín thí không uống". Nếu hằng ngày vị khất sĩ hành trì Từ quán, thì còn công đức gì nhiều hơn, và lớn hơn nữa? [6].

Sau đây là đoạn kinh Từ Bi trong *Tiểu Bộ kinh* mà các thầy Nam tông thường hay tụng nhằm trường dưỡng tâm từ mỗi ngày.

Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana; Ngài dạy các Tỷ-kheo:

*Mong tất cả những ai,
Hữu tình có mạng sống,
Kẻ yếu hay kẻ mạnh,
Không bỏ sót một ai,*



Kẻ dài hay kẻ lớn,
Trung, thấp, loài lớn, nhỏ.
Loài được thấy, không thấy,
Loài sống xa, không xa,
Các loài hiện đang sống,
Các loài sẽ được sanh,
Mong mọi loài chúng sanh
Sống hạnh phúc an lạc.
Mong rằng không có ai,
Lường gạt lừa dối ai,
Không có ai khinh mạn,
Tại bất cứ chỗ nào.
Không vì giận hờn nhau,
Không vì tưởng chống đối.
Lại có người mong muốn,
Làm đau khổ cho nhau.
Như tấm lòng người mẹ,
Đối với con của mình,
Trọn đời lo che chở,
Con độc nhất mình sanh.
Cũng vậy, đối tất cả
Các hữu tình chúng sanh,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng rộng lớn.
Hãy tu tập từ tâm,
Trong tất cả thế giới,
Hãy tu tập tâm ý,
Không hạn lượng rộng lớn.
Phía trên và phía dưới,
Cũng vậy, cả bề ngang,
Không hạn chế, trói buộc,
Không hận, không thù địch.
Khi đứng, hay khi đi,
Khi ngồi, hay khi nằm,
Lâu cho đến khi nào,
Khi đang còn tỉnh thức,
Hãy an trú niệm này,
Nếp sống này như vậy,
Được đời để cập đến,
Là nếp sống tối thượng.

(ĐTKVN, *Tiểu Bộ kinh*, quyển I, kinh Tập, chương 1, phẩm Rắn, phần Kinh Từ bi [trích], Nxb TP.HCM ấn hành, 1999, tr.506) [7].

3.2 Tâm từ bi qua hạnh bố thí

Bố thí là hạnh tu phổ quát của người con Phật để trưởng dưỡng tâm từ bi. Vì sao chúng ta bố thí? Câu trả lời là vì thương xót trước những đau khổ của chúng sanh và mong muốn chúng sanh bớt khổ hoặc đoạn trừ khổ đau và mang lại niềm vui an lành cho họ. Bố thí gồm vật thí, pháp thí, vô úy thí.

3.2.1 Bố thí vật

Bố thí như thế nào được quả lớn, công đức lớn? Bố

thí với tâm mong cầu kết quả tương lai tốt đẹp hơn hoặc bố thí mong để phước lại cho con cháu thì không thể mang lại kết quả lớn. Muốn có kết quả lớn, hãy bố thí vì lòng bi mẫn chúng sanh, mong chúng sanh hết khổ đau và để trang nghiêm tâm; và tối thượng hơn nữa là hồi hướng Vô thượng Bồ-đề hoặc Tây phương Cực lạc.

Phật dạy trong kinh Nikàya về hành bố thí đưa đến quả lớn và công đức lớn như sau:

“Một thời, Thế Tôn ở Campà, trên bờ hồ Gaggara. Bấy giờ có nhiều cư sĩ ở Campà cùng Tôn giả Sàriputta (Xá-lợi-phất) đi đến đánh lễ, bạch Thế Tôn: Có thể, bạch Thế Tôn, ở đây có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn. Nhưng bạch Thế Tôn, ở đây có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn.

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì có hạng người bố thí như vậy, không được quả lớn, không được lợi ích lớn và do nhân gì, do duyên gì có hạng người bố thí như vậy, được quả lớn, được lợi ích lớn?

- Ở đây, này Sàriputta, có người bố thí với tâm mong cầu, bố thí với tâm trói buộc (về kết quả), bố thí với ý nghĩ, ‘Tôi sẽ hưởng thọ cái này trong đời sau’. Vì ấy bố thí như vậy, khi thân hoại mạng chung được cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Tứ Thiên Vương. Khi nghiệp lực được đoạn tận, thần lực, danh tiếng và uy quyền đoạn tận thì trở lui trạng thái này.

Nhưng ở đây, này Sàriputta, có người bố thí với tâm không mong cầu, bố thí với tâm không trói buộc, bố thí không với ý nghĩ, ‘Ta sẽ hưởng thọ cái này ở đời sau’, chỉ bố thí với ý nghĩ ‘lành thay sự bố thí’. Vì ấy bố thí để trang nghiêm tâm. Do bố thí như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Phạm chúng. Khi nghiệp lực đoạn tận, thần lực, danh tiếng và uy quyền đoạn tận, vị ấy trở thành vị Bất lai, không trở lui trạng thái này” (ĐTKVN, *Tăng Chi Bộ III, chương 7, phẩm Tế đàn, phần Bố thí*, VNCPHVN ấn hành, 1996, tr.355) [8].

Điều có thể thấy qua bài kinh này là hành bố thí với tâm rộng lớn là phương tiện giải thoát cho những ai thực hành tâm từ bi vì kiếp lai sinh được sống an vui ở cõi trời sắc giới và khi nghiệp lực đoạn tận thì được quả vị Bất lai (A-na-hàm), không còn quay trở lại nhân gian và sẽ nếm hương vị giải thoát A-la-hán trong thời gian không xa. Vì thế người con Phật nên bố thí với tâm rộng lớn như lời Phật dạy.

Đối với hành giả Đại thừa hay Tịnh độ nên lấy công đức bố thí như thế này hồi hướng Vô thượng Bồ-đề hoặc Tây phương Cực lạc trụ xứ của Đức Phật A-di-đà. Được vậy thì công đức sẽ viên mãn. Trong kinh *Đại bát Niết-bàn*, phẩm Phạm hạnh (Hán tạng), Đức Phật dạy:

“Bồ-tát nếu chẳng thấy được chúng sanh nghèo cùng thời không duyên để sanh lòng từ. Nếu lòng từ chẳng sanh thời không thể khởi tâm *huệ thí*. Do nhơn

duyên *huệ thí* làm cho chúng sanh đặng an vui, ban cho những đồ uống ăn, xe cộ, y phục, hoa hương, giường ghế, nhà cửa đèn đuốc. Lúc ban cho như vậy lòng cõi mở chẳng sanh niệm tham đắm, quyết định hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc đó tâm của Bồ-tát không dừng chỗ nào, dứt hẳn vọng tưởng, chẳng kẹt nói sự sợ sệt, danh dự, tài lợi, chẳng cầu quả báo vui sướng cõi trời, cõi người, chẳng kiêu mạn, chẳng trông người trả ơn, chẳng vì phỉnh người mà làm việc bố thí, chẳng cầu giàu sang cõi phàm lúc làm việc bố thí, chẳng thấy người thọ là tri giới hay phá giới, là phước điển hay chẳng là phước điển, là tri thức hay chẳng phải tri thức. Lúc bố thí cũng chẳng thấy là cần khí hay chẳng cần khí, chẳng lựa ngày giờ, chẳng chọn chỗ nơi cũng chẳng tính được mùa hay đói kém, chẳng thấy nhơn quả, chẳng phân biệt chúng sanh hay chẳng phải chúng sanh, là phước hay chẳng là phước” [9, tr.509-510].

Một câu chuyện Phật giáo kể về một nam cư sĩ chuẩn bị món ăn thượng hạng để cúng dường Thế Tôn nhưng lại đem thí cho một con chó đói ăn là bài pháp ý vị về hành pháp bố thí không phân biệt mà chỉ vì lòng bi mẫn, như sau:

Trên đường đến tịnh xá nơi Đức Phật cư ngụ cùng với chư Tỷ-kheo, một con chó cái ốm trơ xương đang đói nhìn cư sĩ như cầu xin ăn. Vị cư sĩ thấy động lòng thương cảm và bố thí phần thức ăn (dùng để cúng dường Đức Phật) cho chú chó đáng thương này ăn. Cư sĩ đến gặp Thế Tôn để tạ tội. Nhắc thấy cư sĩ, Đức Phật nói với các Tỷ-kheo: “Này các Tỷ-kheo, hôm nay Ta có một bài pháp hay cho các ông. Thế Tôn không những không trách cư sĩ mà còn tán thán việc làm này của cư sĩ: bố thí cho chúng sanh tức là cúng dường Như Lai vậy” [10].

3.2.2 Bố thí pháp

Trong tất cả thí, bố thí pháp là bố thí hơn tất cả vì thí pháp mang lại sự an lạc, hạnh phúc và giải thoát cho người nhận bố thí. Chính vì thế, trong kinh *Hiển Ngu*, Đức Phật dạy:

*Thường làm theo tâm từ
Từ bỏ tưởng giận hại
Đại bi thương chúng sanh
Quần lòng rơi nước mắt
Tu làm thân đại hỷ
Với mình cũng đắc pháp
Cứu giúp bằng đạo lý
Ấy là Bồ-tát hạnh* [11, tr.10].

3.2.3 Vô úy bố thí

Ngoài pháp thí và vật thí, để trưởng dưỡng tâm từ bi, người con Phật cũng phải nên thực hành Vô úy thí tức là làm cho chúng sanh an lành, không sợ hãi. Có thể thực hành pháp này trong cuộc sống thường ngày

bằng những lời khuyên từ ái đến những người bất an, lời hỏi thăm ân cần đến những người bệnh, người già neo đơn hoặc bằng sự có mặt vững chãi trong chánh niệm và từ ái của mình.

Vô úy thí có thể thực hành qua việc phóng sanh. Đây là hạnh lành mà ngày nay nhiều Phật tử thường hay hành để tăng trưởng lòng từ. Có thể nói phóng sanh cùng với quy y, niệm Phật... là một sự kết hợp hoàn chỉnh vì nhiếp cả ba loại thí này: Dùng tiền mua vật phóng sanh là vật thí, cứu vật thoát cảnh bị làm thịt là vô úy thí và quy y, niệm Phật cho chúng là pháp thí.

Để nuôi dưỡng tâm từ bi lớn mạnh, người con Phật nên học rộng nghe nhiều để trí huệ thêm lớn. Có trí huệ, chúng ta mới hành đúng chánh pháp làm lợi lạc cho người và chúng sanh. Có như vậy tâm từ bi phát triển một cách rộng lớn và vững chãi.

4 Đúc kết

Bài kết tập này xin khép lại bằng lời dạy của ngài Lục tổ Huệ Năng: “Phải cố gắng học rộng nghe nhiều, phải biết bốn tâm mình, phải hiểu rõ đạo lý của chư Phật, phải hòa mình vào thế gian để cứu giúp người và vật, không phân biệt ta và người, nghĩ thẳng đến quả vị Bồ-đề” [12, tr.233-234]. ■

Nguồn tham khảo:

[1] & [8] *Đại bát Niết-bàn*, tập I, Phẩm Phạm hạnh (1999, PL2543). Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch, Nxb TP.HCM.

[2] *Kinh Phổ Hiền hạnh nguyện* (2005, PL 2549). Hòa thượng Thích Trí Tịnh. Nxb Tôn Giáo.

[3] *Những sức mạnh ở đời* – Giác Ngộ [Online] available <http://giacngo.vn/phathoc/2014/12/07/1BF058/>.

[4] *Đại bát Niết-bàn*, tập I, phẩm Tứ tướng (1999, PL2543). Hòa thượng Thích Trí Tịnh dịch, Nxb TP.HCM.

[5] *Quan điểm về Đức Phật của Phật giáo Thiên tông đời Trần*. Thích Phước Đạt. Thư viện Hoa Sen [Online] Available <http://thuvienhoasen.org/a18600/quan-diem-ve-duc-phat-cua-phat-giao-thien-tong-doi-tran>.

[6] *Tu tập Từ quán* Langmai.org. [Online] available http://langmai.org/tang-kinh-cac/vien-sach/giang-kinh/tra-tim-cua-but/bai23-tu-tap-tu-quan?set_language=vi.

[7] *Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya*, tập III, VI Từ Bi Hỷ Xả, Rải tâm từ (2014). Thích Quảng Tánh. Nxb Hồng Đức.

[9] *Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikàya*, tập I, II. Bồ Thí & Cúng Dường, 2. Bồ thí với tâm rộng lớn (2014). Thích Quảng Tánh. Nxb Hồng Đức.

[10] Trích Truyện cổ Phật giáo.

[11] *Kinh Hiền Ngu*, phẩm Phạm Thiên thỉnh Pháp. Hán dịch Sa-môn Tuệ Giác. Việt dịch Hòa thượng Thích Trung Quán. [Online] Available <http://www.wattpad.com/1093613-kinh-hi%E1%BB%81n-ngu>.

[12] *Pháp Bảo Đàn kinh – Tư tưởng và cuộc đời Lục tổ Huệ Năng* (1999). Dịch và chú giải Đình Sĩ Trang. National Library of Australia.

Thử luận về “vạn pháp duy thức” từ góc độ “nghiệp”

DƯƠNG ĐÌNH TÙNG

1 Câu “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức” được Phật thuyết trong kinh *Hoa Nghiêm* đã tạo ra nhiều luận giải, kiến giải khác nhau về mặt tư tưởng trong nhà Phật cũng như trong giới nghiên cứu Phật giáo. Sự tranh luận này là tích cực, phản ánh được tầm vóc của giáo lý nhà Phật, và cũng để thấy triết học Phật giáo nói chung và triết học Duy thức nói riêng đang còn nhiều “vùng thiêng” cần được giải. Vấn đề “vạn pháp duy thức” được bàn nhiều cũng có lý do của nó; bởi trả lời được câu hỏi này chính là giải quyết được vấn đề bản thể trong triết học Phật giáo: thế giới tồn tại hay không tồn tại, thế giới có bản tính là vật chất hay tinh thần, và nó được sinh thành từ đâu. Đã có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề Phật giáo chủ trương duy tâm hay duy vật. Ở đây, dựa trên quan điểm duy thức về hoạt dụng của thức, chúng tôi thử luận giải vấn đề bản thể từ góc độ nghiệp.

Giáo lý nhà Phật rất đồ sộ. Tam tạng kinh điển là thành quả của nhà Phật nói riêng, của nhân loại nói chung; và ngày nay, người ta càng hướng tâm hơn đến những điều Đức Phật đã thuyết từ hơn 2.500 năm trước. Tuy nhiên, lập thuyết hay lý luận đều không phải là mục đích của Phật giáo. Khi Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, Bồ-tát Văn-thù thỉnh Đức Phật chuyển pháp luân, Ngài bèn quở: “*Này Văn Thù, suốt bốn mươi lăm năm hành đạo, Ta chưa từng nói một chữ nào, người thỉnh Ta chuyển pháp luân lần nữa, vậy là Ta đã từng chuyển pháp luân rồi ư?*”. Mục đích tối thượng của nhà Phật là đưa con người đến giải thoát, giác ngộ, mọi giáo lý đều là phương tiện, là ngón tay chỉ mặt trăng, do vậy, trong tiến trình nghiên cứu không nên lấy cái khuôn mẫu của Tây phương để áp vào triết học Phật giáo để đánh giá và cho rằng giá trị hay không giá trị, bởi hai hệ thống này có sự khác biệt lớn về đặt vấn đề và giải quyết vấn đề. Song, nghiên cứu để làm rõ những vấn đề cơ bản của triết học Phật giáo bằng ngôn ngữ triết học hiện đại là cần thiết, bởi đó là cách thức hữu dụng để nhận thức đúng về giáo lý nhà Phật.

Nhiều ý kiến cho rằng khi nói “vạn pháp duy thức” là Duy thức học đã phủ nhận sự tồn tại của thế giới khách quan, và cho rằng Phật giáo chủ trương duy tâm khi lấy thức để giải quyết vấn đề bản nguyên của tồn tại. Tuy nhiên, nghiên cứu về bản thể không phải chỉ dùng một câu nói; hơn nữa, trên tinh thần tương sinh, phải thấy rằng cái này có do cái kia có để thấy được vì sao câu đó

được thuyết, và hiểu nó như thế nào trong hoàn cảnh nào lại là vấn đề then chốt để nhận thức. Nếu lấy hình thức phân chia thành duy vật và duy tâm của triết học phương Tây để nói rằng Phật giáo chủ trương duy tâm là không đúng với tinh thần nhà Phật. Quay về lịch sử Ấn Độ cổ đại thì Phật giáo là một trong những hệ phái không đi theo con đường của kinh Vệ-đà, tức không thừa nhận sự tồn tại của thần sáng tạo Brahma và linh hồn Atman trong mỗi con người; đồng thời, Phật giáo cũng hướng đến việc xóa bỏ sự phân chia đẳng cấp trong xã hội. Do vậy, nếu chỉ dựa vào mặt nghĩa của câu thuyết trên mà không có sự luận bàn về vấn đề đó thực chất như thế nào mà đã đưa ra kết luận thì là điều chưa xác đáng.

Những vấn đề cơ bản của triết học – tư duy và tồn tại – là điều không được bàn luận nhiều trong giáo lý nhà Phật. Khi còn tại thế Đức Phật cũng ít bàn về vấn đề thế giới siêu hình, cái nhà Phật quan tâm là thế giới đang tác động đến con người hay cái con người đang sống trải. Thế giới đó từ đâu mà có, và cái gì dẫn con người đến với thế giới như vậy, là những điều mà Phật giáo hướng tới; câu trả lời “vạn pháp duy thức” đã cho ta lời giải đáp đáng chú ý. Luận về vấn đề này, chúng tôi hướng đến việc lý giải vấn đề “vạn pháp duy thức” qua nguyên lý hoạt động của nghiệp lực.

2 Nghiệp là một trong những vấn đề trọng yếu của triết học Phật giáo. Giải quyết được nghiệp, cũng là giải quyết được vấn đề sinh tử. Theo giáo nghĩa nhà Phật, đời sống con người, dù xét ở phương diện nào như thể chất, tướng mạo, trí tuệ, môi trường sống... không phải là cái ngẫu nhiên, tất cả đều do con người tạo ra, con người quyết định mà không có sự can thiệp nào từ thần linh. Nghiệp là chìa khóa để giải quyết vấn đề này.

Theo Duy thức học, con người có tám thức tâm vương; chúng chi phối, quyết định toàn bộ những suy nghĩ và hành động của con người. Trong tám thức thì thức thứ tám, hay thức Alaya đóng vai trò quan trọng nhất, bởi trong suốt sự tồn tại, thức này luôn thường hằng không bị gián đoạn; thức này là cơ sở, nguồn gốc để sinh ra bảy thức khác. Alaya còn được gọi là chủng tử thức, hay tàng thức, theo nghĩa thức này có khả năng lưu trữ tất cả mọi hạt giống, tức hành vi của con người dù hành động hay không hành động (tồn tại



dưới dạng những ý niệm của quá trình suy nghĩ) đều được cất giữ trong thức Alaya.

Những hạt giống được cất giữ sẽ hiện khởi khi có đủ những yếu tố, những điều kiện cần thiết. Những hạt giống đó chính là nghiệp. Con người tái sinh về đâu, với hình dạng nào... không phải do thần linh quyết định, mà nghiệp quyết định, hay “xuất phát từ tập khí, chủng tử và nghiệp lực lâu đời mà ta nhận thức và chứng thực thế giới theo cách của ta”¹.

Như trong kinh *Nhân quả ba đời*, Phật thuyết “Tất cả nam nữ ở thế gian giàu sang hay nghèo hèn, chịu khổ vô cùng hoặc hưởng phước vô lượng đều do nhân duyên từ đời trước mà cảm quả báo” hay “Muốn biết nhân đời trước, Xem sự hưởng đời nay, Muốn biết quả đời sau, Xem việc làm kiếp này”.

Do vậy, cái thế giới mà con người tạo ra do nghiệp mới là cái nhà Phật quan tâm, bởi đây không chỉ cái con người sống và tạo tác mà còn là môi trường tạo nghiệp hay giải nghiệp để giải thoát. Cho nên xét ở góc độ cá nhân, có bao nhiêu con người thì có bấy nhiêu thế giới, bởi nghiệp quả mỗi người là khác nhau. Nghiệp lực của mỗi người có nhiều loại, có thể khác nhau về chất là thiện hay bất thiện, có thể cùng chất nhưng khác nhau về cấp độ, nghiệp có thể ngắn ngủi (nhân quả đồng thời) hay cùng tồn tại lâu dài trong nhiều năm, nhiều kiếp (nhân quả dị thời).

Tất cả quá trình tạo nghiệp ấy đều được đưa vào thức Alaya để lưu trữ, khi gặp điều kiện thì phát khởi; dụ như, cùng một bông hoa hồng nhưng mỗi người lại có hình ảnh khác nhau về nó, có người nhìn thấy hoa hồng thì

phát sinh trạng thái tâm lý yêu thích, có người lại cảm thấy khó chịu; vậy là, cùng một khách thể tồn tại, nhưng hình ảnh của nó lại khác nhau trong mỗi người.

Sự khác biệt này cũng từ nghiệp mà ra. Ta biết, quá trình biến hiện của thức cũng là quá trình biểu hiện tác dụng của nghiệp lực. Thức Alaya là cơ sở để sinh ra thức thứ bảy, thức này lấy thức Alaya làm tự ngã, tức lấy những chủng tử huân tập nhiều đời làm tự tính riêng biệt của mình, nên sự hoạt động của thức này cũng là cơ chế sinh ra tự ngã. Tiếp đến, là sự hoạt động của sáu thức (những thức này cũng do thức Alaya sinh ra), trong sáu thức thì ý thức hoạt động rộng và năng động hơn cả, ý thức lấy thức Mạt-na làm cơ sở để thẩm định những ảnh tượng² mà năm thức trước mang lại, từ đây ý thức mới đưa ra những nhận xét, đánh giá về đối tượng. Sự hoạt động, kết hợp của tám thức tâm vương (trong đó Alaya là chủ) tạo nên vạn pháp trong thế giới, đó là cơ sở để hình thành nên thế giới của mỗi cá nhân.

Tuy nhiên, như vậy không có nghĩa là các thế giới cá nhân tách biệt nhau, không phải mỗi người tồn tại một vùng riêng mà không có sự can dự của người khác. Cái xã hội mà con người đang sống, giữa những con người với nhau, tưởng rằng là ngẫu nhiên, nhưng không, đó chính là do quá trình *cộng nghiệp* của mọi người. Mỗi quan hệ gần gũi hay xa cách, sống bên cạnh nhau hay cách xa, đều phụ thuộc vào cộng nghiệp ở quá khứ. Những người cùng gia đình, cùng dòng họ sẽ có nhiều cộng nghiệp hơn những người không có quan hệ gia đình, dòng tộc. Chính cộng nghiệp như vậy sẽ làm cho con người có những cảm nhận giống nhau về cùng một vấn đề, và có nhiều điểm giống nhau như nhân dạng, tâm lý và nhân cách, qua đó tạo nên cộng đồng người trong xã hội.

Từ thức mà sinh ra nghiệp, qua đó tạo nên thế giới cho mỗi người, nhưng thế giới đó không phải là bất động, hay nghiệp không phải là cái tĩnh, cứng nhắc mà luôn có sự biến thiên theo những chiều hướng khác nhau. Những hành động tạo nghiệp trong quá khứ của con người đã tạo ra thế giới hiện tại của họ, và con người cũng là chủ trong việc xác lập thế giới kế tiếp của mình, điều đó phụ thuộc vào quá trình tạo nghiệp trong đời sống hiện tại của con người. Bởi “từ chủng tử trong Alaya mà mỗi cá thể nhận thức, chứng nghiệm và kinh nghiệm... theo cách của mình về đời sống và thế giới tưởng như bên ngoài. Rồi từ năm giác quan, thông qua ý thức, trong tâm của cá thể được tạo nên vô số ấn tượng, thói quen, ước vọng, ý chí..., chúng lại được đưa vào và cất giữ trong Alaya thức ở dạng chủng tử”³.

Vậy, cái thế giới mà Phật giáo quan tâm không phải cái thế giới như quan niệm của các triết gia phương Tây, tức thế giới vật chất hay tinh thần là cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào, mà ở đây là cái thế giới do *thức* tạo ra trên nguyên lý hoạt động của nghiệp. Thế giới con người đang sống, với đầy đủ những yếu tố của môi trường tự nhiên, môi

trường xã hội, môi trường gia đình, năng lực bản thân không được sáng tạo, hay không phải là sản phẩm của thượng đế, hay do một lực lượng siêu hình nào, mà do chính quá trình tạo nghiệp của con người tạo nên.

3 Giải quyết vấn đề *tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức* trên nguyên lý hoạt động của nghiệp lực càng được khẳng định khi bàn về vấn đề duyên khởi của nhà Phật. Theo nhà Phật, tất cả mọi sự và vật đều tồn tại trên nguyên lý *cái này có thì cái kia có, cái này sinh thì cái kia sinh*, nên quá trình hình thành con người cũng là quá trình hình thành thế giới, hai thể này tồn tại tương tác với nhau.

Thuyết Duyên khởi được cụ thể trong thuyết Mười hai nhân duyên, cái này làm tiền đề cho cái kia, cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt. Mười hai nhân duyên bao gồm: vô minh sinh hành, hành sinh thức, thức sinh danh sắc, danh sắc sinh lục nhập, lục nhập sinh xúc, xúc sinh thụ, thụ sinh ái, ái sinh thủ, thủ sinh hữu, hữu sinh sinh, sinh sinh lão tử, đây cũng là tiến trình hình thành, tái sinh và luân hồi của con người. Trong chuỗi liên kết đó, vô minh đứng đầu, và đây là mấu chốt để giải quyết vấn đề nghiệp của chúng sinh.

Vì sao con người tạo nghiệp, truy đến cùng thì chính là vô minh, vô minh tức là không thấy được cái chân thật vạn pháp, là sự hiểu biết sai lầm, dẫn đến lấy giả làm thật, lấy cái tạm thời làm trường tồn, nên chấp ngã và pháp làm thật, nên thế giới xét đến cùng, là do vô minh mà ra, càng đi sâu vào vô minh, hay nhiều vọng tâm thì con người lại càng cách xa với cái tự tính của vạn pháp, như chàng cùng tử trong kinh *Pháp Hoa*. Trong mười hai nhân duyên ta thấy, ái và thủ là nguyên nhân trực tiếp sinh ra nghiệp, khi có ái và thủ (tức con người sinh ra ngã) sẽ sinh ra hữu, tức xuất hiện thế giới cùng với con người, thế giới này không trường tồn, nó có là do thủ, thủ có nên thế giới có, thủ diệt thì thế giới cũng diệt.

4 Nghiên cứu về vấn đề này, thấy rằng luận giải về vấn đề bản thể, Phật giáo không đi vào đối đãi giữa tâm và vật như triết học phương Tây truyền thống, nên khi bàn luận không nên vội quy kết là duy tâm hay duy vật. Theo chúng tôi, triết học của Duy thức nói riêng và triết học Phật giáo nói chung là triết học nhân bản, theo nghĩa lấy con người làm trung tâm, đời sống của con người là do con người quyết định. ■

Chú thích:

1. Nguyễn Tường Bách, *Lưới trời ai dệt*, Nxb Trẻ, 2011, tr.326.
2. Ý thức không có căn biểu lộ ra ngoài nên không nhận thức trực tiếp về đối tượng, đối tượng nhận biết của ý thức là kiến phần của năm thức trước, hay những ảnh tử về sắc, thanh, hương, vị, xúc là đối tượng của ý thức.
3. Nguyễn Tường Bách, *Lưới trời ai dệt*, Nxb Trẻ, 2011, tr.308.



Ảnh: Ngô Văn Thông

Về một bức thư ác ý

NHƯ HIỀN

Tôi được đọc bức thư gửi đến tòa soạn, tác giả là “một số Phật tử lớn tuổi (từ 60 trở lên) người Huế, đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh”. Bức thư phê phán gay gắt, đầy ác ý về bài “Phó pháp Tường Vân” do tôi viết, đăng trên *Văn Hóa Phật Giáo* số 213. Tôi viết bài này không phải để thanh minh, trả lời cho những Phật tử người Huế ấy, mà chỉ tránh cho độc giả *VHPG* hiểu nhầm một khi thư ấy được chuyển đến.

1 Thư bảo rằng tôi đã bịa đặt câu chuyện, bóp méo mực thước... Trước hết, nếu tôi có sai sót thì chính chư Hòa thượng môn phái Tường Vân, đặc biệt, các nhân vật quan trọng trong câu chuyện là hai vị tôn túc giáo phẩm, Hòa thượng Chơn Thiện và Hòa thượng Chơn Hương, đã phải lên tiếng cải chính.

2 Thư bảo rằng Cố Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết sao lại nghe lời một thị giả lúc bấy giờ (nay là Hòa thượng Chơn Hương) mà phó pháp cho Hòa thượng Chơn Thiện trong khi lúc ấy hai vị Đại lão Hòa thượng Vĩnh Thừa và Hòa thượng Minh Châu đang là nhân vật quan trọng của Tổ đình Tường Vân và sau đó lần lượt kế vị chức vụ trụ trì. Cần biết rằng ý của Cố là ý của Cố, không phải nhân Hòa thượng Chơn Hương theo hầu, kể chuyện băng quơ giữa thầy và trò khi đi dạo quanh vườn. Chúng ta không thể đoán chắc ý Cố là thế nào; nhưng đại khái ta có thể nhận biết là Cố dạy rằng nhiều chục năm sau, Hòa thượng Chơn Thiện có đủ khả năng để kế tục việc hoằng bá Phật pháp, phát triển tông môn. Có lẽ Cố dạy phải giữ bí mật việc phó pháp vì sợ Hòa thượng Chơn Thiện biết, hoặc ai đó biết rồi kể lại cho Hòa thượng Chơn Thiện lúc Hòa thượng chưa đủ điều kiện hoàn cảnh để thọ nhận thì sự việc sẽ ảnh hưởng không tốt đến tâm lý của Hòa thượng.

3 Bức thư cho rằng câu chuyện mang tính truyền thừa trú trì. Các Phật tử người Huế ấy cần biết rằng bài viết của tôi không hề nhắc đến việc trụ trì. Người ta gọi là kế phó pháp với ý nghĩa rằng một bậc Đại sư viết các bài kệ để truyền pháp cho một hay nhiều đệ tử, hoặc một vài vị không phải là đệ tử đến thỉnh pháp theo từng trường hợp

riêng lẻ; phó pháp không phải là giao phó chức vụ trụ trì. Xưa nay lắm trường hợp vị được phó pháp vẫn rời chùa để làm trụ trì ở một chùa khác. Cần nhớ, môn phái Tường Vân đã hợp và suy cử Hòa thượng Chơn Thiện giữ chức vụ trụ trì khi việc phó pháp của Cố chưa được công bố; tức là bài kệ phó pháp ấy không ảnh hưởng gì, không liên quan gì đến việc suy cử trụ trì của môn phái Tường Vân cả.

4 Bức thư còn bảo tôi viết bài theo đơn đặt hàng! Tôi xin lấy danh dự của một người Phật tử mà khẳng định rằng hơn 50 năm làm báo, viết báo, viết sách (hơn 20 tác phẩm đã xuất bản), tôi chưa hề viết bài theo đơn đặt hàng, không thể thuộc hạng bồi bút.

5 Nhóm Phật tử người Huế (trên 60 tuổi) ấy cho rằng tôi không biết rõ về môn phái Tường Vân, làm thương tổn uy danh của Cố Đại lão Tăng thống, của Cố Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu, và cả của môn phái Tường Vân... Lời gán ghép đầy ác ý của bức thư chỉ chứng tỏ một sự hời hợt, thiếu hiểu biết. Xin thưa, tôi là Phật tử thuần thành của Tổ đình Tường Vân, từ khi lên 10 tuổi đã theo gia đình đến chùa, lạy Phật, dâng lễ Cố và chư Tăng; là đoàn sinh Gia đình Phật tử do Cố Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu đỡ đầu về giáo lý. Lớn lên, học Đại học Vạn Hạnh, được Cố Đại lão giảng dạy rồi đưa vào công tác tại đại học này; tiếp đó là gần 50 năm được sự dạy dỗ, cất nhắc của Cố Đại lão, gần như ngày nào cũng cận kề bên ngài. Trải qua chừng ấy thời gian, tôi đã từng có khoảng 20 năm giảng dạy ở Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, giữ chức vụ Tổng Thư ký của Học viện, Tổng Thư ký của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Tôi cũng có hơn 30 năm phục vụ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, là Ủy viên Hội đồng Trị sự và đang là Ủy viên Thường trực Ban Thư ký Hội đồng Trị sự. Tôi đã 75 tuổi, có lẽ sự hiểu biết về môn phái Tường Vân, về Phật giáo, sự kính ngưỡng và biết ơn Đức Cố Tăng thống, Cố Đại lão Hòa thượng Thích Minh Châu của tôi nhiều hơn phần đông các vị Phật tử Huế ấy!

Bức thư ấy rõ ràng là một sự xúc phạm đến cá nhân tôi. Người Phật tử cố tu tập, không để tâm giận ai; tôi cũng vậy. ■



Ăn chay và môi trường

NGUYỄN KHẮC THẠCH

Nhà nay nói đến văn hóa không thể không nói đến môi trường, cụ thể hơn là sự ứng xử của con người đối với thiên nhiên. Tính thời sự cấp bách từ môi trường đã cảnh báo sự sống mong manh của hành tinh đang đứng trước nguy cơ “chung cuộc với ngày tận thế”. Theo quan niệm chung nhất và có phần cổ điển thì văn hóa là sự “vượt tuyến bản năng”, là những gì khác với tự nhiên. Nó cũng có nghĩa rằng văn hóa là sự tương tác mang tính chất “cải tạo” giữa ý thức con người với thế giới tự nhiên. Như vậy, ở một mặt nào đó, quá trình con người “làm ra văn hóa” cũng là quá trình con người phá vỡ trật tự của tự nhiên, phá vỡ sự “trình bạch” của môi trường. Trong đó, cái gọi là “văn hóa ẩm thực” cũng là một tác nhân đáng kể.

Việc ăn uống của con người nếu thuận theo nhu cầu sinh học là điều tự nhiên nhưng khi đã nâng nó lên “nghệ thuật thưởng thức” thì mặt trái kèm theo là sự gia tăng biên độ hủy diệt môi trường. Ăn uống tự nhiên lành mạnh và tử bi là chay tịnh. Ngày nay xu hướng ăn chay đang tạo được hiệu ứng trong đời sống xã hội. Mỗi người thông dự việc ăn chay đều có lý do và mục đích riêng được qui chiếu về một trong ba cấp độ: y thuật, tâm lý, và tâm linh.

Cấp độ y thuật là sự kiêng khem do cơ địa, do bệnh lý được bác sĩ chỉ định hoặc do tự biết một cách khoa học về việc “phòng bệnh hơn chữa bệnh”. Cấp độ tâm lý là ăn chay để góp phần bớt sát sinh và bớt cái “nhân” gây “quả” nghiệp lực cho bản thân cũng như việc làm phúc tích đức cho con cháu theo quan niệm truyền thống. Ăn chay ở cấp độ tâm linh là sự minh triết thiêng liêng, là sự tự tri về bản thể, về tự tính đồng nhất thể của vạn vật. Người ăn chay không chỉ ăn vì sự lạ miệng mà “ăn” từ trong tâm thức của họ. Xét về mặt khoa học, mỗi tháng ăn chay hai ngày (mồng một và rằm) để bớt độ nhàm nhạt và tạo ra sự đổi chất trong huyết mạch thì nó có ý nghĩa như một cuộc vệ sinh cơ thể. Lực lượng ăn chay ở nước ta hiện nay cũng đáng kể. Các bậc tu sĩ trong hàng trăm ngôi chùa, các vị cư sĩ, các Phật tử và

những gia đình có cơ duyên ăn chay khác khá là đông đảo. Các quán ăn chay, nhà hàng chay mở ra ngày một nhiều. Ăn chay sẽ làm cho con người trở nên điềm tĩnh và nhân bản hơn. Nói chi đến con người, ngay ở loài vật cũng vậy. Những con vật ăn cỏ thường hiền lành, như voi, thỏ, bồ câu... Những con vật ăn thịt thường hung dữ như hổ, sói, đại bàng... Thức ăn từ động vật gồm những chất tạp, nặng khó tiêu, dễ kích thích những dục vọng trần tục của bản ngã thấp hèn. Thức ăn từ ngũ cốc gồm những hoạt chất nhẹ, tinh, dễ tiêu, dễ cảm xúc lành mạnh hướng đến những ham muốn cao thượng. Từ 500 năm trước Công nguyên, nhà hiền triết Hy Lạp Pythagore đã từng cho rằng “ăn thịt sẽ chặn đứng khả năng tiên tri”. Ông chủ trương ăn chay theo dạng thô, tươi sống và nước lã cho lối sống được đơn giản, gần với tự nhiên. Tạo hóa đã ban cho con người và loài vật nguồn thức ăn phong phú từ thảo mộc, ngũ cốc, trái cây. Ở đây cũng là vườn giống khổng lồ để tái sinh, duy trì nguồn thức ăn vô tận. Thế nhưng từ cái “vườn địa đàng” mệnh mang, hỗn độn này, vì sự vô minh và mê lầm mà con người và loài vật đã ăn thịt lẫn nhau. Vậy, một khi người ta giác ngộ được vấn đề này để trở lại ăn chay thì việc ăn chay ấy đã nâng lên tầm triết lý. Thuyết này cho rằng, ăn chay là cuộc cách mạng dịu êm nhất mà sâu sắc nhất, là một cuộc hành hương vĩ đại trở về nguồn. Rồi sự giết chóc sẽ được triệt tiêu và các loài vật vô tội kia cũng sẽ được tham dự vào quyền sống thiêng liêng về mặt sinh học như con người. Môi trường là không gian tồn tại sự sống và sự chết tự nhiên, bình đẳng của muôn loài. Việc trồng trọt cây lương thực, cây thực phẩm làm thức ăn cho người và loài vật sẽ được tăng cường. Những đối trọc và vùng đất bị sa mạc hóa đều có thể trở thành thảm thực vật. Từ đó, thiên nhiên được thiết lập lại trong thế quân bình môi sinh và cân bằng sinh thái. Con người lại được tắm mình trong thế giới trong trẻo, tinh khiết đầy hương vị của thiên nhiên. Đây cũng chính là hình ảnh một thiên đường xa xôi nào đó trong siêu tượng con người trôi lên mơ ước. Ngày nay, khoa học thực

nghiệm cũng đã thừa nhận rằng “ăn chay là chế độ ẩm thực cứu rỗi hành tinh, chặn đứng được hiệu ứng nhà kính và nuôi sống thế giới thứ ba”.

Khi đã ăn chay thì các vật thải từ đó cũng ít bẩn hơn, ít độc hơn. Những đầu tôm vảy cá vừa bỏ vào giỏ rác đã bốc mùi tanh tưởi, trong khi đó những cọng rau, bã đậu cũng vứt như thế thì chưa hề chi. Ăn chay là tùy nghi, nó không cần nhiều những nhà máy chế biến đồ hộp, bao bì như thịt, cá làm gia tăng rác rưởi công nghiệp. Ăn thịt, sẽ không dừng lại ở thịt mà sự “kéo theo” các nhu cầu khác cho “đồng bộ” với nó như uống rượu, hút thuốc và vân vân, đều là những tác nhân gây hại môi trường.

Bối cảnh môi trường nước ta vẫn thấm đẫm tinh thần từ bi của đạo Phật. Trong sự vô thường của trời đất, con người vẫn yêu thương loài vật, cỏ cây và thậm chí cả đồ vật nữa. Những người có tác lòng trắc ẩn thường bỏ tiền ra mua lại sự sống cho những con chim mắc bẫy, những đàn cá sa lưới. Chỉ có lòng thương yêu thực sự thì mới làm được điều đó và mới có hy vọng bù đắp được sự trống rỗng, mất mát cho thiên nhiên. Bởi vậy, mặc dù những năm gần đây, Ủy ban Môi trường và Phát triển thế giới (World Commission on Invironment and Development) đã đề ra nhiều giải pháp cụ thể nhằm bảo vệ môi trường nhưng không mấy hữu hiệu vì nó chỉ đơn thuần lý trí. Lý trí là cái vừa khôn ngoan, sắc sảo vừa ích kỷ tàn nhẫn. Điều này được minh chứng có ý nghĩa thời sự nhất là các hội nghị về biến đổi khí hậu gần đây của Liên Hiệp Quốc đều không có hiệu lực hiệu quả vì quyền lợi riêng của các cường quốc! Nền văn minh phương Tây cũng đem lại sự tinh tế, thức thời cho ngôn ngữ giao tiếp bằng những câu chào hỏi đầu miệng “How green are you?” hàm ý sức khỏe với môi trường. Thế nhưng đấy cũng chỉ là lý trí và lý trí mà thôi. Việc tuyên truyền giáo dục vì một “Tương lai Chung của Chúng ta” (Our Common Future) phải được tác động từ hiểu biết đến lòng thương yêu đối với thiên nhiên, với cỏ cây, muông thú. Nếu con người vượt qua được những tri kiến ngộ nhận để thấy mình mãi mãi là trẻ thơ mà thiên

nhiên
là bầu
sữa mẹ thì
thái độ ứng
xử với nó, với môi
trường không chỉ bằng
toan tính khô khan. Kinh
thánh của Thiên Chúa giáo
đã chỉ ra rằng vì Tình Yêu mà
Thượng đế đã sáng tạo ra loài
người và vũ trụ từ trong hư vô.
Con người coi đó là một ân sủng
và đeo đẳng mặc cảm “sự vay” mà không
biết trao “sự trả” một cách sòng phẳng cũng chính bằng
Tình Yêu... Và Tình Yêu là cái ĐẸP, là cái có thể “cứu chuộc
thế gian này”. ■





Nội nhiều ve giới thõ nam

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Ngũ giới là năm hành vi nền tảng được Đức Phật chỉ dạy để mọi người thực hiện nhằm ngăn ngừa những điều ác có tác dụng gây thiệt hại cho mình cho người và trường dưỡng những điều thiện có thể làm lợi mình lợi người. Năm hành vi nền tảng đó là: *Không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu*. Năm giới rất cụ thể và tưởng chừng đơn giản; nhưng suy đi ngẫm lại thì đó là con đường hiệu quả thoát khổ, có thể tạo nên hạnh phúc cho mỗi con người, cho từng gia đình và cho cả xã hội.

Riêng giới thứ năm, vào thời Đức Phật còn tại thế, người ta chỉ chứng kiến tệ nạn nghiện rượu tàn phá thân tâm của nhiều người, đã làm băng hoại hạnh phúc của biết bao gia đình. Khi đó chưa có các chất gây nghiện khác nên Đức Phật đã đề ra giới thứ năm là “Không uống rượu”. Trong thời đại ngày nay, ta cần mở rộng giới thứ năm là “Không dùng chất gây nghiện”, bởi vì, không chỉ

có rượu là chất gây nghiện mà nhiều chất gây nghiện khác đang làm khổ sở biết bao nhiêu người. Trong bài viết này, xin bàn đến những những ngộ nhận về tác dụng và tác hại của rượu, đặc biệt về bia cũng là một loại rượu thấp độ, làm cho nhiều người tưởng lầm, không cảnh giác và sa vào thói quen uống bia rượu để thấy vui khoái ban đầu nhưng rồi chuốc khốn khổ về sau.

Bia có phải là một loại nước giải khát vô hại có thể dùng nạp năng lượng và chất bổ dưỡng cho cơ thể?

“Bia” trong tiếng Việt dùng để chỉ một loại thức uống có lẽ có nguồn gốc từ tiếng Pháp *bière* vì nó đã được người Pháp mang tới Việt Nam trước tiên, vào cuối thế kỷ XIX; mặc dù chữ *beer* trong tiếng Anh du nhập vào Việt Nam sau này lại có âm giống “bia” hơn. Bia là một trong các thức uống lâu đời nhất mà loài người đã tạo ra, có niên đại ít nhất là từ hiện niên kỷ thứ 5 trước Tây lịch. Thành phần chính của bia là nước (chiếm 80-



90%), lúa mạch đã mạch nha hóa, hoa bia (*houblon*) và men bia. Riêng men bia (là nấm men *Saccharomyces cerevisiae* hoặc *Saccharomyces uvarum*) sẽ chuyển hóa đường thu được từ hạt ngũ cốc và tạo ra cồn và thán khí (CO_2). Các thành phần khác, chẳng hạn các chất tạo mùi vị hay các nguồn tạo đường khác (ngô, lúa gạo), được thêm vào như là các phụ gia. Các nhà sản xuất bia lớn ở Mỹ sử dụng tương đối nhiều các phụ gia để sản xuất bia rất ít hương vị với nồng độ cồn 4-5% theo thể tích. Tùy theo loại bia, nồng độ cồn trong bia có thể thấp khoảng 2% và cao tới 14%. Một số nhà sản xuất bia còn đưa ra loại bia chứa tới 20% cồn.

Bia và rượu cao độ có cung cấp năng lượng nhưng lại là năng lượng “vô bổ”, tạo phản ứng đốt cháy trong cơ thể khiến người uống rượu bia có cảm giác nóng bừng lên thôi, chứ không thêm sức lực. Người uống rượu bia thấy nóng, có vẻ chịu được rét nhưng xin lưu ý hiện tượng có cảm giác nóng bừng là do rượu làm giãn

mạch máu (uống thấy mặt đỏ là vậy), có tác dụng tải nhiệt qua da, chứ không làm tăng thân nhiệt để chịu lạnh rét. Chính hiện tượng này làm người uống rượu bia dễ mất cảnh giác không sợ lạnh, ngủ mình trần, rất dễ bị cảm lạnh mà nhiều người gọi là “trúng gió”. Người hay uống bia rượu nên lưu ý hiện tượng này để đừng uống say xỉn quá, bạ đâu ngủ đó, không có sự che đấp cần thiết, đưa đến bệnh hoạn.

Bia có chứa một số chất dinh dưỡng như acid amin, vitamin và chất khoáng nhưng hàm lượng rất ít, không thể nào gọi là có giá trị dinh dưỡng. Nếu chỉ uống bia không thôi trong một thời gian chắc chắn sẽ bị suy dinh dưỡng. Một số người sau một thời gian uống bia mập ra tưởng rằng do bia; không đâu, chính do các bữa ăn thịnh soạn kèm theo đã cung cấp các chất bổ dưỡng đầy.

Vì thế, cho rằng bia là một loại nước giải khát vô hại có thể dùng nạp năng lượng và chất bổ dưỡng cho cơ thể là hoàn toàn ngộ nhận.

Rượu và bia khác nhau ở chỗ chúng chứa độ cồn khác nhau. Chất làm người ta say xỉn chứa trong rượu và cả trong bia là ethanol tức cồn ethylic. Rượu chứa cồn cao độ, như rượu đế hay Whiskey chứa cồn 40% hay hơn nữa, trong khi bia chứa cồn thấp độ, thông thường chứa 2-5% như đã nói ở trên. Bởi chứa cồn thấp nên người ta dễ hiểu lầm uống bia nhiều chẳng việc gì; thật ra, uống bia quá nhiều là không tốt, ta cần xem bia là người bạn nham hiểm.

Vì sao phải xem rượu bia là kẻ nham hiểm?

Do ngộ nhận, rượu bia được xem là người bạn hiền hậu dễ thương; vì trước mắt, khi uống vừa đủ, người uống sẽ được kích thích để ăn ngon miệng, để phấn chấn tinh thần, để bắt chuyện, trao đổi vui vẻ, cởi mở với nhau trong các buổi tiệc tùng. Từ đó, người ta tưởng uống rượu nhiều, uống quá độ cũng không sao; vì vậy mà cứ uống vô độ đến mức trở thành nạn nhân của sự tác hại của rượu bia. Chính vì thế, rượu bia cần được xem là kẻ nham hiểm. Tất cả các thức uống có rượu đều chứa cồn, từ rượu cao độ chứa rất nhiều cồn là *rượu đế* đến *bia nhẹ* “đỏ” hơn vẫn chứa lượng cồn đáng kể. Đối với cơ thể ta, cồn được xem như là chất độc không hơn không kém.

Sau khi uống rượu bia khoảng 15 phút, một nửa lượng cồn chứa trong rượu bia đã được hấp thu vào máu và phân phối đều khắp cơ thể. Sau khoảng 1 giờ thì toàn bộ rượu sẽ được hấp thu. Rất nhanh chóng, rượu vượt qua hàng rào máu não để tác động lên hệ thần kinh trung ương. Trước hết, chức năng phán đoán và suy luận của vỏ não bị tác động. Sau đó đến chức năng cảm giác và phối hợp các động tác bị ảnh hưởng nặng nề. Nếu cứ tiếp tục uống, nồng độ rượu sẽ tăng dần lên trong máu và gây hại từ mức độ nhẹ đến nặng. Khi uống với mức độ vừa phải, *nồng độ rượu trong máu* (Blood Alcohol Concentration: BAC) ở mức 0,5g/l (0,05%) người uống rượu có cảm giác lâng lâng dễ chịu;



phải chăng vì thế mà tại Na Uy người ta giới hạn nồng độ rượu trong máu của người lái xe ở mức 0,05% là tối đa? Khi BAC tăng tới phạm vi 0,5-1,5g/l (0,05-0,15%), người uống rượu bắt đầu mất sự kiểm soát bản thân. Khi BAC = 1,5-2,0g/l (0,15-0,2%) cơ thể bắt đầu bị ngộ độc; BAC = 3-4 g/l (0,3-0,4%): hôn mê, BAC trên 4 g/l (>0,4%): tử vong. Liều độc của rượu thay đổi theo sự dung nạp của từng người; có người mạnh “đô” uống rất nhiều rượu chẳng bị việc gì, nhưng có người chỉ uống vài hớp rượu là mặt đỏ bừng gần như say xỉn; liều độc thường là 420-560g rượu nguyên chất đối với người nặng 70kg.

Khi uống thức uống có cồn, rất nhiều cơ quan trong cơ thể ta phải làm việc cật lực để giải độc và thường là thích ứng với tình trạng ngộ độc này. Rượu bia nham hiểm bởi vì nó không làm cho kẻ uống nó ngộ độc tức khắc (trừ trường hợp ngộ độc nặng như kiểu uống rượu dỏm chứa độc chất methanol đưa đến tử vong) mà phá hủy cơ thể người dùng nó một cách ngấm ngầm, để đến lúc nào đó trở thành người nghiện rượu gục xuống trong cơn bạo bệnh không thể cứu chữa được. Cơ quan chịu tác động nhiều nhất của rượu là hệ thần kinh trung ương (uống rượu lâu dài sẽ bị *nghiện rượu* là bệnh được xếp vào nhóm “*bệnh tâm thần*” ngang hàng của nghiện ma túy), kế đến là gan (dễ bị xơ gan), rồi đến dạ dày tá tràng (bị viêm loét dạ dày-tá tràng, xuất huyết tiêu hóa), v.v.

Về tác hại của rượu bia đối với sức khỏe tâm thần, ở nước ta trong năm 2010 đã có thống kê tại Viện Sức khỏe Tâm thần Trung ương cho thấy cứ 100 bệnh nhân nhập viện trị bệnh tâm thần thì có 14 người có liên quan đến rượu. Các biểu hiện thường gặp của bệnh nhân có vấn đề sức khỏe tâm thần liên quan đến rượu là loạn thần, có biểu hiện hoang tưởng hoặc bị ảo giác, bạo lực với người thân, dễ gây gổ với gia đình và người xung quanh.

Đặc biệt ở người nghiện rượu lâu năm nếu đột ngột ngưng không uống rượu sẽ bị một loại rối loạn tâm thần rất nặng nề gọi là *cuồng sáng rượu cấp* (delirium tremens). Triệu chứng rối loạn xảy ra khi người nghiện

không tiếp tục uống rượu 1-3 ngày (còn được gọi là hội chứng cai rượu) như: lú lẫn tâm thần, run tay, ảo thị giác (như thấy rắn, côn trùng bò trong người của mình), mất nước, rối loạn chất điện giải, lên cơn co giật, rối loạn tim mạch trầm trọng... Trường hợp này phải được chữa trị tại bệnh viện.

Người ta thường cho rằng rượu bia là chất kích thích, đưa đến hưng khởi trong làm việc, mạnh dạn trong hành động, hay uống rượu bia thì cánh đàn ông sẽ có hứng và “mạnh” thêm trong hoạt động tình dục. Có phải đúng như thế không?

Nhiều người thấy có vẻ như kẻ uống rượu bia được “kích thích”, nói năng có khi bất chấp, dám có những hành động bình thường không dám làm... nên tưởng rằng rượu có tác dụng “kích thích”. Thực ra, rượu bia chỉ có tác dụng “ức chế” (trong Dược lý học, rượu được xếp vào nhóm thuốc gây mê tức nhóm thuốc ức chế hệ thần kinh trung ương). Rượu bia *ức chế* vùng vỏ não điều khiển sự tự chủ và thái độ biết kiểm chế của chúng ta. Nếu vùng vỏ não này bị ức chế, ta sẽ tung hê, dám làm những việc trước đây không dám làm và cứ tưởng là bị kích thích. Uống nhiều rượu bia sẽ làm *tê liệt hệ thần kinh tự chủ, khiến người ta hoàn toàn mất sự phán đoán và ý thức đạo đức*. Hậu quả tất nhiên của việc lạm dụng rượu bia sẽ đến là hành vi bạo lực, tai nạn giao thông và tệ nạn xã hội. Uống nhiều rượu bia, người ta dễ buông thả trong tệ nạn “bia ôm” và bất kể trong vấn đề “an toàn tình dục”. Không an toàn trong hoạt động tình dục chắc chắn vào cửa tử là nhiễm HIV/AIDS.

Khi uống rượu bia vào người ta dễ có cảm tưởng là có thêm “sức mạnh” về tình dục (đương nhiên không bị “xỉn” quá, vì “xỉn” đồng nghĩa với tạm thời bất lực đối với người đàn ông). Chính sự ngộ nhận này đưa đến mối nguy hại cho thế hệ mai sau. Người ta hay mượn rượu bia để đưa đến chuyện ái ân và đã có nghiên cứu cho thấy cha mẹ nghiện rượu là con sinh ra èo uột, kém thông minh, chậm lớn, dễ mắc bệnh tâm thần. ■



Trên chùa Thiên Mụ vỡ một hồi chuông

Bài & ảnh: NHỤY NGUYỄN

Nằm trên đồi Hà Khê bên bờ sông Hương, cách kinh thành Huế 4km về phía Tây nam, chùa Thiên Mụ thuộc về tổng thể kiến trúc cung đình Huế, đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới năm 1993. Từ sau thời điểm được khởi dựng năm Tân Sửu (1601) dưới đời chúa Tiên Nguyễn Hoàng, Thiên Mụ sớm trở thành ngôi chùa đẹp nhất xứ Đàng Trong, được xếp vào 20 thắng cảnh đất Thần kinh, được đánh giá là ngôi chùa có lịch sử lâu đời và tiêu biểu nhất cho nghệ thuật kiến trúc Phật giáo thời Nguyễn; nay là một biểu tượng tâm linh vào hạng bậc nhất của Huế và có sức ảnh hưởng sâu trong tâm thức của người dân cố đô.

Theo *Nam triều công nghiệp diễn chí* thì chuyện về Bà Trời xuất hiện trên đồi Hà Khê phán sẽ có vị chúa đến Thuận Hóa xây chùa chỉ là huyền thoại. Điều này

có căn cứ; bởi trên ngọn đồi này vốn đã có phế tích tín ngưỡng của người Chăm, rồi sau đó người Việt mới xây thành một ngôi chùa. Để "củng cố long mạch", đến năm 1601 chúa Nguyễn Hoàng đã cho xây chùa Thiên Mụ nơi "nóc ở đỉnh núi, chân gối dòng sông". Tính đến nay chùa đã có lịch sử hơn 400 năm.

Chùa Thiên Mụ, gắn liền với bước đầu mở cõi để xây dựng cơ nghiệp của chúa Tiên Nguyễn Hoàng tại xứ Đàng Trong, cùng với chùa Sùng Hóa, nay chỉ còn lại rất ít dấu vết, là hai ngôi chùa được chúa Tiên đặc biệt chú ý ngay từ khi đặt chân lên vùng đất này; sau đã được phát triển thành những ngôi quốc tự. Có nhà nghiên cứu đặt vấn đề: Phải chăng chúa Tiên muốn tìm một hệ tư tưởng mới, tiến bộ và "hợp gu" hơn là hệ tư tưởng đang ăn sâu trong tâm thức người dân ngoài Bắc là Nho giáo?

Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế hiện còn 19 bức tranh gương vô cùng giá trị, trong đó bức tranh gương “*Thiên Mục chung thanh*” được xem là hiện vật khá hoàn chỉnh, là thắng cảnh thứ 14 của Huế nằm trong bộ “*Thần kinh nhị thập cảnh*” do vua Thiệu Trị đặt vẽ ở ngoại quốc. Qua bức tranh, chúng ta sẽ thấy được diện mạo nguyên vẹn của ngôi quốc tự này và nó giúp ích rất lớn cho việc trùng tu. Những cổ vật quý giá của chùa Thiên Mục có từ xưa như tượng Phật bằng đồng, khánh đồng được đúc năm 1677 và một bức hoành phi bằng gỗ sơn son thếp vàng do tự tay chúa Nguyễn Phúc Chu (một Phật tử thọ Bồ-tát giới) để tặng năm 1714. Đặc biệt, Đại hồng chung, có chiều cao 2,5m, đường kính miệng 1,40m, nặng hơn 2.000kg, năm rồi đã được công nhận là *bảo vật quốc gia*. Điều đáng mừng, nhưng cũng là trách nhiệm nặng nề trong công tác bảo vệ, phương hướng giữ gìn trong thời gian tới không chỉ đối với cổ vật mà còn về cảnh quan chung, bởi dấu sao chùa Thiên Mục là điểm tham quan trọng yếu của du khách đến Huế.

Cuối khuôn viên của chùa có tháp mộ của ngài Thích Đôn Hậu, một trong những vị trụ trì đời trước. Hai câu đối mặt trong của ngôi tháp:

*Tây thiên cảm tích, Linh Mục mang bình, ngài đi về nơi
đâu thưa tôn giả Trùng Nguyên*

*Xá-lợi tỏa hương, tháp báu tàng nhục, yên ổn ở chốn
này, bậc cao tăng Đôn Hậu.*

Phiên âm chữ Hán :

Tây thiên quả tích Linh Mục huyền bình hà xứ khứ
quy Trùng Nguyên tôn giả

Xá-lợi phi hương phù đô tàng sắc thủ thành an trú
Đôn Hậu cao tăng.

Bên trái khuôn viên chùa từ ngoài vào còn có một di vật quan trọng nữa là chiếc xe đã từng đưa Bồ-tát Thích Quảng Đức đến địa điểm “vị pháp thiêu thân” ở Sài Gòn năm 1963. Nguyên nhân chiếc xe được đặt tại chùa, theo Hòa thượng Thích Hải Ấn, là của Giáo sư Trần Quang Thuận cúng dường bốn sư của mình là cố Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu.

Chùa Thiên Mục từng rơi vào thảm họa “hủy diệt” trong cuộc chiến giữa quân Trịnh và nhà Tây Sơn, hầu như bị sập hoàn toàn; được trùng tu tái thiết nhiều lần dưới triều vua nhà Nguyễn và cả sau này. Đợt đầu tiên có lẽ là năm 1714, khi Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu cho trùng tu và làm mới nhiều công trình quy mô như điện Thiên vương, điện Đại hùng, nhà Thuyết pháp, lầu Tầng kinh, phòng Tăng, nhà Thiền... Đây là đợt đại trùng tu khiến cho diện mạo của ngôi chùa được trở về bề thế và uy nghi. Trước đó, năm 1710 chúa cho đúc Đại hồng chung nặng trên 2 tấn. Cũng được biết, sau lễ khánh thành, chúa Nguyễn Phúc Chu đã trường chay thanh tịnh ở vườn Tỳ-da phía sau chùa, thật không hổ danh là đệ tử của Phật. Năm 1740, chúa Nguyễn Phúc Khoát tiếp tục

cho sửa chữa, làm mới. Năm 1775, chùa bị quân Trịnh tàn phá nặng nề từ điện đài, lầu các, đình tạ cho đến các công trình phụ và quang cảnh thiên nhiên. Rồi dưới thời Cảnh Thịnh chùa thêm lần nữa hư hại nghiêm trọng. Sau đó là các đợt trùng tu sửa chữa qua các vị vua: Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Thành Thái, Duy Tân, Khải Định, v.v. chúng tỏ Thiên Mục là một thánh tích được nhà Nguyễn hết sức lưu tâm. Có những giai đoạn, việc trùng tu rất chú trọng đến nghệ thuật, nhất là việc sử dụng trang trí bằng pháp lam trên tháp Từ Nhân đã thực sự để lại những giá trị nghệ thuật đỉnh cao đến bây giờ.

Năm 2003 Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế và Viện Khoa học Công nghệ xây dựng (Bộ Xây dựng) nhận tu bổ và trùng tu tổng thể chùa; Phân viện Khoa học Công nghệ xây dựng miền Trung thi công với 18 hạng mục từ tháp Phước Duyên, điện Đại hùng, điện Địa Tạng, điện Quan Âm, cổng tam quan, lầu chuông trống, bờ kè la thành, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống chống cháy... Trước đó, năm 1957 đã có một chương trình trùng tu lớn. Gần như toàn bộ cấu kiện bộ khung gỗ được thay bằng bê-tông cốt thép. Việc này vẫn nằm trong nỗ lực bảo tồn các yếu tố nguyên gốc, đồng thời gia tăng khả năng chịu lực cho công trình.

Vóc dáng của ngôi chùa này trở nên uyển chuyển, và thực sự hoàn hảo phải kể đến thời điểm vua Thiệu Trị cho lập thêm tháp Phước Duyên (Từ Nhân) vào năm 1844 theo di ngôn và ý hướng của vua cha Minh Mạng hầu mong “mở rộng duyên lành, phát nguồn ân trạch”. Bảy tầng tháp “tôn trí kim thân Thế Tôn bảy đời bảy vị, tất cả đều là vàng son chói rạng”. Trên mỗi ô cửa ở từng tầng được ghi những lời văn cảm ân sâu nặng của đấng Toàn giác: “Đức Phật là người hiền đã chỉ cho nhân loại con đường đức độ”. “Vi lòng nhân từ, Ngài truyền khắp tứ đại thế giới cái hạnh phúc kết quả của những việc thiện đã làm”. Đạo Phật vốn là lấy giáo dục làm trọng. Chữ tôn giáo nguyên ủy là giáo dục những điều trọng yếu, căn cốt, tối thượng, chứ không phải tôn giáo như cách hiểu bây giờ. Qua những câu thơ của Thiệu Trị cho thấy vị vua này có cái nhìn chân thực về Phật giáo, không mê tín thần quyền: “Sự truyền giáo là nhằm mục đích thương yêu và độ lượng”; “Sự huyền nhiệm của giáo thuyết khi được thấm nhuần thì êm đẹp như hương thơm của hoa”.

Tháp Phước Duyên giờ đây trở thành một kiến trúc độc đáo trong kiến trúc chùa cổ Việt Nam. Trong đợt trùng tu năm 2006 đơn vị thi công đã hoàn thành việc chỉnh lại tháp do tháp bị nghiêng khoảng 6 - 7 độ. Tư liệu bảo tồn cho biết: “Công trình đã được xử lý phần nghiêng lún. Các tấm pháp lam trang trí thay mới nhưng được chọn lựa rất kỹ và có sự nhất trí cao của nhà chùa. Đặc biệt, ngôi tháp này cũng được lắp đặt hệ thống chống sét để đảm bảo an toàn vì trong lịch sử, ngôi tháp này cũng đã từng bị sét tấn công”.

Việc Thủ tướng Chính phủ công nhận Đại hồng



chung chùa Thiên Mụ là bảo vật quốc gia ngày 30/12/2013 là sự khẳng định cần thiết. Theo nhận định của giới chuyên gia, đây “là một tác phẩm mỹ thuật đặc sắc của ngành điêu khắc, hội họa và kỹ nghệ đúc đồng thời chúa Nguyễn”, “một bảo vật trong kho tàng di sản văn hóa Việt Nam”. Thân chuông được chạm trổ tinh vi, sắc nét. Ngoài các hình chạm nổi trong bộ *bát bửu*, chạy quanh sát vành miệng chuông: *gươm, đèn lồng, ống sáo, đàn nguyệt, hai cây bút lông, bầu rượu, phách, quạt v.v.*; còn có khắc những hàng chữ Hán, nội dung sát với kinh điển Phật giáo, ví như hễ ai lắng tâm nghe tiếng chuông này tự khắc “*phiên não khinh. Trí huệ trường, Bồ đề sinh. Li địa ngục, xuất hỏa khanh*”. Các chữ khắc trên chuông cho biết: “*Quốc chúa nước Đại Việt là Nguyễn Phúc Chu, truyền thừa đời thứ 30 của Tào Động thượng chánh tông, pháp danh Hưng Long, đúc hồng chung nặng 3.285 cân, nhập vào thiền tự Thiên Mụ do chúa xây dựng để vĩnh viễn cúng dường Tam bảo*”. Theo khảo sát của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, đến thời điểm năm 2014, chuông còn rất tốt. Tuy nhiên thân chuông có hai vết thủng ở phía trên biểu tượng quẻ *Càn*, vành miệng chuông có một vết khoét dài khoảng 15cm, rộng 1,5cm; văn tự và hoa văn

chạm khắc trên thân chuông bị ăn mòn nghiêm trọng. Nguyên nhân là sự bào mòn cơ học bởi tác động trực tiếp của khách tham quan. Có nhiều vết bẩn, chữ viết, hình vẽ bằng mực, bút chì và sơn trên chuông”.

Ở một tấm bia được dựng lên kỷ niệm việc xây tháp Phước Duyên có đoạn văn thắm thía như giọt mật: Tiếng chuông ngân vang trong bóng cây và vọng âm đến tận miền đất Phật, bóng tháp chạy dài đến tận chân trời trông giống như bước đi chiến thắng và nhiệm mầu của chân lý trên sự lầm mê”. Cũng như một câu trong bài thơ bát quái của vua Thiệu Trị được khắc trong đền Đại Hùng: “Tiếng chuông diệu huyền làm cho chúng sanh thức tỉnh cơn mê...”. Thời chúa Nguyễn Phúc Chu, trong một đợt trùng tu chùa, ngài đã cho dựng bia diễn tả nỗi lòng thanh thản mỗi lần lên Tàng kinh lâu xem kinh luận, phóng tầm mắt nhìn xa. Ở đây phương Nam “núi rừng trùng điệp hiển lộ, mây trắng vờn bất tận”, phương Tây “tùng bách lớp lớp xanh tươi như bình phong trấn đỡ chốn chùa xưa”.

Một lần trên con đò dọc sông Hương, lúc sương còn dày đặc bỗng tiếng chuông Thiên Mụ u huyền loang trên sóng nước mênh mang, chợt như mây cũng ngừng trôi và tâm hồn được gội rửa phong trần tục lụy. ■



Kinh Hoa Nghiêm

THIỆN TRÍ

LTS: Tạp chí VHPG vừa nhận được trọn bộ Kinh Hoa Nghiêm 5 tập do Nxb Tôn Giáo và Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành vào quý IV năm 2014. Bản tiếng Việt này do cố Cư sĩ Thiện Trí Nguyễn Tri Bất dịch từ bản tiếng Hán của ngài Thật-xoa-nan-đà đời Đường, hoàn tất từ năm 1963, nay được Sư cô Tuệ Liên hiệu đính và được gia đình của cố cư sĩ ấn tống. Chúng tôi xin trích đăng Lời nói đầu của dịch giả in ở đầu tập 1, thay lời giới thiệu đến quý độc giả, cũng là để tán thán công đức dịch thuật, hiệu đính và thực hiện của những vị hữu công.

Văn Hóa Phật Giáo

Kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh Đại thừa bao hàm giáo lý cao nhất của Đức Phật. Ấy là pháp môn nhứt thừa viên đốn gồm thâm vô lượng pháp môn, có vô lượng nghĩa. Hoa Nghiêm là kho tàng quý giá gồm cả thầy châu báu, là kho chứa tất cả cái gì bí mật, là kho triết lý tốt cùng trong vũ trụ thuyết minh thật tướng của vạn pháp, là vua của các kinh, là đường lối cuối cùng để đạt được Nhất thiết trí để thành Phật. Ấy là nhập đạo chớ không còn luận đạo nữa; là hành, chứng, không phải tín giải nữa, cho nên kinh Hoa Nghiêm là con đường rốt ráo của hàng Đại Bồ-tát.

Vì bốn nguyên muốn cống hiến kinh này cho đời nên tôi phải dịch ra Quốc văn và chú giải. Tôi rất e ngại những sự sai lầm trong bản dịch của tôi cho nên để bản Hán âm đối chiếu một bên, cầu mong quý vị cao minh sửa chữa cho, để tôi được học thêm, thì tôi biết ơn vô tận.

Việc dịch rất khó khăn, vì nó đòi hỏi những điều mà tôi rất thiếu sót: Ấy là phải thâm Nho học và phải nhập diệu kinh tạng. Tôi chỉ đem tín tâm đặc biệt để hiểu Hoa Nghiêm, cho nên có nhiều khi tôi thấy rất lạ lùng. Tôi như quên hẳn thân hiện tại và tự thấy nhập một với ngài Thật-xoa-nan-đà, Đại sư đời Đường, đã phiên dịch bộ Hoa Nghiêm từ bốn tiếng Phạn ra Hán văn. Và vì vậy, quý độc giả sẽ thấy trong toàn bản dịch của tôi đi rất sát với lối hành văn phóng khoáng rất phổ thông, rất bình dân, rất dễ dãi của Thật-xoa-nan-đà, tránh hết sức các danh từ văn chương tối nghĩa quá hàm súc cổ tích, thậm chí các bài kệ thất ngôn hay ngũ ngôn, tôi cũng dịch ra đúng thất ngôn hay ngũ ngôn và các câu thơ không niêm luật trong suốt bộ kinh, tôi cũng không thể nào gieo vần khế luật được. Tôi chỉ cố tôn trọng âm thanh của các bài kệ, phần nhiều là những âm trắc thần bí mà tôi cảm thấy có sức rung động mạnh vô biên...

Vả chăng, bộ Hoa Nghiêm bằng Hán văn này là một áng văn tuyệt tác thượng cổ của Trung Quốc, đã được quý vị Tổ sư khảo sát lại cẩn thận rồi, nay dịch lại áng văn này, không phải là việc dễ.

Lại nữa, đứng trong lãnh vực lời nói, so sánh, nghĩa là cái giả mà muốn diễn tả thật tướng của vạn vật, tức là cái chơn, thì thật là khó khăn vô cùng, nếu không muốn nói

rằng không thể được! Dùng lời nói của con người bé nhỏ như hột bụi tí này để diễn tả những cảnh vật trong vô lượng cõi lớn bằng vô lượng lần, trong vô lượng thời khác nhau thì thật là khó, vì chúng ta thiếu tất cả danh từ để chỉ những cái mà cõi người không có. Vậy nên tôi cầu ở quý độc giả hãy dùng tâm mà đọc Hoa Nghiêm chớ dùng mắt, vì mắt chỉ quanh quẩn trong tam giới, không đến được cõi Bồ-đề được. Trong lúc chưa chứng đắc chơn lý thì chỉ có tâm thành tín mới hòa đồng với Bồ-đề được.

Vấn đề siêu hình phải được nhập trước hết. Muốn thấy cái thật, phải lia ngã kiến, phải nhập vào Tam muội vô lượng nghĩa, tức là phải đứng trong cái một căn bản để nhìn cái vô lượng hình sắc của mỗi pháp. Ấy nghĩa là đứng trong căn bản đại ngã làm đơn vị, thân mình tràn ngập cả vũ trụ vô biên mà nhìn các cõi nhiều và nhỏ như những hột bụi tột nhỏ, chớ không chấp trong vòng tương đối nào cả, không lấy tiểu ngã tức là thân ta làm đơn vị, giải các pháp bằng phép so sánh. Ấy là thấy tánh, bỏ tướng, nhập vào thật tướng của vạn pháp, cho nên rất khó cho kẻ sơ cơ. Hãy căn cứ trên ý chánh của kinh, chớ căn cứ trên lời trên chữ. Hãy đọc Kinh ngoài văn tự vậy.

Trước khi đi vào phần chánh văn của kinh, tôi xin viết lời chỉ dẫn sau đây, rút trong tài liệu các bản giải thích của các Tổ sư xưa để quý vị độc giả dễ nhập vào cái thấy của Hoa Nghiêm. Tôi lại lập các bảng tổng yếu để giúp quý độc giả nhận định tổng quát cho dễ nhớ. Các hình vẽ, tôi trích y các hình xưa, không thêm không bớt, vì đó là những hình thể tượng trưng để họa lại các cõi thôi, không phải thật, cho nên cần trí tưởng tượng nhiều lắm mới nhập cái thấy của Hoa Nghiêm.

Tôi trình trọng dâng bộ Hoa Nghiêm lên đất Việt với tất cả lòng thành hộ pháp, mong góp chút phần xây nền móng Phật giáo Việt Nam và kính cầu chờ đợi quý Đại đức cao minh thấy sâu hiểu rộng sẽ vui lòng sửa chữa cho những chỗ nào mà quý Ngài nhận thấy là sai sót để dạy cho tôi thêm và để góp phần xây dựng nhà Như Lai, tôi sẽ đội ơn vô cùng.

Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

PL. 2507 – TL. 1963

Ngày 15.6.1963 – 24.04 Quý Mão ■



Lang thang trong chữ

Chữ nghĩa quân sự

HỒ ANH THÁI

Đất nước triển miên chiến tranh. Cả nghìn năm chiến đấu chống quân xâm lược phương Bắc. Cả thế kỷ chống thực dân Pháp. Rồi hơn hai chục năm chiến trận với Mỹ. Ngôn ngữ cũng quân sự hóa. Ngôn từ quân sự đi vào lời ăn tiếng nói hàng ngày của dân chúng, vào cả văn chương. Chữ *phi vụ* từng nhắc đến chẳng hạn. Nó chỉ một công vụ bay, một chuyến bay của phi công Mỹ, nhưng rồi đã được dùng thay cho chữ vụ việc, nhiều vụ việc chẳng hề bay gì cả.

Lấy một số ví dụ về ngôn ngữ quân sự:

- *Lực lượng* diễn viên được huy động để dựng vở mới: đây là nói về số lượng diễn viên của đoàn, toàn bộ biên chế diễn viên của đoàn được huy động.

- *Thân chinh* ra phòng khách để gặp bạn: ngày trước các vị đế vương tự mình cầm quân đi chiến chinh thì gọi là thân chinh. Nhưng từ điển tiếng Việt bây giờ cũng đã dân sự hóa từ này, chỉ còn định nghĩa là trực tiếp làm một việc gì đó. Nói một cách dân sự thì nên dùng chữ tự mình, tự thân, chủ động.

- *Đội ngũ* trí thức: đây là nói về trí thức, ở vị trí xã hội là một tầng lớp.

- *Đơn vị* nghệ thuật: đây là một tổ chức, một đoàn nghệ thuật, một nhà hát, một ban, nhóm.

- *Lễ xuất quân* của đoàn thể thao quận: đoàn thể thao này làm lễ bắt đầu thi đấu, tranh tài, hoặc khởi đầu một hoạt động nào đó.

- Nhà bên này không chịu được nữa, bên quyết định *phản pháo*: pháo địch bắn đi, pháo ta bắn lại gọi là phản pháo. Hai gia đình mâu thuẫn, một bên chủ động khiêu khích gây hấn, bên kia phản đòn, trả đòn, trả đũa.

- Anh thích cô ta, nhưng không dám *động binh*: anh không dám ngỏ lời ngỏ ý, ở một mức độ khác thì anh không dám hành động sàm sỡ, trêu ghẹo, động dục, ngo ngậy gì.

- Họ là những nhà quay phim *thiện chiến*: đây không nói về những nhà quay phim là phóng viên chiến trường, chỉ đơn giản là tác giả viết về những nhà quay phim lành nghề, thiện nghệ.

Hiểu không cần lý

Nói thành quen, viết thành quen, cái quen dần nghe

xuôi tai, nhìn thuận mắt. Thực ra rất nhiều cái quen ấy chứa đầy mâu thuẫn.

Khi nói "trên khắp toàn cầu" là hàm ý trên toàn bộ tinh cầu này, vậy "trên toàn cầu" là đã đủ, hoặc "trên khắp hành tinh" là đã ổn. Đã khắp lại còn toàn, chẳng biết là quy mô còn bao phủ đến tận đâu.

Rồi cũng lại nói: từ khắp mọi miền đất nước. Đã khắp lại còn mọi. Từ mọi miền đất nước. Từ khắp miền đất nước. Chắc thế đã đủ ý và gọn.

Cũng vậy: tất cả mọi người có mặt đều vui. Đã tất cả lại còn mọi. Tất cả những người có mặt đều vui. Mọi người có mặt đều vui. Đủ chưa nhỉ?

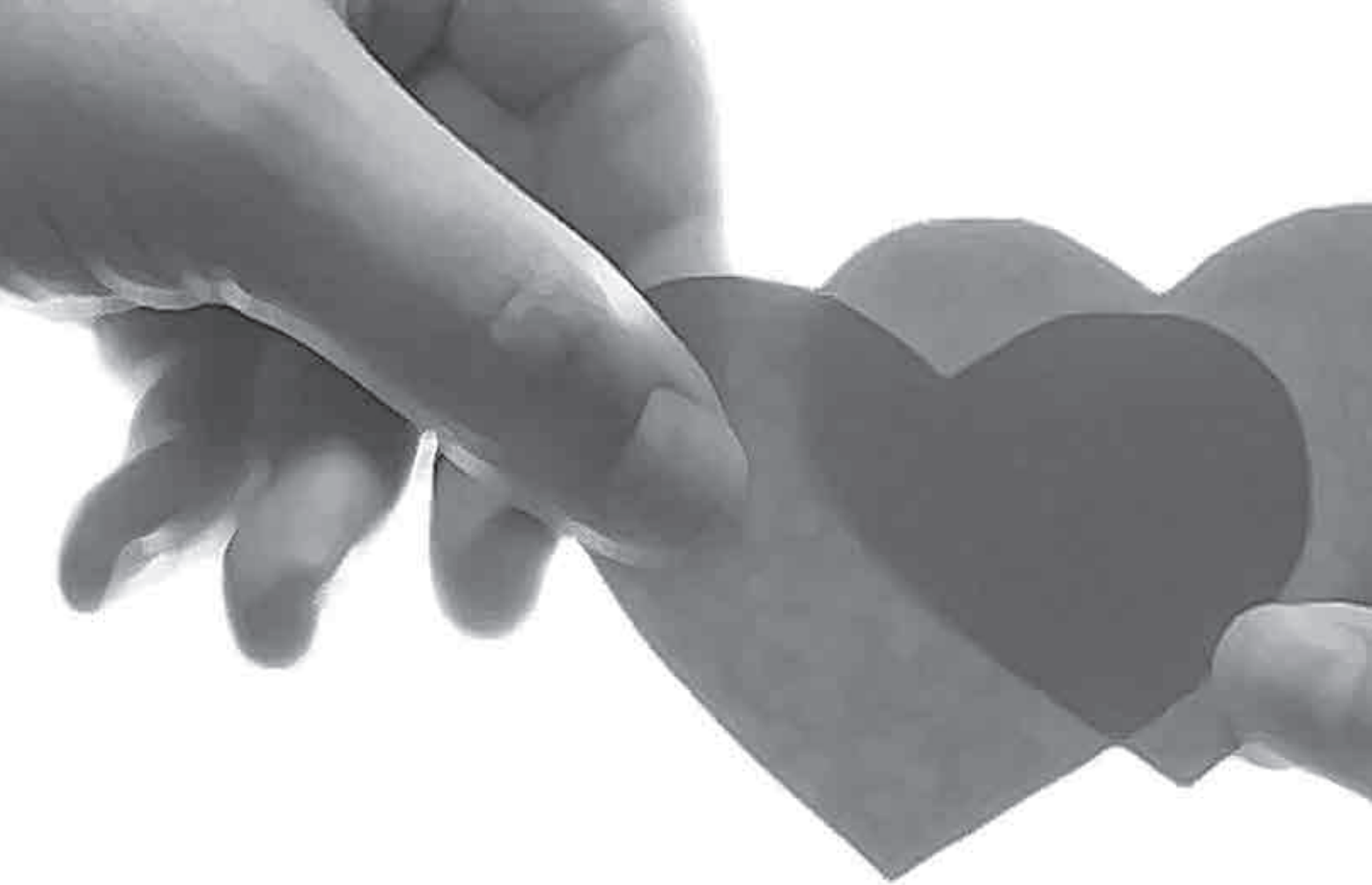
Cái biển cảnh báo đặt trước chợ ghi rõ ràng: cấm không được mang xe vào chợ. Cấm mang xe vào chợ. Đã đủ. Không được mang xe vào chợ. Đã đủ. Nhưng ghép hai từ hàm nghĩa nhấn mạnh hơn. Cấm không được đã thành câu đầu lưỡi, đã thành cụm từ không muốn tách rời. Bẻ chữ bẻ nghĩa thì người ta cấm cái chuyện không được mang xe vào, tức là được mang xe vào chợ. Nhưng người Việt vẫn rất hiểu nghĩa của cái cụm từ cấm không được.

Chê chữ chê nghĩa ra thì câu này cũng mang nghĩa ngược: đó là một hành động mà anh đã tránh không thực hiện. Anh đã tránh cái việc không thực hiện, tức là anh đã thực hiện. Cấu trúc câu tiếng Việt thực ra tưởng như thừa một chữ, nhưng là để nhấn mạnh. Giở lý ra thì phải thêm dấu phẩy: đó là một hành động mà anh đã tránh, không thực hiện.

Có ngoại ngữ, một ngôn ngữ phương Tây chẳng hạn, người ta có điều kiện đối chiếu ngữ pháp. Mới học tiếng Anh, người ta có thể thấy ngay sự bất hợp lý của mẫu câu tiếng Việt: mặc dù trời mưa nhưng nó vẫn đi học. Đã mặc dù, lại còn nhưng. Tiếng Anh đã Although, đã Though, thì thôi But. Mặc dù trời mưa, nó vẫn đi học. Nghe vẫn xuôi.

Nhưng những nhà ngôn ngữ học như Cao Xuân Hạo thì bảo thế mới là tiếng Việt. Đừng có lấy một ngôn ngữ khác mà làm chuẩn. Đừng có dĩ Âu vi trung, đừng có lấy châu Âu làm trung tâm. Lấy quy định chủ ngữ vị ngữ mà soi vào tiếng Việt thì không giải thích nổi và làm hỏng tiếng Việt.

Tiếng Việt vẫn cứ "mặc dù... nhưng" đấy. Tiếng Việt vẫn cứ "cấm không được" đấy. Hãy cố hiểu nó chứ đừng có lý giải nó hoạnh hợc nó. ■



Từ chuyện chiếc giày rơi

MANG VIÊN LONG

Câu chuyện “*chiếc giày bị rơi*” của ông Gandhi tôi đã đọc được ở đâu đó rất lâu nhưng nội dung của câu chuyện vẫn đọng mãi trong tâm tưởng tôi: Có lần, trong lúc bước vội lên xe lửa, ông Gandhi đã đánh rơi một chiếc giày còn mới và không thể nhặt lại được vì tàu đã chuyển bánh. Ông vội vàng cúi ngay chiếc giày còn lại, ném xuống chỗ chiếc giày bị rơi. Hành khách trên tàu lấy làm ngạc nhiên, hỏi: “Sao ông lại làm vậy?”.

Gandhi ôn tồn đáp: “*Nếu có một người nghèo nào lượm được chiếc giày thứ nhất thì người đó có thể tìm thấy chiếc thứ hai và như thế là có được đủ đôi giày để đi*”.

Việc làm và cách nghĩ của ông Gandhi rất bình thường, có thể nói là đơn giản, nhưng đã cho thấy rất rõ phẩm chất con người của ông, một vị anh hùng dân

tộc của đất nước Ấn Độ, được mọi người gọi một cách tôn kính là “Linh hồn lớn”, hoặc là “Thánh Gandhi”.

Phản ứng và suy nghĩ tự nhiên của mọi người khi bị “rơi mất chiếc giày mới” (hay rơi mất vật dụng gì), là gắng tìm lại cho được, rồi “chép răng chép miệng” hối tiếc, thở than khi biết chắc sẽ mất luôn; ít ra tâm trạng tiếc nuối cũng kéo dài một thời gian. Ông Gandhi không như vậy. Phản ứng kịp thời của ông khi tháo vội chiếc giày còn lại, quẳng chiếc giày xuống gần chiếc giày bị rơi khi tàu đang chạy khiến tôi rất khâm phục! Ông đã có phản ứng rất nhạy bén, chính xác, một cách tự nhiên và bình thường! Đó cũng là “phản xạ” có được từ trong máu thịt; không có gì bất thường và đáng ngạc nhiên như người hành khách trên tàu đã hỏi...

Có kinh nghiệm sống dày dặn, có ưu tư quan tâm



thường xuyên đến người khác, có cảm nhận sâu sắc mọi vấn đề thiết thân với đời sống từ rất lâu, mới kịp thời phản ứng bằng hành động một cách đúng đắn, hợp tình như vậy. Chúng đã trở thành “nguyên tắc sống” trong đời ông, để hình thành một nhân cách toàn thiện.

Nguyên tắc đó có thể được cô đọng thành khẩu ngữ, “Một hành động nhỏ mang lại niềm vui cho một tâm hồn đơn côi tốt hơn một ngàn lần cúi đầu cầu nguyện”.

Tâm từ bi không đòi hỏi nhiều điều kiện khó khăn, không ràng buộc cố định, mới thực hiện được. Nỗi cảm thông và tình thương yêu giữa người với người chỉ cần thể hiện bằng “một chiếc giày” bị rơi như thế là đã sáng rõ. Gandhi đã có một hành động thật cao quý vì trong khi bản thân mình bị mất mát như thế, ông vẫn để tâm nghĩ đến người khác.

Tấm lòng cao thượng, tình yêu thương, đôi khi không hề “tốn kém” gì (dù là một đôi giày như trường hợp của Gandhi), mà chỉ là một nụ cười cởi mở ấm áp, một lời nói chân tình thân thiện, hay một lần ghé thăm nhau, là đã đủ rồi!

Trong đạo Phật, pháp bố thí đã được Đức Phật truyền dạy cho hàng tại gia và cả xuất gia rất rõ ràng từ hơn 25 thế kỷ qua: Hạnh nguyện căn bản của người

tu Phật là tự lợi và lợi tha. Tự lợi trong quan điểm của đạo Phật không phải là làm lợi cho mình về phương diện vật chất, mà là biết thực hiện tất cả những công hạnh hướng đến sự giải thoát khỏi mọi nỗi khổ ở đời; một trong những công hạnh ấy là việc thực hiện những lợi ích cho người khác, gọi là lợi tha. Lợi tha là tùy duyên làm lợi ích cho chúng sanh trong khả năng có thể. Trong vô vàn công hạnh lợi tha thì bố thí là hạnh nguyện dễ thực hành và phổ biến nhất. Bố thí có ba mục: Tài thí là cung cấp tiền tài vật chất cho những người có nhu cầu; Pháp thí là hướng dẫn người khác hiểu được bản chất của đời sống để có những hành xử thích hợp, hướng đến đời sống giải thoát; và Vô úy thí là bố thí sự không sợ hãi.

Chỉ một việc làm nhỏ, ông Gandhi đã có thể thực hành hai pháp bố thí: tài thí là có thể mang lại cho người khác một công cụ sử dụng được; vì nếu ai đó chỉ nhặt được một chiếc giày thì chiếc giày đó cũng vô dụng; và pháp thí vì câu trả lời của ông có thể giúp người ta hiểu được lối sống làm lợi người khác.

Winston Churchill đã có lần chia sẻ: “Chúng ta sinh sống bằng những gì chúng ta kiếm được, nhưng chúng ta tạo lập đời mình bằng chính những gì mà chúng ta cho đi”. Tuy vậy, trong thực tế đời sống, có lắm người chỉ muốn “nhận về” chứ không thích “cho đi”. Thâu về bao nhiêu cũng chưa vừa, mà bỏ ra chút đỉnh đã buồn lo! Nếu mọi người đều biết được như lời dạy trong kinh *Pháp cú*, câu 149 thuộc phẩm Già (Jaravaggo) rằng “*Trái bầu về mùa thu thì khô rụng; thân này cũng vậy, rốt cuộc chỉ còn một đồng xương màu lông hạc; rõ thật chẳng có gì bền chắc, chẳng có gì vui*” thì bao giờ cũng mở lòng sống với tình thương yêu, chia sẻ, cảm thông, bởi đó mới chính là điều tốt đẹp cần thiết nhất, tư lương duy nhất mà họ cần “tích trữ” cho đời người ở kiếp này và kiếp sau.

Ngạn ngữ Anh cũng có câu: “Điều tôi tiêu đi là tôi có, điều tôi giữ lại là tôi mất, điều tôi cho đi là tôi được” và “Giúp đỡ người khác là giúp đỡ chính mình”. Những lời khuyên dạy ấy nhắc cho mọi thể hệ ghi nhớ, hãy sống cho tình yêu thương và ban phát; chớ nên sống đời khép kín, ích kỷ, tham lam bởi “điều tôi giữ lại là tôi mất” – tất cả đều sẽ hư huyền, giả tạm, theo luật sinh diệt vô thường của vạn pháp (Vạn pháp do duyên sinh, cũng do duyên diệt).

Một nhà văn đã tâm sự: “Người cho bao giờ cũng hạnh phúc hơn người nhận”. Quả vậy, niềm vui sướng, thanh thoi, an lạc, đem lại cho “người cho” to lớn, lâu dài, như tiếp thêm nguồn năng lực mẫu nhiệm cho đời sống, có khi trong suốt cả một đời người...

Giống như chiếc giày của Gandhi đã quảng xuống sân ga cách nay đã gần hai trăm năm, vẫn còn mới nguyên một nhân cách tuyệt vời, như hương thơm của loài hoa bất tử mang tên Gandhi... ■



Toàn cầu hóa là đề tài thu hút sự quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới. Có vô vàn ví dụ để minh họa cho khái niệm toàn cầu hóa: từ khối liên minh thời chiến tranh lạnh và khu vực sử dụng đồng tiền chung châu Âu cho tới các tổ chức, tập đoàn đa quốc gia; đặc biệt là sự phổ biến của mạng internet... nhưng có lẽ ví dụ sinh động nhất chính là hiện tượng biến đổi khí hậu.

Người dân sống ngoài hòn đảo nhỏ xa xôi hay miền sơn cước chon von có lẽ chẳng quan tâm đến giá dầu thế giới, thị trường chứng khoán, cũng như chưa kịp kết nối với mạng internet, nhưng từ lâu khí quyển đã ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của họ. Người sống và người chết khác nhau ở hơi thở. Cho nên bầu không khí kém chất lượng ảnh hưởng tới tất cả mọi con người. Sự lệ thuộc này chỉ ra một trái đất liên thông và thuộc tính ý lại tuyệt đối của muôn loài vào bầu không khí.

Chúng ta có thể khác nhau về nền văn hóa, thể chế chính trị hay ngôn ngữ, màu da... nhưng đều có chung những đặc điểm về sinh thể chịu tác động, chi phối bởi quy luật tự nhiên. Biến đổi khí hậu có thể xuất phát bởi một số nguyên nhân chủ yếu. Nó có thể chịu tác động bởi lượng khí carbon thải ra từ Mỹ hay Trung Quốc, hai quốc gia sản xuất lượng khí thải nhiều nhất; song, hậu quả gây ra không giới hạn trong phạm vi cục bộ mà phủ khắp trên toàn cầu. Chất phóng xạ rò rỉ từ nhà máy điện hạt nhân trong vụ động đất tại thành phố Fukushima, Nhật Bản năm 2013 từng lẫn vào những đám mây bay khắp năm châu, bốn biển. Nạn đốt rừng ở Indonesia làm khói, bụi lan tỏa sang các nước láng giềng... Qua đó thấy rằng, toàn cầu hóa, xã hội hóa là cơ chế hoạt động của những rủi ro về biến đổi khí hậu. Trong khi thông điệp phát triển bền vững được phát đi khắp mọi nơi, tình trạng chặt phá rừng, hạ đồn cây cổ thụ ngay tại những đô thị lớn vẫn diễn ra. Tất nhiên, trong mọi cuộc cách mạng đều có cái giá phải trả, nhưng cái giá đắt nhất mà loài người đang trả chính là tình trạng sức khỏe xuống cấp nghiêm trọng. Hiện nay, bầu không khí kém phẩm chất tác động đến toàn bộ người dân suốt ngày suốt đêm. Trong khi nạn

kẹt xe vẫn chưa thể giải quyết và không ngừng nâng cấp đến mức có thể tăng lên thành họa, việc phủ xanh là một trong những biện pháp hữu hiệu nhằm hạn chế biến đổi khí hậu. Thế nhưng trên rất nhiều tuyến đường của thành phố, có những con đường không hề có một bóng cây xanh, có con đường hàng cây xấu xí, mọc lên tự phát... Có lẽ chẳng cần hao tốn nhiều tiền của để thực hiện dự án xác định thực trạng cây xanh trên các tuyến đường nội đô thành phố. Nhiều đại lộ, trục đường chính từng trồng cau để lấy bóng mát; nhiều mảng xanh sử dụng loại cây ngắn ngày... chưa kể loại cây chưa qua giai đoạn "thời nôi", biết đến chừng nào mới kịp vươn mình lên cao tỏa bóng râm mát?

Nhiều nhà quản lý quen làm chính sách trên bàn giấy, đi thị sát trong xe hơi, nên khó thể cảm nhận được cái nắng oi ả, gay gắt... trên những con đường không có bóng cây xanh. Họ cũng chẳng thiết lập mối quan hệ thân thuộc nào với những con đường để hình ảnh của chúng trở thành ký ức êm đềm đi vào giấc mơ. Bởi vậy, không lạ gì khi họ huy động công nhân, máy cắt, chặt đốn cây cổ thụ không hề thương tiếc. Trong quá trình chỉnh trang đô thị, đương nhiên khó tránh khỏi những mất mát. Song, chính quyền, cơ quan thực thi nhiệm vụ cần đưa ra bức lam đồ về biện pháp tái thiết môi trường sinh thái nhân văn sau quá trình thay đổi. Người dân phải thấy được hình ảnh của thành phố mình trong tương lai.

Khi thực dân Pháp xây dựng bộ máy cai trị thuộc địa trên đất nước ta, họ đã thành lập cơ quan nghiên cứu thực vật nhằm tìm hiểu các giống cây miền nhiệt đới, trồng trên mỗi tuyến đường một loại cây khác nhau. Thảo cầm viên là một bảo tàng ngoài trời tập hợp các loài thảo mộc vùng nhiệt đới, có tác dụng giáo dục. Chúng ta đang thừa hưởng của người Pháp những con đường "lá hát như mưa" và "hàng cây thấp nển" cao vút, thẳng tắp đi vào thơ ca, âm nhạc. Phát triển bền vững đang là câu khẩu hiệu thời thượng. Nó có thể còn xa lạ về nội hàm với nhiều người, song hiểu một cách khát quát, phát triển bền vững không thể để di chứng của thời đại này cho thế hệ mai sau. ■



Rơm

NGUYỄN THỊ MINH NGÂN

Tôi chưa từng đi tìm cho mình lý do vì sao tôi lại thích mùi vị ấy như thế, mùi của rơm rạ sau khi đã được tuốt hết những hạt lúa căng mẩy, nếu để vài ngày dưới trời sương, sẽ tỏa ra mùi hương thật đặc biệt.

Lần đầu tiên tôi cảm giác cái hương vị ấm áp ấy loang dần vào sống mũi là khi tôi được về quê nội. Mùa gặt, những con đường chất đầy rơm thành đồng, xe đạp đi qua có khi bị vướng vào vài sợi rơm khô, xoay xoay theo vòng bánh xe, trông thật thích mắt. Từ đó tôi mặc định, cái hương thơm đặc trưng của quê nội nơi đất Bắc là mùi của rơm rạ, mùi của người cha mà cả tuổi thơ tôi khao khát được ở bên cạnh.

Đó là mùi của đồng ruộng, mùi của những giọt mồ hôi, mùi của những người nông dân vẫn ngày ngày vác cuốc ra đồng, mùi của niềm vui khi vụ mùa bội thu hay của nỗi buồn ngập ngừng sau đuôi mắt vào vụ thất thu. Tôi thích những cánh đồng trải dài, những cánh đồng bát ngát cho tôi phóng tầm mắt thật xa mà chẳng thấy điểm dừng, những hương thơm của hạt lúa đương thì con gái, cắn vào nẩy sữa ứa ra màu trắng ngọt dịu đến lạ lùng, và cuối cùng khi đồng lúa chín vàng, lúa được tuốt nhẵn, rơm phơi đầy ngõ vào tận gian bếp, tôi lại yêu tha thiết cái hương thơm của rơm rạ ấy.

Nổi cơm mới thơm lừng, không những thơm bởi hạt gạo mới thu hoạch mà còn vì được đun bằng bếp rơm, lửa cháy bùng, cơm sôi ừng ực, có lẽ suốt chiều dài của nỗi nhớ về quê nội, đó là mùi hương luôn phảng phất theo tôi. Mùi rơm thổi cơm thấm đẫm vị mặn nước mắt khi đứa con gái nhận ra rằng, ba sẽ chẳng trở về bên mình nữa. Để rồi những năm tháng dài sau đó, tôi đi qua khắp mọi miền, đi qua những đồng lúa xanh mơn mớn,

bất chợt lại nhớ đến mùi vị ấy, mùi vị của rơm khô và nổi cơm gạo mới, cảm giác chông chênh khi mất đi mãi mãi điều mình trân quý trong đời.

Mùa gặt, tôi ngây ngô đi tìm cho mình hương vị rơm khô để biết rằng cuộc sống còn có những niềm vui quá đỗi ngọt ngào mà chẳng cần lý do nào để biện hộ. Có rơm thật, nhưng chẳng như ở quê nội, đất Tây Nguyên của tôi thì ruộng có là bao, chỉ vài ụ nhỏ lác đác trong thôn vì rất ít nhà làm lúa, tôi đi ngang qua, và dừng lại, nỡ căng lá phổi để hít hết cái không khí ấy, tưởng tượng rằng mình là đứa trẻ của những tháng năm xưa. Những năm tháng khờ dại, những tháng ngày hạnh phúc vì được biết quê hương mình, được có ba ở bên.

Có những niềm vui, những sở thích được lý giải, nhưng tôi chẳng bao giờ biết được lý do vì sao tôi lại thích mùi rơm rạ đến vậy, nó ấp áp, nó quấn chặt, bịn rịn, yêu thương ngọt ngào. Những hương vị của cuộc sống mỗi ngày vẫn đi qua, có thứ tôi thích, có thứ không, có thứ dần dần tôi thích, có thứ theo thời gian tôi không còn hứng thú nữa. Nhưng tôi biết chắc chắn một điều rằng trong suốt cuộc đời mình, tôi vẫn ngây ngất trước hương vị ấy, đó là điều làm tôi thấy ấm áp hơn bất kỳ điều gì trong đời, như đứa con gái bé nhỏ được hương lúa chở che, cất giữ những ngày đại ngày thơ bé.

Có sợi rơm nào bay theo gió vương qua cành lá non, phảng phất mùa mới, mùa gặt, mùa của những ước mơ và hy vọng. Tôi mang theo những niềm vui, những khát khao, mơ ước của mình gửi vào hương vị đó, để lấy thêm niềm tin, để vững bước. Và trong mỗi giấc mơ mỗi đêm, khi thấy mình lạc lõng, tôi vẫn có hương lúa non, có mùi rơm rạ quấn quanh.

Thương lắm, những cọng rơm làm nên mùa vàng. ■

Nhớ quê

KAI HOÀNG

Bạn nói, “Sài Gòn có gì mà thích dữ vậy? Trời ơi, lên đó sống cực khổ mà cũng chẳng đủ ăn; chi bằng ở quê an nhàn mà lại gần gũi ông bà, cha mẹ”. Lúc nào gặp nhau cũng nghe bạn nói mãi điệp khúc đó. Bạn tặc lưỡi, tiếc nuối cái thời trẻ trai trắng trẻo mập mạp mà mỗi lần nhắc lại cứ tưởng mới hôm qua. Nhìn lại mình, anh mới để ý, và cũng nuối tiếc dữ lắm; nhưng mà không biết nói thế nào để cho bạn hiểu. Sài Gòn với anh giờ cứ như máu thịt rồi, bỏ làm sao được.

Hôm bữa con Mến cứ hỏi ngoại riết; hỏi chú kia là ai mà tự xưng vô ở nhà mình vậy? Ngoại cốc đầu nó, nói, “Cậu út mày mà mày cũng hỏng nhớ”. Trẻ con mà. Chúng chỉ nhớ những gì quen thuộc thôi. Huống hồ anh cứ sống riết trên thành phố hai ba năm mới về thăm nhà một lần, đến cái tên anh mấy đứa cháu còn không nhớ, nói chi tới người ngợm mặt mũi. Nghe má kể mà lòng anh cũng xót xa lắm. Ai đời cậu cháu mà không nhận ra nhau.

“Mày coi về quê ở luôn đi, sau này con cháu nó còn biết có người thân ruột thịt chứ ở trên riết rồi họ hàng cũng chẳng ai nhớ”. Nghĩ, thấy thương má lắm, tuổi già thui thủi một mình; anh chị thì ra ở riêng hết. Anh cũng ráng làm việc vài ba năm để có số vốn lặn lội về quê sinh nhai. Vậy mà Sài Gòn như có ma lực cứ hút anh ở lại thành phố, không cho về quê. Tuổi trẻ ai chẳng ham thích bay nhảy thử sức, có bạn bè đi đây đi đó cho biết với người ta, ở quê hoài buồn lắm.

Nói vậy chứ đi ngang qua mấy gánh hàng rong nhớ sạp tạp hóa của bà Tư quá chừng. Thì cũng cóc, ổi, xoài,

bánh tráng, mắm tôm từ quê lên chứ đâu, vậy mà ăn hoài cũng chẳng thấy được cái mùi quê chân chất. Nền nhiều lần nước mắt, nước mũi ứa ra mà anh cũng chẳng dám gọi điện về cho má, đành nói “Nhớ quê quá má ơi”. Rồi có bữa lại bị người ta chửi vì tự xưng dùng xe đột ngột chỉ để ngắm lá me bay. Thành phố bận rộn lắm, một giây trôi qua cũng rất quý, chẳng có ai đủ thời gian để cảm thông cho cái người dùng xe ngắm lá mà nhớ đến mấy cội me già đang mùa ra trái đầu. Vậy nên mỗi tối chỉ dám nhìn nhánh me lượn lắt trên đường đem về nhà chứ sao dám cản trở dòng xe đang lao vội trong giờ tan sở.

Mấy tháng trước thằng Tí vời chị Ba, tức má nó, cho nói chuyện điện thoại với cậu út. Nghe giọng con nít thấy thương gì đâu. Nó nói, cậu ơi, mùa hè rồi trong xóm tụi thằng Tài, thằng Hớn có điều thả bay rợp trời hết. Anh nói sẽ gửi tiền về để Tí mua điều đẹp nha, nó không chịu, đòi cậu chặt tre lấy giấy tập làm điều, chứ mấy con điều mua ngoài chợ nhìn diêm dúa nó không thích. Nghe giọng nó nói như muốn khóc, nhớ cậu quá chừng, có cậu về chỉ vẽ này nọ mới thích, chớ ngoại thì bận nhà trên xóm dưới đâu có rảnh mà hỏi han. Anh trấn an nó, nói một hai tháng nữa cậu về. Anh nói vậy mà thấy tim như có ai chích, nhưng nhức.

Chỉ tội thằng bạn chung phòng, thấy nước mắt anh ngăn dài, cứ tưởng anh trúng gió hay đau bụng, lật đật thoa dầu gió mà má anh mới gửi lên tuần trước. Nó mà biết anh nhớ quê đến òa khóc chắc cười cho thú vị; mà cũng có khi nó cũng khóc theo anh không chừng. Bữa anh mang cá kho tộ lên cho hai đứa ăn, thấy mắt nó đỏ hoe, anh cứ tưởng nó ăn nhầm ớt nên không nói gì.

Mùa này nhớ sông quê quá chừng. Nhớ con nước lớn ngập cả sân sau mang theo bông lục bình tím biếc, cả rác rến, xác chó mèo chết trôi cứ lấy cây lùa ra khỏi nhà cho khỏi hôi. Nhớ dáng ba cầm cùi chèo ghe gỡ rạp bắt cua bắt ghe, nhớ mấy thằng bạn í ới leo bần nhảy sông. Nghĩ lại mà lòng anh quay quắt kinh khủng, tự xưng đem tuổi thơ lên thành phố rồi ngồi tưởng tiếc. Mấy cuộc vui trên này sao bằng quê nhà được.

Về đường làng cũ, thấy quê bao dung lắm. Ai đi xa cũng chẳng hờn, chẳng trách, chỉ buông vài câu nói lấy rồi thôi, chẳng để bụng bao giờ, rồi lại cứ mang người từng bỏ xứ. Như hôm nay, ngồi với bạn, ngắm nghĩ tuổi trẻ cũng gần qua rồi, chắc cũng trở về thôi chứ đi miết thì nhớ sao chịu nổi. Mấy đợt trước thì thích la cà với bạn bè lâu năm không gặp, tự xưng hôm nay anh muốn chạy chân sáo về nhà, sà vào lòng má, chỉ để nói “nhớ quê quá, má ơi”. ■





Từ nay khép lại

PHẠM THANH CHƯƠNG

Khi những bông hoa ném xuống huyết mộ và tiếng kèn trumpet trỗi lên... tôi mới thực sự nhận ra rằng từ nay người bạn thân của mình không còn trên cõi đời này nữa. Lời ca trong một bản nhạc của Trịnh Công Sơn văng vẳng trong đầu “... bao nhiêu năm làm kiếp con người... chợt một chiều tóc trắng như vôi, lá úa trên cao rụng đầy, cho trăm năm vội chết một ngày...”

Đầu biết rằng trong cuộc sống tạm bợ này, chúng ta chỉ có thể cùng nhau đi chung một đoạn đường, dù đồng hành ngàn dặm rồi cũng phải chia tay, nhưng sự ly biệt nào cũng để bao nỗi ngậm ngùi cho người ở lại.

Tôi thức dậy từ lúc trời còn mờ tối để chuẩn bị đi đưa người bạn thân về “nơi an nghỉ cuối cùng”. Khi lên xe tiễn bạn tôi một quãng đường khá dài, tôi mới ngạc nhiên khi thấy chỉ lác đác dăm ba người bạn cũ... *Sao lại thế này?*

Sinh thời, anh giao du rộng rãi, bạn bè rôm rả đầy nhà trong những lần họp mặt, nhưng khi tiễn anh lần cuối trong kiếp sống thì... *sao lại thế này?*

Người bạn thân ngồi cạnh tôi nhắc lại một câu trong bản nhạc của Vũ Thành An “... khi lià trần có mấy người đưa...” có lẽ người nhạc sĩ tài hoa này cũng đã bao lần chứng kiến những cảnh đời như vậy nên mới viết lên những từ thấm thía ấy chăng?

Cuối cùng rồi, dù mau hay chậm, dù muốn hay không, chúng ta cũng phải lần lượt rời bỏ thế gian đầy sầu muộn và bất trắc này để bước qua chiếc cầu mà không một ai muốn đến:

*“Cầu Nại Hà kẻ trước người sau
Mỗi người một nghiệp khác nhau...”*

(Nguyễn Du)

Xe chạy xuyên qua những cánh rừng cao su để ra lộ chính trở về thành phố, nỗi buồn tràn ngập trong mắt mỗi người, từ nay những lần họp mặt, những hẹn hò với anh sẽ khép lại. Anh nằm đó, đời đời yên nghỉ và sẽ không bao giờ còn gặp lại anh. Vâng,

*“... Những hẹn hò từ nay khép lại
thân nhẹ nhàng như mây...”*

(nhạc Trịnh Công Sơn)

Ngày mai, mỗi người lại bận rộn, tất bật với cuộc sống của riêng mình, những đau buồn, thương nhớ rồi cũng sẽ nguôi ngoai, nhưng tôi sẽ mãi mãi giữ lại hình ảnh trong đó có niềm vui, hạnh phúc xen lẫn những nỗi buồn man mác mà bây giờ chỉ còn là kỷ niệm, kỷ niệm dịu dàng... của một quãng đời thân yêu cũ.

Sài Gòn vẫn như mọi ngày, trên đường phố người ta vẫn chen chúc, hối hả với việc mưu sinh dưới cái nắng oi ả, ngột ngạt của những ngày sắp vào hè. Tiếng còi xe làm tôi chợt tỉnh và nhận ra mình đang cùng dòng người lưu thông trên đường đầy ắp xe cộ; cây lá hai bên đường loang loáng dưới ánh nắng. Tôi nhìn những chiếc nón lô nhô trước mặt, không biết họ đang nghĩ gì? Nhưng chắc chắn sau những niềm vui, người nào cũng sẽ mang theo một nỗi buồn hoặc âu lo bên cạnh. Cuộc sống vốn dĩ là như vậy, không thể có một điều gì toàn vẹn.

Con đường còn mịt mờ phía trước, không ai biết được điều gì sẽ xảy ra ở ngày mai, nhưng chắc chắn một điều là ngày mai vẫn đến, mặt trời vẫn lên, gió vẫn len lỏi qua từng tầng lá, vòm cây trên đường phố và người ta vẫn tất bật vì cuộc sống trong mọi ngả ngách của thế gian đầy những đau thương và sầu muộn này. ■



Bát cơm trong ca dao

Văn hóa Việt Nam là văn hóa lúa nước. Từ ngàn xưa, cây lúa hạt gạo đã gắn bó thân thiết với đời sống của người Việt. Khắp trên nước ta, nơi nào cũng có những cánh đồng lúa. Với người Việt, rơm rạ, hạt thóc chẳng bao giờ xa lạ gì. Cơm là thực phẩm chính trong bữa ăn của người Việt. Và không biết từ bao giờ, cây lúa, hạt gạo, bát cơm đã đi vào ca dao tục ngữ; trở thành những món ăn tinh thần không thể thiếu của người Việt qua bao nhiêu thế hệ.

Ca dao người Việt có nhiều câu thật hay viết về bát cơm mà ở đó, các tác giả dân gian đã gói gém nhiều tâm tư, tình cảm cùng những quan niệm tốt đẹp về con người, về cuộc đời. Bát cơm trong ca dao vì thế mà vừa gần gũi, cụ thể vừa mang nhiều ý nghĩa biểu trưng; vừa là thực thể lại vừa là sự khái quát của dân gian về những triết lý nhân sinh.

Có một bát cơm nói thay cho những gian khổ, nhọc nhằn của người nông dân tay lấm chân bùn, phải một nắng hai sương, sớm hôm ruộng cạn đồng sâu, cày bừa khó nhọc để làm ra hạt lúa:

*Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày*

Ai ơi bụng bát cơm đầy

Đẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Có bát cơm đầy nói lên lòng biết ơn của những người đang “bưng bát cơm đầy”, được hưởng thụ thành quả lao động đối với người nhà nông đã vất vả nắng mưa làm ra hạt gạo cho đời:

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Bưng bát cơm đầy nhớ đến nhà nông.

Đối với người Việt, hạt cơm được ví với hạt ngọc của trời, quý như vàng bởi đó là tinh túy đất trời qua bàn tay cần cù, vất vả của người nhà nông làm ra. Trong kho tàng ca dao Việt, có bát cơm vàng ca ngợi lao động, đề cao đất đai và khuyến khích người dân khai hoang sản xuất:

Ơn trời mưa nắng phải thì

Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu

Công lênh chẳng quản bao lâu

Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng

Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang

Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.

Hình ảnh bát cơm còn là biểu tượng nói lên ở người Việt ta những đức tính tốt đẹp ngàn đời. Đó là lòng



PHẠM TUẤN VŨ

hiếu thảo của người con đối với mẹ già trong hoàn cảnh nghèo khổ:

Đói lòng ăn hạt chà là

Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.

Đó là còn tính hay lam, hay làm, chịu thương chịu khó, giàu đức hy sinh của những người phụ nữ Việt truyền thống. Một bát cơm bưng trên tay là bao nhiêu mồ hôi, gian khổ, nhọc nhằn mà các mẹ, các chị phải đổ xuống ruộng đồng như trong lời tâm tình của nhân vật “em” trong bài ca dao dưới đây:

Em nay đi cấy đồng sâu

Dưới chân đĩa cấn trên đầu nắng chang

Chàng ơi có thấu chăng chàng

Một bát cơm vàng biết mấy công lênh.

Lòng tự trọng, coi trọng đạo lý, tình nghĩa ở đời là những phẩm chất tốt đẹp của người Việt cũng được thể hiện thành công qua triết lý đối cơm hơn no rau như trong bài cao sau:

Đói cơm hơn kẻ no rau

Nghèo mà quân tử hơn giàu tiểu nhân;

và:

Thà rằng ăn bát cơm rau

Còn hơn cá thệ nói nhau nặng lời...

Trong tình cảm vợ chồng, nhiều bài ca dao với hình tượng bữa cơm đạm bạc đã thể hiện nhiều ý nghĩa sâu sắc một cách cảm động:

Ở nhà cơm hầm muối rang

Bữa cơm có thiếp có chàng vẫn vui.

và:

Cơm này nửa sống nửa khô

Vợ đơm chồng nếm chẳng chê cơm này.

Hay như những chuyện thường ngày trong cuộc sống vợ chồng và lời khuyên bảo về cách ứng xử giữa hai bên cũng được nói đến một cách sinh động qua hình tượng nồi cơm đang nấu với những ẩn dụ cơm sôi, nhỏ lửa, cơm khô:

Chồng giận thì vợ bớt lời

Cơm sôi nhỏ lửa biết đời nào khô...

Bát cơm còn là biểu tượng cho tình thương không tính toán của cha mẹ dành cho con cái, đồng thời là biểu tượng về triết lý cuộc sống vốn không phải lúc nào cũng êm xuôi, thuận lợi:

Cơm cha cơm mẹ đã từng

Con đi làm muốn kiếm lưng cơm người

Cơm người khổ lắm ai ơi

Chẳng như cơm mẹ vừa ngồi vừa ăn.

Đặc biệt, trong kho tàng ca dao người Việt, có nhiều hình tượng bát cơm tượng trưng cho người phụ nữ Việt xưa vốn chịu nhiều thiệt thòi, bất công một cách sâu sắc, chẳng hạn như:

Chàng ơi giận thiếp mà chi

Thiếp như cơm nguội nhờ khi đói lòng.

và:

Yêu anh hay chẳng yêu anh

Bát cơm đã trót chan canh mất rồi

Nuốt vào đắng lắm anh ơi

Nhả ra thì sợ tội trời ai mang...

Cơm nguội, cơm đã chan canh, hay đó là thân phận nhỏ nhoi, lệ thuộc, hẩm hiu, đáng thương với những bất công mà người phụ nữ xưa phải cam chịu trong đời... Đó là những câu ca dao cảm động, ám ảnh trong số những câu ca dao viết về người phụ nữ.

Không phải là bộ phận duy nhất, nhưng ca dao là bộ phận tiêu biểu nhất trong kho tàng văn học dân gian nước ta viết rất hay về bát cơm. Bát cơm không chỉ xuất hiện nhiều trong ca dao mà còn được thể hiện thành công, trở thành biểu tượng mang nhiều ý nghĩa. Qua những câu ca dao viết về bát cơm, ta thấy được sự trân trọng đối với từng bát cơm làm ra của cha ông ta ngày trước, cũng như như quan niệm nhân sinh mà người xưa đã gói gắm vào. Đọc những câu ca dao ấy, ta càng thêm quý trọng từng bát cơm mình ăn hằng ngày, cũng như biết trân trọng những quan niệm tốt đẹp về cuộc đời, con người mà cha ông ta từ ngàn xưa đã gói gắm vào hình tượng bát cơm quen thuộc. ■



Bông bí rô

LÝ THỊ MINH CHÂU

Từ ngày xưa ngày xưa người quê tôi đã trồng bí rợ. Chẳng phải nó cao sang quyền quý chi đâu. Nó là một giống bí mà người ta trồng chỉ để lấy đọt và hoa là chính; còn trái thì rất ít, vì bông đực ở bí rợ nhiều gấp hai chục lần bông cái.

Bao đời nay bông bí rợ chưa hề thay đổi diện mạo của mình, vẫn hoa màu vàng đậm sáng rực dưới nắng mặt trời. Hoa đơn năm cánh không hề kiêu sa. Cuống hoa, đài hoa là màu xanh ngấn ngắt của cỏ, của lá, của ruộng lúa bạt ngàn quê kiểng. Lá nham nhám, đọt non cũng nham nhám bởi thứ lông măng mịn màng mà lại nồn như tơ.

Dân mình tinh tế hết biết, cứ đọt bí nào mà không nhiều măng tơ trinh tiết hương đồng cỏ nội như kia

thì coi như hàng xả vất đi, nằm chợ đến héo quèo chỉ còn nước đổ máng. Cái sản vật bao đời trên mảnh đất bạt ngàn phù sa này cứ xanh phơi phới, xanh đến lạ con mắt. Ôi cái nụ hoa vàng vàng mơn mớn và óng ánh bởi những sợi lông măng như trêu chọc con mắt mặt trời kia ơi, sao mà rực rỡ thế, dẫu nó chỉ là cái bông đực. Ông trời sinh ra cái ngữ đực này chỉ để tự thú với đời là vô công rách việc mà thôi. Sinh ra nở hoa, tàn rồi thối, chẳng tích sự gì. Chẳng mén ruồi nào thèm ve vãn mới đắng đời. Ôi, đáng thương làm sao cho một công tử tài hoa quê kiểng... Nhưng với cánh nông dân thật thà chân chất, "vắt cổ chày ra nước" thì không thể lãng phí của trời như thế được. Cỏ còn ăn được, bông bí mà không ăn mới là lạ. Hái chúng ở bất cứ nơi nào có sẵn,

bất cứ vườn nào của ai, vô tư mang về khi còn tươi roi rói, nấu canh hay xào với chút mỡ... là ung dung sống qua ngày. Thậm chí có miếng mỡ gà bé tẻo tẹo xáo nó cũng ngon, chấm với mọi loại mắm, muối đều được tất, nghe chừng cũng sướng sướng cái miệng trong những ngày bão táp phong ba. Chúng vô dụng và nhiều đến nỗi những chủ vườn trồng nó rất hạnh phúc và tự hào khi có ai đó quan tâm tới chúng xin về.

Bông bí đục khác bông bí cái ở chỗ bông cái có bầu nồn, còn bông đục thì “nhẵn nhụi”. Ừ nhỉ, sao mà hoa trái cũng giống như người vậy, cũng đục cái, cũng chữa đề như đàn ông đàn bà, cũng cái bụng chang bang...Lạ. Khi hoa cái chưa nở thì cái bầu nồn của nó cũng cỡ đầu ngón tay trở rồi, chỉ nhìn thoáng qua là biết đích thị đục cái, không hề sai. Cứ tưởng cái bầu nồn ấy thiên nhiên cho tự xử để đậu trái, chả cần bọn bông đục vô tích sự kia làm chi thêm rối rắm. Nhưng thực ra, hoa đục và hoa cái trên cùng một cây nở hoa không cùng lúc mà hạt phấn lại chỉ có thể thụ tinh trong vài giờ, cho nên muốn bí rợ có năng suất thì người trồng bí cứ phải ngắt hoa đục, bỏ hết đài và cánh hoa đi, rồi quét nhị đục lên vòi nhụy hoa cái, thế mới rách việc. Nhưng khi quả bí xuất hiện ngày một to kềnh thì càng lúc càng thấy đã!

Thời còn măng sữa, ngày ba bữa, mỗi bữa ba đội toàn rau với củ mà vẫn khôn lớn như ai. Thời ấy bông bí rợ buồn như cỏ, chẳng giá trị gì, mặc cho bọn con nít tha hồ hái chơi đồ hàng, nhưng chúng là món ăn thân thiết với trẻ con nhà nghèo như gia đình tôi.

Luộc với nước lã có chút muối hột, chấm tương, chấm mắm, ăn với cơm gói trong lá sen là nhất. Thêm con khô nướng càng ngon nhưng phải ăn ngoài đồng với tất cả sự tao nhã của tay lấm, chân bùn mới đã. Phải nhai bồm bồm với quả ớt hiểm đến rát màng tang, đến nấc cụt mới thích. Cái cay nó cứ ù ù trong lỗ tai như tiếng máy bay. Lùng bùng, lùng bùng trong tóc, trong râu như muốn nhổ quăng đi tất cả. Lúc này có bát canh nguội, hóp một búng tổ chẳng để nghe mát thấu ruột gan mới biết cái sướng là gì.

Cái bông bí rợ ngày xưa nay chẳng hề rợ tí nào. Ôi, cái hồn quê nghìn lần mộc mạc đáng thương của tôi ơi, đã mang dáng dấp kiêu sa nơi phố xá đông người. Ngoại hoá cả tên lẫn họ, chỉ nghe thoang thoang giọng bà bán hàng nửa ta, nửa tây: “One dollar... một bó to tướng đây này... me xừ ơi...” mà hãnh diện cho cái cỏ nội, hương đồng của tôi đã xa đời quê kiểng, xa tầm tay với của cánh cuộc mưu sinh, làm thuê.

Có lẽ không ai là không nhớ cái mùi nặng nề của giọt mồ hôi quê, mùi cá bống kho tiêu của các bếp nghèo và mùi bông bí luộc. Cũng may là mình đã qua hết thời chân đất đầu trần rồi nên chuyện thưởng thức bông bí rợ bảy món, chín món bây giờ không còn là vấn đề dầu sôi lửa bỏng nữa. Cũng chẳng phải xưa ăn nhiều nay đâm ngán mà vì chúng cũng đang đắt đỏ kinh hoàng. Ngay cả người quê trồng chúng, thấy non

rười rượi, muốn xào tí tỏi, tí hành để đưa com cũng đành ém bụng để hái tiền.

Khi đã quá giàu sang người ta thường tìm về với hương đồng gió nội với những thứ như com niêu, trà cá kho tiêu hay cái ầm sành sút quai, bể trản chỉ để uống trà... lá. Một thời thượng bây giờ là thế. Quê lên đời. Còn cái thật quê thì muốn đời vẫn cứ là quê. Không thể khác. Không thể lấy râu ông nọ cắm cằm bà kia như món gái quê, gà quê, tình quê... Ngay cả đất quê bây giờ cũng đã sốt mòng mòng.

Quê ơi, hãy bình tĩnh mà sống. Bông bí rợ ơi, cứ ngọt ngào mà dâng hoa, dãi nắng dầm mưa mà tự nhiên khôn lớn. Đừng vội kích dục, tăng trọng mà thất đức. Lợi bất cập hại, quả báo nhãn tiền. Ai cũng làm thế thì ăn đất cũng không thoát khỏi độc hại. Cái mình không dám ăn đừng gắp bỏ cho người. Tội lắm quê ơi!.. Cái mình cho là độc hại thì chớ vấy vào ai... Ác lắm quê ơi!.

Xa quê đã lâu, đã nửa đời tần tảo nhưng quê vẫn ấm mãi trong lòng. Ở phố mà lòng vẫn quê, trái tim vẫn quê, hồn vía vẫn quê. Giây phút nhớ quê thèm món canh bông bí rợ thuở nào. Giờ mới thấm, mới thấy cái tuổi thơ xưa tuy nhọc nhằn, vất vả nhưng lại cao sang làm sao. ■





Nửa miền thương nhớ

LÊ HỨA HUYỀN TRẦN

Ngày lên đường theo đoàn đi du lịch thực tế phục vụ cho môn học tới tận Quảng Nam, tôi có hơi chững lại bởi đoạn đường xa ngái. Đến tận lúc ấy, tôi vẫn chỉ quanh quẩn chốn quê nhà. Suốt chặng đường dài, tôi không ngớt suy nghĩ về cách để hiểu được những từ địa phương, vì tôi biết rằng ngay cả giọng nói địa phương đối với tôi cũng sẽ là một trở ngại; và rồi làm thế nào để chủ nhà nơi tôi sẽ ở nhờ suốt quãng thời gian thực tập đó có thiện cảm với tôi, bởi lẽ tôi vẫn tự hiểu mình khá tệ về việc giao tiếp. Những băn khoăn đó gần như chiếm lĩnh toàn bộ tâm trí tôi khi chiếc xe băng qua cả đoạn đường dài suốt mấy tiếng đồng hồ.

Xe dừng lại ở mảnh đất cạnh sông Thu Bồn hừng hờ trôi ngày đêm, đang mùa nước dội. Thành thạo những đợt gió lao xao khiến mặt sông trở mình gợn lăn tăn bên những bóng dờ yên ả ngược xuôi chở người qua bến. Người dân nơi đây đón đoàn thực tế chúng tôi bằng đôi mắt tò mò lẫn có phần triu mến. Cái nhìn của bọn trẻ thơ thì rõ ràng hơn: có chút ngại ngùng, có chút muốn khám phá, lại có gì như ngạc nhiên lắm; hẳn là chúng phải ngỡ ngàng khi có một đoàn người đông đến như thế, nói giọng hoàn toàn khác, lại tới “quấy phá” cả làng quê yên ổn, và chẳng mấy chốc sẽ còn ở lại trong nhà chúng nữa. Chúng tôi nhanh chóng được chia ra thành nhóm để đến tạm trú trong các nhà dân rồi được họ ân cần đưa về nhà. Ngôi nhà tôi trú tạm chứa nhóm tôi có năm người.

Chúng tôi đi sưu tầm văn hóa dân gian vùng Quảng

Nam, mảnh đất giàu truyền thống, chứa đựng không biết bao nhiêu là kho tàng quý báu. Nơi đây đón tôi bằng cái nắng triu mến như nụ cười của những cụ bà trong làng vẫn nhai bồm bẻm những miếng trầu. Cô chủ nhà nơi tôi ở lại có cái tên rất đẹp: cô Sương. Cô trạc bốn mươi, gương mặt khắc khổ như hầu hết những người bán mặt cho đất, bán lưng cho trời mùa đỏ nắng; và đôi mắt cô, đôi mắt chứa đựng một niềm yêu thương vơi vơi, nỗi nhớ người chồng đang làm ăn ở xa và đứa con đang học đại học, thỉnh thoảng mới về nhà ít ngày trong dịp Tết.

Cô chào đón năm đứa chúng tôi bằng nụ cười hiền:

“Mấy đứa nằm chỗ đó, bếp chỗ này, ăn thì lấy chỗ kia nhen, cứ tự nhiên nhen bây!” Nói xong cô vội vã ra đồng.

Làng quê Quảng Nam yên ả, khoác lên mình một vẻ buồn thắm thắm của những cánh đồng xanh tít tắp thẳng cánh cò bay. Bởi nhịp sống miền quê bắt đầu khi hãy còn tinh sương, tôi đã tập được thói quen thức dậy từ khi gà còn chưa gáy. Tôi nhẹ nhàng ra thêm ngồi và ngắm nhìn cô Sương quét vôi mảnh sân trước nhà, cho lũ gà ăn, rồi cắm cày cuốc ra đồng. Khi chưa bắt đầu công việc của mình, tôi vẫn hay theo cô ra đồng. Cánh đồng rộng lắm, dường như không thể nào thấy điểm đến; cánh đồng này nối tiếp cánh đồng kia cứ như những mảng màu trên một bức tranh từng ô, từng ô đầy tính lập thể. Nước sông Thu Bồn chảy trực tiếp vào cánh đồng, một nguồn nước dồi dào yên ả. Ban đầu cánh đồng thưa thớt người rồi mỗi lúc một đông hơn; khi gà gáy những tiếng đầu tiên, người dân đã ra đồng gần



hết. Họ chăm chú làm công việc của mình, không để ý có một cô bé đang thơ thẩn phía xa xa nhìn những giọt mồ hôi họ rơi xuống. Rồi tôi quay về với công việc của mình, đi cùng nhóm tìm những cụ già hỏi về những câu ca dao, những bài hò chèo mà ghi chép lại.

Miền quê này còn rất ít thanh niên trai tráng, cư dân hầu hết là những cụ già, hoặc những người phụ nữ trung niên như cô Sương. Có lẽ những người còn sung sức đã bôn ba đi tìm kế sinh nhai nơi xa xôi nào đó. Vậy mà người dân ở đây rất tận tình với chúng tôi; nhiều người sẵn sàng hát những điệu hò khoan cho chúng tôi ghi âm lại, có người lại dành thời gian đọc cho chúng tôi chép nữa. Một bác là tổ trưởng, đạp xe từ đầu xóm tới cuối xóm tìm mượn cho chúng tôi được quyền ghi sẵn những bài lục bát dân gian để chúng tôi chép lại... Hầu như mọi người đều dành cho chúng tôi những ưu đãi; như người chủ nhà vui vì có khách đến, vui vì những người khách này trân trọng văn hóa quê hương mình và cả vui vì chốn làng quê yên ả bỗng nhiên tít tít tiếng cười tiếng nói và sự tò mò của những người khách lạ.

Cô Sương làm đồng về thì trời đã quá trưa. Thấy chúng tôi vẫn đương ngồi bên bàn ăn, cô rầy:

“Chừ tụi bây làm cái gì? Sao chưa ăn?”

“Tụi con đợi cô ăn chung cô ơ!”

“Không đợi chi hết, lần sau ăn trước đi nghe chưa?”

Chúng tôi chỉ cười cười nhưng đột nhiên hôm sau cô về sớm hơn mọi bữa. Có lẽ cô biết lũ chúng tôi vẫn sẽ đợi cô về ăn.

Lại có bận nhà hết gạo, chúng tôi chia nhau đi chợ, đi mua cả đồ ăn. Về tới nhà thấy vậy, cô giận chúng tôi ra mặt:

“Cô giận tụi bây rồi đấy!”

“Ừa? Sao cô lại giận?”

“Hết gạo thì nói cô mua, cô đi làm, có để ý gì tới gạo đâu? Tụi bây có bao nhiêu tiền đâu mà mua, hi?”

Tự nhiên chúng tôi cười xòa mà ai cũng rung rung nước mắt vì tấm chân tình của người dân quê nghèo xứ Quảng.

Chúng tôi tới đây đương mùa lễ hội sông, cô quyết định nghỉ một ngày dẫn chúng tôi qua bên kia sông xem lễ hội sông Thu Bồn đương mùa nước nổi. Cái cảm giác bỗng bênh trên ghe thú vị lắm. Chúng tôi tạt nước qua lại làm ướt cả áo cô nhưng cô cười xòa rồi chỉ trách nhẹ. Lễ hội đông nghịt người, họ dựng những cái trại trang hoàng rất đẹp, có cả hàng quán. Chúng tôi chọn mua bòn bon là loại trái cây đặc sản vùng này, loại trái cây chua ngọt chấm muối ăn thì thật là thích. Nhưng quang cảnh cuộc đua ghe mới thực sôi động. Những chiếc ghe lao nhanh trên mặt nước trong tiếng hò reo của người dân, và dù ghe nào thắng thì cũng nhận được sự hò reo khích lệ của mọi người.

Mùa lễ hội xe cộ đông nghịt, tôi vô ý để một chiếc xe cán qua chân, rách toạc cả da. Đám bạn cùng nhà xuýt xoa, còn cô thì gần như thức trắng. Có lúc quên cả cơn đau, tôi chìm trong cơn mê vì mệt mỏi, bất giác thấy một bóng dáng cao gầy đi vào phòng, nâng chân tôi lên, xoa chút dầu thơm thơm, lấy đèn pin soi chân tôi, rồi lại sờ tay lên trán tôi xem tôi có bị sốt không. Sáng hôm sau, mấy cô nhà kế bên đem qua cho tôi những cái lá gì đó nhai bã ra rồi đắp vào vết thương. Tình cảm của họ làm tôi xúc động. Tôi nhớ lại khi chúng tôi mệt lả sau chuyến đi dài, ủy ban xã là nơi chúng tôi dừng chân đầu tiên, đứa nào cũng muốn lăn ra ngủ, các anh bộ đội đã nhường chỗ của họ cho chúng tôi ngủ lưng...

Ngày chúng tôi về sau cả tháng trời gần gũi nhớ thương, hầu hết người dân đi tiễn. Tôi ngoái nhìn tìm cô Sương nhưng không thấy. Bên thành xe, có tiếng í ới hứa sẽ quay lại vào một ngày nào đó không xa của đứa này, lại có tiếng dặn dò của bà con với đứa kia, thấy cả bác tổ trưởng dúi vào tay một đứa lớp tôi cả tập sách dày cộm... Xe lăn bánh, mới ngồi yên vị tôi đã nghe tiếng cô Sương, cô chạy với theo rồi dúi qua khung cửa xe một bọc lớn màu đen thở hào hển: “Gớm, phải đợi đồ sớm, không tiễn lũ bay được rồi!”... khi mở ra tôi thấy cả ký bòn bon còn tươi rói...

Tôi tự cho phép mình chia trái tim ra làm hai miền để nhớ thương. Một miền là mảnh đất nơi tôi sinh ra và lớn lên, cho tôi uống nguồn sữa non trưởng thành, và mảnh đất còn lại là nơi đã cho dành cho tôi biết bao tình cảm mến thương, khiến lúc nào tôi cũng nhớ về với sự bồi hồi. Một mảnh đất là quê tôi, nửa miền nhớ thương còn lại là chốn thiêng Quảng Nam yêu dấu. ■

Ngôi sao biển

NGUYỄN DŨNG

Em gặp anh giữa biển đảo quê hương
Chiều gió lộng bóng hoàng hôn hôn sóng
Nụ cười anh rạng chân mây sao biển
Giữa đất trời anh dõi lặng nhìn khơi

Đôi mắt anh ngôi sao giữ biên cương
Rực sáng lên giữa đất trời giông tố
Rặng san hô ôm bờ dài thương nhớ
Lũ còng vui hạnh phúc đón thủy triều

Em gặp anh người chiến sĩ thương yêu
Tình yêu biển lung linh ngôi sao nhỏ
Mỗi con sóng hàng ngàn lời tình ngỏ
Yêu thật nhiều như yêu biển quê hương

Giữa muôn ngàn ngôi sao biển mệnh mông
Anh rực sáng trên đảo cùng năm tháng
Đêm trăng thanh lung linh tình con sóng
Em là bờ xin gửi trọn yêu thương.

Thương về miền biển khát

LÝ THỊ MINH CHÂU

Tạm biệt tuổi hồng thom ngát mùi xuân
Sông về biển vỗ yên bờ bãi
Thuận ý thuận lòng đá thành “Trống Mái”
Vội phương chồng mơn mõi núi “Vọng Phu”

Xuyên màn đêm khản tiếng ốc u *
Tổ quốc gọi căng buồm nhanh vượt sóng
Rất bỏng nắng trưa, buốt khuya sương động
Nắm tay kết đoàn xoay chuyển cuộc gian nan

Cờ Tổ quốc sáng trưng trên đỉnh nhà giàn
Cột mốc đỏ dựng xây bằng máu
Hòa bình nở hoa qua chiến đấu
Vết thương chưa lành vì biển đảo chưa yên

Hoàng Sa, Trường Sa núp ruột Rồng Tiên
Gót xâm lược làm đau đất mẹ
Mộ gió sơ sài chạnh lòng nhân thế
Ký ức buồn loang tím triệu trái tim

Tạm biệt tuổi hồng thom ngát mùi xuân
Về với đảo mở trang xanh đời lính
Chắc tay súng cho thanh bình minh định
Lính khát hòa bình như con khát sữa mẹ ơi.

Cảm xúc ban mai

NGUYỄN QUỲNH THI

Bình minh mở cửa sang ngày
Ban mai dang rộng vòng tay ân tình
Giọt sương tròn mắt lung linh
Nhìn ai hay tự soi mình trên cây?
Ban mai ngực gió căng đầy
Lòng ngân nốt nhạc từ dây đàn trời
Bất ngờ một tứ thơ vui
Nở bung búp nắng rạng ngời thành hoa.

Có anh biển hóa đất liền

PHAN THÀNH MINH

Năm tháng dài cũng không nói hết tình cảm với Trường Sa
Ngày lại gần bởi những chuyến hải hành ngang dọc
Mỗi lần anh xa
Nhiều đêm em khóc
Thương đất nước hơn thương mình nên quyết tử cho
Tổ quốc quyết sinh

Đối diện với chiến tranh là những con tàu hoà bình
Việt Nam ơi... bất khuất kiên cường nhưng nhân ái
Từ vạn cổ bạo tàn không bao giờ tồn tại
Đất nước này hòn sỏi cũng nên khôn

Biển có anh biển có tâm hồn
Vỗ theo sóng nhịp tim giống nòi ta đó
Gửi đến anh nghìn muôn nỗi nhớ
Hậu phương một lòng chung thủy đắm đang

Máu đỏ xương phơi nên biển bạc rừng vàng
Cha đã chết trên tàu ngư bị giặc thù đâm nát
Máu nhuộm thấm thêm lá cờ Tổ quốc
Đau thương này đánh thức cả năm châu

Bốn nghìn năm rồi giặc Bắc có thắng nổi ta đâu
Vạn nghìn năm sau ta vẫn là dòng giống Rồng Tiên bất khuất
Một tấc đất cũng chẳng bao giờ để mất
Hoàng Sa ơi... núp ruột mẹ sẽ liền

Biển đảo có anh biển đảo hóa đất liền
Em muốn là cánh hải âu suốt đời yêu biển
Hóa cây súng cùng anh chinh chiến
Hóa đất lành thơm hạt cho đời sau

Chẳng ngôn từ nào nói thay được cho tình yêu đâu
Chẳng phải xa anh thì em vẫn nhớ
Biển trong em mãi là muôn thuở
Có anh biển hóa đất liền

Cõi bông phiêu

TRƯỜNG KHÁNH

Người đi từ cõi bông phiêu,
Cơ hồ bóng xiêu chiều xuống,
Núi rừng ru hời tiếng vượn,
U hoài chạy trốn hoang liêu.

Hồn rêu gót giày phiêu bạt,
Chiều nghe ai hát cuối trời,
Mưa nguồn nước xuôi vơi vơi,
Trôi về biển lớn đầy vơi.

Nơi nao có người tình - say,
Cộng ly hết ngày đoạn tháng,
Buồn vui thấm tình bè bạn,
Tự tình trút xuống miên man...

Âm tung bông phiêu gãy đổ,
Hết rồi giông tố, cuồng si,
Tìm trong nhân gian tri kỷ!!
Ai đứng - ai ngồi - ai đi?!

Trùng khơi thiên di khoan nhặt,
Đau làn gió cắt buốt xương,
Buồn lên vô biên vô lượng,
Xin về đón khúc yêu thương!

Mưa nguồn nước xuôi biển lớn,
Âm tung sóng gợn cuối trời,
Hương về phương Đông đón đợi,
Bình minh chờ tháng ngày trôi!!

Những dòng tin nhắn

NGUYỄN TUẤT

Những khi mưa nắng thất thường
Đâu dòng tin nhắn yêu thương nhay về?
Thời gian hằn những đau mê
Tóc mây đã trắng lời thề hoa sim!

Thơ ca bấy nổi ba chìm
Trách gì nhau cũng nhói tim suốt mùa
Thời gian lặng lẽ đẩy đưa
Em quay lưng tuổi cũng vừa chớm đông!

Chỉ còn ta với mệnh mông
Tiễn đưa tin nhắn về trong sương mù
Ngày sau trái giữa mùa thu
Xếp từng câu chữ phù hư... tặng người!

Trầm tư với biển

TK VY TIỂU

Biển sáng hồng mặt nước,
Sóng lẫn tăn vỗ bờ,
Dã tràng xây mắt - được,
Giữa trời nước bơ vơ.

Hải âu chờ sóng lặng,
Chao cánh lướt tầng cao,
Chắt chiu từng giọt nắng,
Thấp sáng cả ngàn sao.

Gió phương nào ru biển?!
Làm ngập mặn trùng khơi?
Buồm căng tròn hóa hiện,
Khúc ru sóng một đời.

Mây trôi mùa biển cạn,
Đọt sóng ngầm xô nghiêng,
Cuốn trôi đời hữu hạn,
Với hồn giạt chút riêng.

Trầm tư gọi biển khơi,
Rong rêu thoáng qua rồi,
Vọng lời ru vỗ mạn,
Kiếp bèo dạt mây trôi.

Gửi nước trời huyễn hoặc,
Biển trầm tư lặng yên,
Dã tràng trôi phiêu bạt,
Nhớ bến bờ yên nguyền.

Im lặng mỉm cười

HOÀNG CÔNG DANH

Một năm nay, buổi sáng tôi thường dậy sớm. Dần thành quen nên chẳng cần hẹn chuông báo thức, đều đặn mỗi sáng năm giờ ba mươi tôi đã rời khỏi giường. Sau khi vệ sinh cá nhân, tôi đến ngồi ở khu vườn bên nhà và nhìn ra đường. Chờ vị sư đi qua.

Đạo hiệu của sư là gì chẳng ai biết. Sư, chỉ một chữ ấy để gọi. Không gọi sư thầy, cũng không gọi vắn tắt là thầy. Sư cũng xưng với người ta bằng sư. Không phải tôi, ta, chỉ sư. Chữ sư có tác dụng như đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất. Cũng có thể hiểu là tôi nếu nói với người đồng trang lứa, có thể hiểu là con với người lớn tuổi hơn. Chữ sư này không nhất thiết phải hiểu là thầy, trịch thượng bảo tao là thầy của mày đây, là thầy của thiên hạ đó.

Tính về tuổi đời, sư ba năm. Về tuổi đạo, hai mươi. Nhiều người nói sư còn trẻ quá. Hình như cách nhận xét như vậy không có trong đạo Phật. Con đường tìm đạo gian truân nhưng cũng bất ngờ. Có người tu trọn đời mà chưa chạm tới được đạo. Có người mới xuất gia đầu Phật đã đạt được quả lạc viên, gọi là đốn ngộ. Khi bảo vị sư còn trẻ quá tức là người ta đã căn cứ vào tuổi đời. Đánh đồng tuổi đạo với tuổi đời. Sống lâu lên lão làng. Cái này thường đúng. Tu lâu lên cõi Phật. Phản bác ngay, sai mười mươi.

Chính cái sự trẻ về tuổi đời ấy mà khi mới quay về làng, nhiều người không tin sư lắm. Xuất thân là một người con ở làng, đi tu biến biệt mười lăm năm, nay trở về và có ý ở lại một thời gian khá lâu để hoằng pháp. Sư ở trong chính căn nhà cùng với hai cụ thân sinh. Ngày trở về sư chỉ cần kê cho một chiếc giường để nghỉ ngơi. Không muốn sắm sửa thêm chi nhiều.

Buổi sáng, sư quần y phục vải nâu đỏ. Đầu để trần, chân không mang giày dép, tay ôm bình bát đi dọc con đường làng. Đầu hơi cúi xuống, bước chân nhẹ nhàng tĩnh lặng, đi như thể bàn chân chỉ bén dính vào đất. Về mặt sư thanh thoát, vô ưu. Dân hiếu kỳ chạy ra xem. Thấy lạ quá. Chưa từng gặp ở đây một chuyện tương tự. Có người biết bảo sư đi khất thực đấy, có gì muốn cúng dường thì đem ra đặt vào bình bát. Nhưng ở làng mới sáng bảnh mắt ra biết lấy gì mà cho. Buổi sáng nhà ai cũng nấu cơm ăn với muối, với nước ruốc, ăn vội còn đi làm. Chợ đồ chưa mua sắm được. Có chi mà đòi cúng

dường. Thì gạo. Và sáng ấy bình bát của sư đầy gạo. Duy nhất gạo. Làng làm nông, gạo cơm không thiếu.

Nhiều người thắc mắc đi khất thực để làm gì. Có phải đói mà đi xin ăn. Sao không ngồi tụng kinh, không đi giảng pháp cho người ta nghe. Đi khất thực có công năng gì. Tò mò hỏi. Như phần nhiều người ta người từng thắc mắc khi hay chuyện có một vị sư thực hành nhất bộ nhất bát trên con đường quốc lộ. Đi thế để làm gì, ích lợi gì cho giao thông, ích lợi gì cho Chánh pháp. Đó là công án của người tu hành. Vô ưu vô lợi. Bất khả tư nghị. Một mật pháp không thể giải thích. Ai bảo biết thì rõ ràng người đó chưa biết.

Một người thấy sư đầu đội trời chân đạp đất liền đem ra cúng dường đôi dép. Bảo mang vào kéo vấp đá toạc chân. Sư mỉm cười nhẹ gật đầu cảm ơn. May có một người khác chạy đến giặt lấy đôi dép đem vào cất, giải khó cho sư.

Dăm bữa sau đã có người cúng dường thịt heo vì biết tin sư không ăn chay. Nói cho chính xác là sư không nhất thiết phải ăn chay. Ăn mặn nhưng không sát sanh. Không hề đụng đến một chút bia rượu và thuốc lá. Điều này khác hẳn với sự biết lâu nay của người dân quê. Người ta vẫn nghĩ rằng đã đi tu là phải ăn chay ở chùa. Đằng này sư ở nhà ăn mặn. Tu cái kiểu gì lạ vậy? Có người hỏi, tôi nói tu theo phái Tiểu thừa. Người ta lại hỏi Tiểu thừa là sao. Vì sao tu theo Tiểu thừa thì được quyền ăn mặn. Tôi có biết sơ sơ nhưng tôi im lặng.

Từ ngày đó tôi bắt đầu thói quen dậy sớm để nhìn sư đi qua. Tôi ngồi sau vườn cây nhà mình. Ở đây nhìn được ra đường nhưng người ngoài đường thì khó nhìn thấy tôi. Chọn chỗ ngồi như vậy để cho cả sư và tôi được tự nhiên.

Sư thuê người về làm một hệ thống lọc nước uống. Nước tinh khiết có thể uống ngay không cần nấu. Nước lọc được Phòng kiểm định của Sở Khoa học Công nghệ về kiểm tra, lấy mẫu thử và cấp giấy phép chứng nhận đạt tiêu chuẩn. Uống được, khỏi cần nấu. Sư cấp phát cho mỗi gia đình trong làng một cái bình nhựa hai mươi lít. Cứ đưa bình đến đây mà lấy về uống. Không ngại về phẩm chất vì đã có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Người ta bảo sư làm gì có tiền mà xây hẳn một hệ thống lọc nước, rồi còn tiền điện để bơm nước. Đi tu lấy đầu ra tiền mà cho người ta dễ dàng như thế. Chắc

có ý chi đây. Người ta tò mò, thắc mắc, hỏi nhau. Có người biết, trả lời đây là tiền sư vận động được ở các nhà hảo tâm trong nước và cả nước ngoài, đem về để giúp dân làng cải thiện đời sống.

Nhiều lời khen sư. Còn trẻ mà giỏi quá. Xuất gia rồi mà quay về đóng góp cho quê hương, tốt quá. Đi tu mà rất đời. Trời, để họ nghĩ đi tu là bỏ hết chuyện đời chắc. Có người tỏ ra nghi ngại. Rằng đằng sau việc làm này liệu có động cơ chính trị nào không. Có dấu hiệu mua chuộc không. Liệu có phải là quảng bá, phô trương quá không. Nghe đồn còn có cả công an mật về tìm hiểu và theo dõi việc làm của sư nữa. Thời đại người ta được của thì muốn làm giàu, giàu rồi muốn giàu thêm, ai cũng nghĩ đến việc tích lũy của cải. Đằng này có tiền lại đem đi cho một cách rất dễ dàng như thế.

Nói thì nói, nghi ngại thì có nghi ngại, nhưng tất cả các nhà đều đến lấy nước về uống cho tiện. Đỡ mất công nấu mà lại bảo đảm an toàn. Ở quê hầu hết đều dùng nước giếng, mức lên đun sôi bằng củi hoặc rơm. Nước uống đã nấu sôi rồi đấy nhưng uống vẫn có mùi phèn, pha nước chè không xanh, không ngọt. Rồi nước tự đun còn hôi mùi khói. Từ khi uống nước lấy từ hệ thống lọc của sư thấy khác. Ngọt và an toàn.

Có người hỏi tôi sao sư lại cho nước mà không cho tiền. Câu hỏi này rất dễ. Có thể trả lời theo kiểu cho cần câu chứ không cho cá. Đại loại thế. Nhưng từ khi nhìn sư đi khát thực tôi đã không dễ dàng trả lời như trước. Tôi im lặng.

Sư lại cho bắt hệ thống đèn chiếu sáng ở tất cả các con đường trong làng. Cứ cách chừng trăm mét lại chôn trụ, bắt một cái bóng. Tất cả ba mươi lăm bóng. Sáng hẳn đường làng ngõ xóm. Đèn bật từ sáu giờ chiều cho đến sáu giờ sáng hôm sau. Từ nay trẻ con hết sợ ma. Người làng có thể đi đêm mà không cần đèn pin. Không phải lo mất trộm, nhất là nạn trộm chó đang xảy ra khắp nơi trong cả nước. Làng được đánh giá là khu dân cư văn minh và an toàn nhất xã.

Sư vẫn đi khát thực mỗi buổi sáng. Chỉ đi quanh làng thôi. Hôm nay xóm trên, mai xóm dưới, ngày kia xóm giữa. Người làng vẫn cho gạo, cho mì tôm, cho thịt. Dần dần hình ảnh nhà sư quần vải đầu đội trời chân đạp đất trở nên quen thuộc. Nhưng vẫn có người thắc mắc sao sư nhiều tiền thế mà còn đi xin ăn. Tôi biết nhưng tôi không trả lời, cứ im lặng.

Cách đây một tháng sư làm thêm chế độ ăn sáng cho trẻ em và người già. Sư mượn mấy phụ nữ quanh xóm làm bếp. Buổi tối sơ chế, sáng dậy sớm nấu cháo. Cà-rốt khoai tây xắt nhỏ. Tôm và thịt bò băm nhuyễn. Xương heo hầm lấy nước dùng cho ngọt. Không bỏ bột nêm và mì chín. Mỗi gia đình trong làng sẽ được phát phiếu ghi số lượng trẻ em dưới mười lăm tuổi và người già trên sáu mươi. Buổi sáng trẻ em và người già cầm phiếu đến tại nhà sư để ăn cháo. Ai không đi được thì có thể nhờ người thân xách cà-mèn đến nhận về.



Cháo của sư ngon, đảm bảo dinh dưỡng. Con nít trong làng buổi sáng gọi nhau đi ăn cháo. Có đứa xách theo cà-mèn để đem cháo về cho ông bà.

Tiếng lành đồn xa. Việc sư làm thật xưa nay chưa hề có ở đây. Quá nhiều ân sủng cho quê hương. Cho nước uống, cho điện đường, cho ăn cháo sáng. Phúc đức quá, tu thế mới là tu. Có người nhận xét. Lại có người bảo dễ thôi, xin tiền của người ta về cho ấy mà.

Sư chẳng lao động, chẳng bán buôn, chỉ mỗi việc đi xin tiền của nhà giàu về rồi phân phát lại thôi chứ có khó gì.

Nhiều việc đã làm được, có nhiều lời khen chê tò mò thắc mắc khác nhau, nhưng sư vẫn đi khát thực hằng ngày. Lần đi qua xóm tôi, một thằng cu lên năm chạy ra hỏi. Sư ơi, chúng nó ăn hết cháo chưa sư. Sư mỉm cười không nói. Lại có đứa trẻ con nghịch ngợm chạy ra ngửa tay. Sư cho con mấy ngàn đi mua kẹo. Sư mỉm cười không nói, tiếp tục đi khát thực.

Có người khó khăn xây nhà được sư cho mấy bộ cửa. Cho hẳn cửa chứ không quy ra tiền để cho. Sư tổ chức phát sách vở cho các em học sinh trong làng. Phát bánh trung thu cho thiếu nhi nhân rằm tháng Tám. Các cháu mời sư hát một bài. Sư không hát. Im lặng mỉm cười.

Có cậu thanh niên nửa đêm vào nhà sư. Mặt mày đỏ kè bảo sư cho con ít tiền chuộc xe, con đi đánh bạc cầm xe thua sạch rồi, ngày mai không có xe đi làm. Sư im lặng. Không mỉm cười. Cậu thanh niên không xin được tiền đâm đá vào cửa một hồi rồi bỏ đi.

Sáng hôm sau sư vẫn đi khát thực. Tôi ngồi sau vườn cây ngắm sư như một thói quen buổi sáng. Tôi quan sát bước chân và vẻ mặt, từ bữa đầu cho đến nay vẫn không có gì khác. Rất lặng lẽ và bình thản.

Việc gần đây nhất là sư cho tu sửa lại ngôi nhà của mình. Xây thêm một phòng lớn ở bên vườn. Kích thước tám nhân mười mét. Kiến trúc bên ngoài thấp thoáng kiểu chùa Miến Điện. Có các hoa văn cánh sen lớn dát

màu vàng. Bên trong đặt tượng Đức Phật Thích-ca lớn. Lạ quá. Sư đang xây một ngôi chùa chẳng? Vì chỉ những ngôi chùa mới thờ tượng Phật Thích-ca, nhà dân không thể. Đạo Phật du nhập vào nước ta, gặp gỡ và hòa quyện với văn hóa dân tộc nên có nét đặc trưng, khác với thế giới. Văn hóa Việt có đạo thờ mẫu, nên các gia đình theo đạo Phật thường thờ tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, nhiều nơi gọi là Phật Bà Quan Âm.

Nhưng nếu sư xây thêm một ngôi chùa cũng không được, vì làng đã có ngôi chùa làng lâu đời. Bà con Phật tử đều đến lễ Phật ở chùa làng hằng đêm. Xây thêm một ngôi chùa chắc Giáo hội và chính quyền khó mà đồng thuận cho. Có người gọi cái nhà của sư là ngôi chùa. Cũng được, vì có thờ tượng Đức Thích-ca, có một vị sư. Người khác lại không chịu, bảo đấy chỉ là một cái nhà có thờ Phật, thế thôi.

Hằng đêm sư đánh lễ Phật trong ngôi nhà ấy. Cũng có vài người đến chấp tay đứng sau lưng sư. Dăm bảy người bỏ luôn việc đi chùa làng để đến tụng kinh tại nhà sư. Nghi nghi chắc đi theo sư sẽ được tu theo kiểu ăn mặn mà lại dễ có tiền... như sư.

Chuyện xây nhà hay là chùa của sư khiến người ta bàn tán nhiều hơn cả. Dường như họ không còn quan tâm đến chuyện nước uống, điện đường, cháo ăn sáng. Coi như đấy là sự đã rồi. Việc cái nhà của sư bỗng dưng mang kiến trúc chùa và nhiều người theo sư tụng kinh buổi tối mới là vấn đề nóng hổi. Dân bàn nhiều, cãi nhau nhiều, cốt là để chứng tỏ mình nói đúng.

Có người tình cờ gặp tôi và hỏi. Này, mày có đọc sách, có am hiểu Phật pháp, nghe nói gần đây có in cuốn sách gì đó liên quan đến chùa chiền. Cho hỏi chút, đấy là nhà hay chùa. Tôi nghe quá nhiều câu hỏi liên quan đến việc của sư mà mấy lần trước đều im lặng, lần này thì nổi tự ái và bức bối. Tôi đáp: Đi mà hỏi sư. Sao ai cũng dăm dúi thắc mắc, đi hỏi nhau mà không hỏi sư cho rõ. Đi mà hỏi sư. Mách nước cho người ta như thế nhưng tôi nghĩ chắc là người ta không dám hỏi đâu. Và nếu hỏi chắc gì sư trả lời.

Sáng nay sư vẫn đi khát thực, chẳng có gì thay đổi trên khuôn mặt. Tôi vẫn ngồi sau vườn nhà nhìn sư, cố tìm một biểu hiện nào đó thật khác nhưng tịnh không thấy. Tôi chợt nhớ chuyện *Niêm hoa vi tiếu* được kể lại trong các sách nhà Phật. Chuyện rằng:

Ngày xưa, trong một lần hội đàm kinh trên núi Linh Sơn. Đức Phật cùng Thánh chúng đã ngồi yên rất lâu. Ai cũng đợi để Đức Bổn sư thuyết giáo. Bỗng. Phật đưa lên một cành hoa. Toàn thể Tăng chúng ngơ ngác không hiểu gì, nhiều vị quay sang bên cạnh. Thì thảo, trầm trồ hỏi ý nhau. Riêng ngài Ca-diếp là im lặng mỉm cười. Phật cho rằng chỉ ngài Ca-diếp hiểu kinh. Đến đó Phật đã thuyết kinh xong. Không cần bất cứ lời nói nào cả. Sách có lời bàn rằng hành động của Đức Phật chính là Ngài đang đưa cái tâm lên cho Tăng chúng thấy. Nhưng đa phần chỉ nhìn thấy hoa mà không thấy tâm. ■



Tháng Ba hoa ãng ñoi

BÙI SỸ CĂN

Tháng Ba, những đợt mưa xuân nhẹ nhàng tựa sương giăng. Và như có phép lạ, muôn loài cây cỏ chỉ chờ có vậy để bùng lên một sắc xanh, bắt đầu cho chu kỳ sinh sôi; xen vào đó là những ngày nắng hoe vàng hay còn gọi là nắng non òa vỡ trên khắp làng quê. Mùa này ít có những cơn gió lạnh tràn về mà những làn gió đông hây hây vẫn tràn lan khắp cánh đồng. Mùa này những cành cây khẳng khiu đã đâm chồi nảy lộc li ti. Hoa chanh, hoa lộc vùng bùng nổ sau một giấc ngủ dài.

Tháng Ba không phải là mùa để người ta nghĩ đến những loài hoa sang trọng như đồng tiền, lay-ơn, thược dược, cẩm chướng hay lan, huệ đua nhau khoe sắc, mà là lúc để nhớ về những bông hoa đồng nội.

Cây gạo đầu làng tôi từ bao đời quanh năm vẫn đứng trầm ngâm thì nay đã bật lên những bông hoa đỏ, cháy rực một khoảng trời thấp sáng một vùng quê. Trên con đường làng lá tre rắc rải lối đi. Mẹ tôi bảo “Tre thay lá thì đơm đóm bay ra”. Quả thật, mới chập tối mà từ những bụi tre, ao bèo đã lập loè những đốm lân tinh.

Ngoài đồng, trên những chân ruộng màu, vùng đã trải thảm xanh. Ở những ruộng tra đỏ, màu đất nâu bịn rịn bên những hàng đỗ non giăng hàng vừa trở hai lá mầm, thỏa thích được nắng sớm ve vuốt.

Cây bưởi trong vườn đã thay lá để xuất hiện những lộc non mỡ màng; từ nơi đầu cành nách lá, những chùm hoa bưởi xòe năm cánh trắng, hương thơm ngào ngát theo gió ngan ngát khắp làng. Cây chanh trầm lặng cũng đơm những bông hoa tím nhỏ nhoi. Ven đường hay dưới chân đê, trên những sườn đồi thoải thoải, những cây xoan nở hoa tím ngát, những cánh hoa li ti rơi đầy lối ngõ, khi cơn gió thổi qua có mùi hăng hắc...

Mùa này trên những quả đồi tròn, những cây nhãn, cây vải chỉ chít hoa, những bông hoa nhỏ bé màu vàng sáng đung đưa theo gió tháng Ba, cơn gió của “mùa con

ong đi hút mật...”; hòa trong làn gió nhẹ là tiếng vo ve của bầy ong. Dưới mỗi gốc nhãn gốc vải, người ta lại đặt một ổ ong, tiện lợi cả đôi đường.

Tháng Ba lúa đương thì con gái trên cánh đồng quê màu xanh no ấm trải tới chân trời. Lúa đang độ đơm hoa, những bông hoa lúa trắng phớt, hương thơm ngan ngát ngập đồng.

Những loại hoa đồng nội dịu dàng, bình dị đã đi vào ký ức của bao đứa con xa. Chính những loại hoa đó đã gợi nhớ da diết làng quê nghèo nơi tôi đã sinh ra; nơi lũ trẻ chăn trâu thả diều trên gò, đá bóng dưới bãi sông, mò tôm trong các vũng, đào ế, bắt cào cào, hay nhặt những bông hoa gạo đỏ xâu thành chuỗi đeo vào cổ làm tràng.

Tháng Ba, mùa của hội làng. Trong tiết trời se lạnh, cả làng quê chìm trong màu tím phớt hăng hắc hoa xoan, ngan ngát hương hoa bưởi, thanh niên nam nữ và cả người già trẻ em đều náo nức đi hội. Trong tâm hồn mỗi người lại thức dậy những vần thơ trong bài *Mưa xuân* của Nguyễn Bính:

*“Bữa ấy mưa xuân phơi phới bay
Hoa xoan lớp lớp rụng rơi đầy
Hội chèo làng Đặng đi qua ngõ
Mẹ bảo thôn Đoài diễn tối nay”.*

Tháng Ba, cả làng quê đua nhau vào hội. Nếu không có những lễ hội như thế thì thiếu đi mùa xuân, thiếu đi chút lãng mạn của thời gian, thiếu đi tình nồng ấm con người; giống như mùa xuân không thể thiếu mưa xuân. Những đứa con xa tìm đâu màu đỏ cực khát khao của cây gạo đầu làng, tìm đâu được hàng xoan tím lịm để mùa xuân nào không về được cũng nhớ mong khắc khoải.

Mỗi độ tháng Ba về, trước cảnh sắc thiên nhiên, trước những gam màu rung rinh của hoa đồng nội giữa mưa xuân phơi phới bay, cuộc đời con người còn nhiều thứ để yêu. ■

Song Trung miếu & Bình Định

TÔN THẤT THỌ

Trước năm 1946, ở huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định có ngôi miếu thờ được gọi là Song Trung miếu, còn có tên là Chiêu Trung từ. Miếu được lập từ năm 1802 để thờ hai vị trung thần của nhà Nguyễn là Hậu quân Võ Tánh (? - 1801) quê Gia Định và Lễ bộ Tham tri Ngô Tùng Châu (? - 1801) quê huyện Phù Cát, Bình Định.

Trên website báo Bình Định, mục Võ nhân Bình Định thời Nguyễn Gia Miêu, có viết về cái chết của Võ Tánh như sau:

“Võ Tánh sai chất củi khô nơi lầu bát giác và rải thuốc súng chung quanh lầu. Nghe tin Võ công sắp tuấn tiết, người ái thiếp và vị lão bộc xin được chết theo. Công không cho. Hai người đợi công lên lầu rồi lấy dây tự trói mình vào cột lầu chung với củi.

Công thay áo mào ung dung bước lên lầu, hướng về Bắc lay rồi truyền châm hỏa. Quân lính không nỡ ra tay. Công đòi hút thuốc, một điếu thuốc ngon dâng lên. Công hít một hơi dài rồi quăng điếu thuốc xuống, lửa bùng lên, cháy lan cả trong lẫn ngoài. Lầu bát giác bỗng chốc hóa thành một khối lửa cháy hùng hực. Tiếng khóc vang thành. Quân binh Nguyễn Thận hay tin hối hả chạy về, cảm kích nhảy vào lửa theo chủ tướng.

Rồi cửa thành mở, quân Trần Quang Diệu đội ngũ chỉnh tề, lặng lẽ kéo vào. Tướng sĩ trong thành bỏ khí giới, đội nào đứng theo đội nấy, không sợ hãi, cũng không vênh vang. Trần Quang Diệu ban lời khuyến dụ, rồi cho thu hài cốt hai vị trung thần nhà Nguyễn chôn cất theo lễ. Viên Quản binh, người lão bộc và người ái thiếp của Võ công cũng được an táng trong thành bên cạnh mộ Ngô Tùng Châu và Võ Tánh.

Quang cảnh thành Bình Định lúc bấy giờ vừa bi vừa hùng. Đó là ngày 27 tháng 5 năm Tân Dậu (1801)”.

Về ngôi miếu Song Trung, sách Đại Nam nhất thống chí chép: “Đền Chiêu Trung ở thôn Nam An, phía Bắc huyện Tuy Viễn. Đầu đời trung hưng, Võ Tánh và Ngô Tùng Châu chịu lưu tán thành Bình Định, tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng đem hết đồ đảng đến vây thành; hơn một năm, hai ông bám thành cố giữ. Sau đó bí mật dâng sớ khuyên vua đánh lấy Phú Xuân. Vua y theo. Bấy giờ trong thành hết lương. Ngô Tùng Châu uống thuốc độc chết. Võ Tánh tự thiêu ở lầu bát giác. Sau khi lấy lại Phú Xuân, đem quân quay vào cứu Bình Định

thì hai ông đã tử tiết rồi, liền dựng đền thờ trước lầu bát giác gọi là Bát Giác Lâu Từ. Năm Tự Đức thứ 4 (1850) đổi tên hiện nay. Phía sau đền có mộ Võ Tánh và mộ người Đội trưởng chết theo” (ĐNNTC, t3, sdd, tr.45).

Sách Đại Nam liệt truyện ghi lại: “Năm Gia Long thứ 1 (1802)... vua sai cai bạ là Đinh Công Khiêm, cai đội là Tôn Thất Bình mang áo mũ gấm lụa đến quân thứ Thị Nại thu lượm hài cốt Võ Tánh đưa về chôn ở Gia Định. Lại dựng đền ở trước lầu bát giác để thờ. Năm Tự Đức thứ 4 (1850) đổi tên là đền Chiêu Trung” (ĐNLT, t2, sdd, tr.111).

Mặc dù sử sách chép như thế, nhưng theo cụ Vương Hồng Sển viết trong Sài Gòn năm xưa thì ngôi mộ ở Gia Định của Võ Tánh chỉ chôn hình nhân bằng sáp, vì người tự thiêu trên giàn hỏa, không còn thân thi. Từ trước đến nay chưa thấy tài liệu nào ghi chép cụ thể về việc này.

Về miếu thờ ở Bình Định, theo tác giả Đặng Quý Định viết trong cuốn Song Trung miếu và thơ xướng họa thì vào năm 1938, sĩ phu Bình Định đã quyên góp tiền của để trùng tu miếu, đến năm 1946 phải dỡ bỏ vì nằm trong kế hoạch “tiêu thổ kháng chiến”. Di tích còn lại chỉ là cái nền gạch rộng lớn ở sau tam quan và trước lầu bát giác. Hiện phía sau lầu bát giác vẫn còn mộ Võ Tánh và mộ viên cai đội chết theo.

Từ khi miếu không còn, dân địa phương đưa thần vị của họ Võ và họ Ngô vào thờ tại lầu bát giác. Đây chỉ là nhà che bia thấp và nhỏ, tám mặt đều để trống, bốn mặt có lồng bốn chữ “TRUNG” rất lớn. Người ta dùng tre che lại mặt sau để làm chỗ dựa cho bàn thờ. Trước bàn thờ chỉ đủ cho một người đứng cúng. Năm 1969 chế độ cũ có cho sửa sang lại tam quan, vòng thành, lầu bát giác, mộ Hậu quân. Năm 2004, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định đã tu bổ tam quan và có phục chế bốn câu liễn tại đây.

Cũng cần nói thêm, thành Đồ Bàn xưa, cũng như sau này là Quy Nhơn thành, Hoàng Đế thành, và Bình Định thành vốn là bốn tên của một tòa thành. Tòa thành này được người Chăm xây dựng năm 1000, được vua Thái Đức nhà Tây Sơn gia cố và mở rộng mặt Đông vào năm 1778; sau đó, năm 1808 thì bị triệt bỏ dưới thời Gia Long. Tồn tại hơn 800 năm, tòa thành này từng là quốc đô của Champa, là phủ trị thời chúa Nguyễn, là quốc đô nhà Tây Sơn dưới đời vua Thái Đức Nguyễn Nhạc; đây cũng

là dinh trị, trấn trị đầu đời Gia Long và là nơi tranh chấp giữa Nguyễn Ánh với nhà Tây Sơn mà sự kiện cuối cùng là Võ Tánh và Ngô Tùng Châu thủ thành tử tiết.

Theo tác giả Nguyễn Văn Hiến viết trong *Đồ Bàn thành ký* thì trước khi lên ngôi tại Đồ Bàn, vua Thái Đức nhà Tây Sơn đã cho xây dựng tại đây khá nhiều cung điện, trong số có hai sở là nơi Võ Tánh tự thiêu và là nơi chôn cất cũng như thờ tự hai ông Ngô - Võ sau này.

Lịch sử đất nước cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX đã có những giai đoạn bi thương, thế nhưng việc chính quyền địa phương cũng như qua ý kiến của các nhà nghiên cứu trong *Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam* đã đồng ý để tồn tại đồng thời hai di tích – thành Hoàng đế và lầu bát giác – là một việc làm rất nhân bản, thể hiện bản chất trọng nghĩa, trọng tình, ca ngợi chí khí và lòng trung. Đó là thái độ ứng xử văn hóa cao nhất đối với người xưa.

Trước cái chết của Võ Tánh - Ngô Tùng Châu từ xưa đến nay, mỗi người ở mỗi thời tùy khả năng và cương vị của mình mà biểu lộ lòng tri ân hay ngưỡng mộ. Về phía triều đình nhà Nguyễn, vua Gia Long và Minh Mạng đã nhiều lần rộng ban ân điển để đáp nghĩa tòng trung. Về phía dân chúng thì như đã nói ở trên, họ đã từng chung công góp của trùng tu miếu mộ, hoặc làm lễ kỷ niệm hằng năm qua hình thức giỗ chạp.

Về phía sĩ phu, qua văn thơ, họ đã viết đủ các thể loại văn vần, văn xuôi để biểu lộ tấm lòng ngưỡng mộ:

*"Nghe anh lâu thông kinh sử
Em xin hỏi thử đất Nam Trung
Hỏi ai Gia Định tam hùng?
Mà ai trọn nghĩa thủy chung với Cao Hoàng?"*

*- Ông Tánh ông Nhân cùng ông Huỳnh Đức.
Ba ông hết sức phò đức Cao Hoàng
Nổi danh Gia Định tam hùng
Trọn nghĩa thủy chung có ông Võ Tánh
Tài cao sức mạnh trọn nghĩa quyền sinh.
Bước lên lầu bát giác thiêu mình như không!"*

Theo tác giả Đặng Quý Địch, trong cuốn *Nước non Bình Định*, nhà thơ Quách Tấn có cho biết là ở Bình Định vẫn lưu truyền một câu đối, nguyên văn như sau:

*Quốc sĩ vô song song quốc sĩ
Trung thần bất nhị nhị trung thần.*

Quốc sĩ không có tới hai người, nhưng ở đây đã có hai vị quốc sĩ

Trung thần không thờ hai chúa, ở đây đã có hai bậc trung thần làm như vậy.

(STM... sđd, tr.68)

Đầu thế kỷ XIX, cử nhân Trần Đình Tân ở Tuy Phước, Bình Định có bài thơ chữ Hán tựa là *Song Trung miếu ngẫu đề*:

*"Liệt sĩ thủy cam khuất phục danh?
Nhị công nghĩa dũng tử do sanh.
Đơn tâm thẳng tự nhiên biên nguyệt,
Vạn cổ lưu quang chiếu cố thành."*



Kẻ sĩ lẽ đâu đành sống nhục?
Thà cam vì nghĩa tử mà sanh.
Lòng son hai tấm hơn vầng nguyệt,
Muôn thuở còn soi bóng cố thành.

(Đặng Quý Địch dịch)

Với trường hợp Võ Tánh, đây là vị anh hùng duy nhất không phải người Bình Định mà lại được nhân dân Bình Định đưa vào ca dao địa phương với câu:

*Ngó lên ngọn tháp Cánh Tiên
Cảm thương quan Hậu thủ thiềng ba năm!*

Cuối cùng, xin được ghi lại đây ý kiến của nhà sử học Lê Văn Lan nhận định về cái chết của hai nhân vật lịch sử này, có lẽ đây là nhận định trung thực nhất, đúng với đạo nghĩa vốn là truyền thống cao đẹp của dân tộc Việt Nam:

"Trong sách *Đại Nam thực lục chính biên*, sau đoạn ghi tỉ mỉ về chung cuộc của Võ Tánh và Ngô Tùng Châu, có đoạn chép như sau:

"Trần Quang Diệu dẫn quân vào thành, trông thấy, chảy nước mắt, lấy lễ mà chôn cất. Tướng sĩ trong thành, không giết hại ai cả".

Như vậy, những giọt nước mắt của tướng Trần Quang Diệu chính là hành vi "phán xét" đích thực của một người anh hùng thẳng thắn đối với một người anh hùng thất thế. Đó là cách rất hay để bày tỏ sự cảm thông, khâm phục đối với một gương trung nghĩa, tiết liệt" (Song Trung miếu..., sđd, tr.183). ■

Tài liệu tham khảo:

1. *Đại Nam nhất thống chí (ĐNNTC)*, tập 3, Quốc sử quán triều Nguyễn, Nxb Thuận Hóa, 1993.
2. *Đại Nam liệt truyện (ĐNLT)*, tập 2, Quốc sử quán triều Nguyễn, Nxb Thuận Hóa, 1993.
3. *Song Trung miếu và thơ xướng họa (STM)*, Đặng Quý Địch, Nxb Văn Nghệ TP.HCM, 2007.

Lời cảm ơn cuộc sống

Trong vườn nhà tôi có hai cây mít cũng đã được vài chục năm tuổi. Nghe ba tôi nói, khi ông tậu lại khu vườn này thì người chủ trước đã trồng sẵn. Cây nào cũng cao cả chục thước, thân cây thẳng nhưng lên được quá nóc nhà thì chúng chia nhánh, vỏ cây xù xì, ở gốc đã có rêu bám.

Lúc trước, cây rất sai quả. Nhưng khoảng ba năm gần đây, bỗng dưng chúng tịt ngòi, mỗi năm mỗi cây chỉ cho ra được mấy trái còi cọc, còn lại chỉ là những đài mít. Quả thật, cả hai cây mít đều có tán lá rộng, che kín một góc vườn; nhưng nói chung, chúng cũng chẳng có tác dụng che nắng vì chúng được trồng hai bên chiếc giếng cạn ở một góc vườn, nơi lâu nay chẳng mấy khi tôi ra đến đấy.

Có một người ở xưởng gỗ trong huyện đến thương lượng mua hai gốc cây ấy để lấy gỗ; tôi đã định bán nhưng vẫn còn kèo nèo về giá cả; chứ tôi đã nghĩ rằng cây mà không có trái thì chẳng có giá trị gì, cứ bán đi cho rảnh.

Bỗng hồi đầu tháng Ba, chuyện cây xanh ở thủ đô Hà Nội đã làm tôi đổi ý. Mặc dù lúc nào cũng bận rộn việc mưu sinh, nhưng tôi vẫn có thói quen đọc báo mỗi buổi sáng. Những bài viết trên các tờ báo bàn về chuyện chặt hạ cây xanh mà tôi đọc được đã cho tôi thấy rằng giá trị của cây cối không chỉ nằm ở chỗ chúng cho trái hay cho gỗ. Bên cạnh việc đem lại bóng mát và góp phần thanh lọc không khí bằng cách hút thán khí và nhả dưỡng khí vào ban ngày, cây, nhất là cây lâu năm, còn có những gắn bó với con người, còn là dấu ấn kỷ niệm.

Đúng là hồi còn nhỏ tôi đã từng được thưởng thức nhiều trái mít ngon ngọt từ hai cây mít ấy. Tôi còn nhớ những buổi má tôi mang chiếc rựa ra chặt vào thân cây để “khảo trái”, những lần ba tôi bắc chiếc thang trèo lên cây để tỉa những cành mọc vô trật tự. Nhớ nhất là một lần tôi và đứa em kế đua nhau trèo mít hái trái non bị ngã, may mà không đứa nào bị thương tật gì nhưng đều bị ba tôi quát cho một trận nên thân. Cây mít không chỉ gắn bó với tôi mà còn phảng phất hình ảnh của ba má tôi. Tôi quyết định không bán hai cây mít nữa.

Giờ đây, nhìn lại hai cây mít, tôi cảm thấy mình thanh thản. Nhờ những kiến thức được chuyển tải trong các bài viết liên quan đến vụ tranh luận về việc chặt hạ cây xanh mà tôi đã có quyết định thích hợp về số phận hai cây mít còi cọc trong vườn nhà. Xin cảm ơn các nhà khoa học đã có những bài viết nói về ích lợi của cây xanh trong dịp tháng Ba vừa qua. Tôi cũng xin cảm ơn những tờ báo đã đăng những bài viết ấy để tôi có dịp thu thái thêm kiến thức.

Nguyễn Đức Hậu, Tam Bình, Vĩnh Long



ĐC: 69/5E, đường Nhà Vua,

Mỹ Hòa 1, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

ĐT: 08.37181818 - 01.222.999.666 - 01.666.000.666

Website: thienphuthao.com Email: dkthuthao@gmail.com



THIÊN PHÚ THẢO là nơi chế tác tượng Phật đáng tin cậy!
Vì Sản Phẩm luôn được bảo hành mãi mãi...!

Bài 6: Bánh giò bột gạo lứt đỏ nhân chay

Ý NHI - CHÂN NGUYỄN



Chuẩn bị (làm 20 chiếc bánh nhỏ)

1. Bột vỏ bánh

- 2 lít nước
- bột gạo lứt đỏ: 500gr
- bột sắn dây: 100gr
- dầu mè: 50ml

2. Nhân bánh

- cà-rốt: 250gr

- củ sắn: 250gr
- mộc nhĩ khô: 20gr
- hành tím: 50gr
- hành lá: vài tép
- dầu mè: 50ml
- nước tương

3. Lá gói

Lá chuối 1kg cắt thành 40 miếng khoảng 20x20cm

4. Làm bánh

Cho tất cả bột vào nước lạnh, cho dầu mè vào khuấy tan rồi bắc lên bếp khuấy đều cho đến khi bột mịn và đặc hơi dẻo.

- Mộc nhĩ ngâm nở mềm băm nhuyễn.
- Cà-rốt và củ sắn rửa sạch thái hạt lựu.
- Lúa mạch lát khô ngâm mềm thái hạt lựu.
- Hành tím thái mỏng.

Bắc chảo nóng cho hành phi thơm rồi cho tất cả rau củ vào xào 15 phút cho chín đều. Nêm ít muối và nước tương cho vừa miệng. Nêm ít tiêu và hành lá cho thơm rồi nhấc xuống.

Lá chuối rửa sạch trụng nước sôi cho mềm để ráo lau khô.

Đặt 2 miếng lá chuối xuống mâm, múc một thìa bột lên lá. Đẽ bột bẹp xuống, múc một muống nhân cho vào giữa miếng bột. Tém bột để bột bọc kín nhân. Gấp 2 mép lá lại ép chặt xuống bột rồi bẻ cạnh 2 bên gấp xuống mặt đáy. Dùng lạt chuối cột bánh để định vị.

Gói bánh xong cho bánh vào xúng hấp 20 phút. Bánh hấp xong để nguội cho vào ngăn mát tủ lạnh có thể để 1 tuần. Bánh giò gạo lứt có thể dùng ăn điểm tâm hay ăn xế. Trẻ em và người lớn đều có thể ăn rất tốt. Bánh giò chay gạo lứt vừa tốt cho sức khỏe, lành mạnh và sạch sẽ lại rất tiện lợi dễ làm. Nguyên liệu làm bánh có bán sẵn ở Cửa hàng Thực phẩm dưỡng sinh Chân Nguyên.

Cửa hàng Thực phẩm dưỡng sinh Chân Nguyên



THỰC PHẨM DƯỠNG SINH
CHÂN NGUYỄN®

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel.: 08 22422951

Facebook: channguyen

Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn

Cùng nhau hùn phước xây dựng

NGÔI CHÁNH ĐIỆN Thiền viện Hương Nghiêm

Bài & ảnh: NGUYỄN BÔNG



Ban chứng minh và HT.Thích Trí Chơn ban đạo từ

Sáng ngày 7-4-2015 (nhằm ngày 19-2 Ất Mùi), nhân ngày **Lễ vía Bồ-tát Quan Thế Âm**, tại Thiền viện Hương Nghiêm, tọa lạc ấp Bến Đình, xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tổ chức **Lễ cầu nguyện xây dựng**



Tỳ-kheo Thích Trúc Thông Nhân phát biểu

ngôi Chánh điện. Nhận lời mời của thiền viện, chúng tôi cùng hòa mình trong dòng người đông vui vân tập về dự lễ.

Quang lâm chứng minh buổi lễ có chư tôn Hòa thượng giáo phẩm, chư tôn Thiền phái Trúc Lâm và chư tôn thiền đức Tăng Ni các tự viện, sự hiện diện của quý vị khách quý, quý lãnh đạo các cấp chính quyền cùng sự tham dự của các đạo tràng Phật tử gần xa. Sau phần nghi lễ, tiếp theo là phần diễn văn của Tỳ-kheo Thích Trúc Thông Nhân, trụ trì thiền viện với lời lẽ chân tình, tóm lược quá trình hình thành, hoạt động và phát triển của thiền viện:

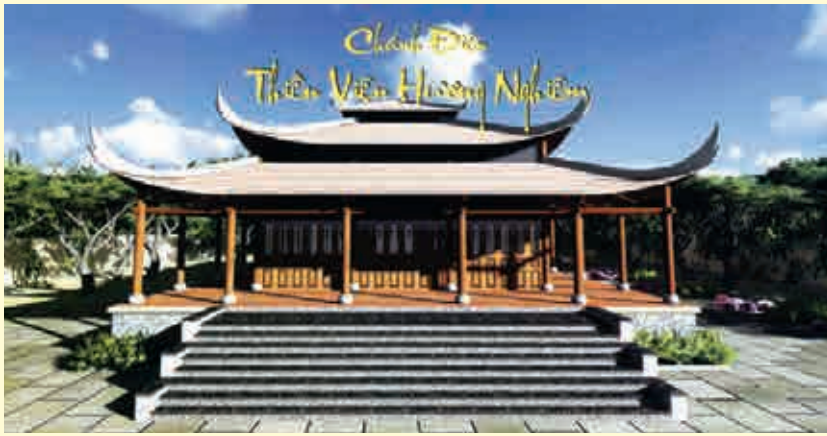
“... Thiền viện Hương Nghiêm ra đời đến nay tròn 12 năm, tu tập theo pháp

môn Thiền thuộc Hệ phái Trúc Lâm, lấy yếu chỉ “**Phản quan tự kỷ**” làm phương châm ứng dụng. Duyên khởi từ ý tưởng tìm nơi hoang vắng yên tu nhập thất, nên chúng con - chúng tôi có duyên đến nơi này, Giồng Sắn địa danh lịch sử. Một mảnh đất cù lao bao bọc chung quanh là sông và rạch hoang vu, âm u và lạnh lẽo, không bóng người bởi hậu quả của chiến tranh còn sót lại, vì một quả bom rơi đã cướp mất hàng trăm sinh mạng, khiến biết bao oan hồn than van, phảng phất không nơi nương tựa, siêu thoát. Cũng nơi đây, được Thượng tọa trụ trì chùa Pháp Thường tạo duyên cho 3.000m² đất để cất thất tu hành, từ đó duyên lành mở rộng gần 20.000m². Hình thành một ngôi già-lam đơn sơ, mộc mạc, hơi sông nước mát thấm tình đạo vị, nơi hội tụ nhiều đạo tràng tu học, khách tham quan.

Năm 2008, Thiền viện Hương Nghiêm được chính thức công nhận cơ sở tôn giáo trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Nhơn Trạch. Kể từ đây, Thiền viện tổ chức sinh hoạt tu học hàng tháng cho Phật tử, được Hòa thượng Thường Chiếu đặt tên là **Đạo tràng Trúc Lâm Phật Đạo**. Năm 2009, được sự giúp đỡ, cho phép của Đảng bộ và UBND H.Nhơn Trạch cùng sự chung tay góp sức của Phật tử, quý đạo tâm khắp nơi xa gần, thiền viện đủ duyên yên tâm bắc được cây cầu nối từ đất liền qua cù lao, giúp cho Phật tử không còn cảnh phấp phồng lo âu, hồi hộp khi ngồi chèo leo trên chiếc xuồng nhỏ qua sông. Cầu



Quang cảnh buổi lễ



Mô hình ngôi chánh điện của Thiên viện

treo Giồng Sấn giờ đây thật sự làm nên một kỳ tích, một nhịp cầu nối liền Đạo và Đời chỗ trở về; nơi nương tựa vững chắc của khách thập phương hữu duyên. Dòng thời gian theo quy luật vô thường hết suy đến thịnh, mừng cho mảnh đất xưa kia giờ đã khởi sắc, thay da đổi thịt.

Riêng có điều chúng con - chúng tôi còn lo âu khi chánh điện tạm nơi thiền đường, nay nhỏ hẹp, không đủ cho Phật tử vào những buổi tụng kinh, sám hối. Trong đạo, Phật sự và lý phải viên dung, dùng hình ảnh để diễn tả khái niệm, lấy sự phương tiện để chuyên chở cái lý sâu sắc để quay lại với chính mình. Cũng chính vì lẽ đó, hôm nay hội đủ duyên lành, được sự cho phép của các cấp Giáo hội, các cấp chính quyền, Thiên viện chúng con - chúng tôi quyết định xin phép xây dựng ngôi chánh điện chính thức.

“Một cây làm chẳng nên non, Ba cây chụm lại nên hòn núi cao”, với ý nghĩa này để viên thành Phật sự. Kính mong được sự tiếp tục giúp đỡ của các cấp chính quyền. Kính mong được sự phát tâm ủng hộ, góp sức của quý Phật tử, quý đạo tâm để “Phật pháp hưng long, Tăng-già hòa hợp” cùng chung tay xây dựng ngôi chánh điện sớm được viên mãn... Chúng con xin thành kính tri ân

chư tôn Hòa thượng giáo phẩm, chư tôn Thiền phái Trúc Lâm và chư tôn thiền đức Tăng Ni các tự viện – chúng tôi xin tri ân quý lãnh đạo các cấp chính quyền cùng toàn thể Phật tử xa gần. Chúng con cũng thành kính tri ân TT.Thích Thiện Pháp đã tạo duyên đầu tiên để ngôi nhà Phật pháp như hôm nay...”.
 Tiếp theo là phần phát biểu của Phật tử đại diện đạo tràng Hương Nghiêm, chính quyền địa phương và phân ban đạo từ của Hòa thượng thượng Trí hạ Chơn. Buổi lễ được tiếp nối với phần dâng hương cầu nguyện và chư tôn giáo phẩm cùng chư tôn thiền đức chứng minh đã ký vào sổ chú nguyện xây dựng ngôi chánh điện Thiên viện Hương Nghiêm... Chuyển sang phần làm lễ dâng hương và cầu nguyện theo nghi thức của Thiền phái và phần cuối thật bất ngờ khi được Ban Tổ chức công bố danh sách các vị đạo tâm **phát tâm cúng dường xây dựng ngôi chánh điện**, như thầy Pháp Thành trợ duyên 100 bao xi-măng, Phật tử Diệu Lý phát tâm phần mái và nhiều vị đã phát tâm hỷ cúng: toàn bộ phần gạch lát nền chánh điện, tịnh tài và tịnh vật; đặc biệt, Phật tử đạo tràng Hương Nghiêm dâng cúng 100 con heo đất đã được nuôi “mập” từ ngày thiền viện khởi

xưởng xây dựng và nay tiếp tục nhận về 100 con heo đất để nuôi tiếp...
 Như lời dạy cao quý của chư Tổ: “Chánh pháp lưu truyền, hỷ pháp nhờ sự đùm bọc của tứ chúng Thiền môn hưng thịnh, đều trông cậy đân-na tín chủ phát tâm”
 Chúng tôi kính mong các vị mạnh thường quân, quý đạo tâm và Phật tử gần xa phát tâm trợ duyên cho Phật sự xây dựng ngôi chánh điện sớm được ngày khánh lạc và tạo thuận lợi cho việc tu tập của chư Tăng và đại chúng.
 Thông qua báo, Thầy trụ trì và Phật tử thiền viện cầu nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ cho chư tôn giáo phẩm và chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ. Kính chúc quý lãnh đạo các cấp chính quyền, các vị mạnh thường quân và Phật tử các đạo tràng gần xa thân tâm được an lạc, tràn đầy hạnh phúc, vạn sự kiết tường.



Phần lễ cầu nguyện theo nghi thức Thiền phái Trúc Lâm

xưởng xây dựng và nay tiếp tục nhận về 100 con heo đất để nuôi tiếp...

Như lời dạy cao quý của chư Tổ:

“Chánh pháp lưu truyền, hỷ pháp nhờ sự đùm bọc của tứ chúng

Thiền môn hưng thịnh, đều trông cậy đân-na tín chủ phát tâm”

Chúng tôi kính mong các vị mạnh thường quân, quý đạo tâm và Phật tử gần xa phát tâm trợ duyên cho Phật sự xây dựng ngôi chánh điện sớm được ngày khánh lạc và tạo thuận lợi cho việc tu tập của chư Tăng và đại chúng.

Thông qua báo, Thầy trụ trì và Phật tử thiền viện cầu nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ cho chư tôn giáo phẩm và chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni pháp thể khinh an, chúng sanh dị độ. Kính chúc quý lãnh đạo các cấp chính quyền, các vị mạnh thường quân và Phật tử các đạo tràng gần xa thân tâm được an lạc, tràn đầy hạnh phúc, vạn sự kiết tường.

Mọi việc trợ duyên tịnh tài, tịnh vật vui lòng hoan hỷ liên hệ:

**Thiền viện Hương Nghiêm,
 ấp Bến Đình, xã Phú Đông,
 H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai,
 ĐT: 01212 940744**



Cầu Giồng Sấn do Phật tử gần xa xây tạo



Phật tử đi đò qua sông khi chưa xây cầu

Thư ngỏ

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Ngưỡng bái bạch chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni cùng toàn thể quý nam nữ Phật tử trong và ngoài nước

Lời ngỏ đầu thư, thay mặt toàn thể chư Tăng và Phật tử chùa Hạnh Nguyên, kính chúc chư tôn giáo phẩm TƯ.GHPGVN, quý Ban Trị sự tỉnh, thành hội PG, Ban Trị sự PG quận, huyện trên cả nước, chư tôn đức Tăng Ni trụ trì các tự, viện. Quý cơ quan, ban ngành đoàn thể, cùng toàn thể nam nữ Phật tử trong và ngoài nước: Thân tâm thường an lạc, vạn sự cát tường. Đồng thời, Bổn tự xin gởi lời tri ân đến chư tôn đức Tăng Ni, quý nam nữ Phật tử, các mạnh thường quân gần xa đã phát tâm hỗ trợ xây dựng ngôi Bảo tháp Xá-lợi – chùa Hạnh Nguyên hoàn mãn. Ngôi Bảo tháp Xá-lợi đã được khánh thành vào năm 2012.



**Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni.
Kính thưa liệt quý vị!**

Năm 1981, chúng tôi được Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước cử về trụ trì chùa Hạnh Nguyên, tọa lạc tại số 01 đường Lũy Bán Bích, P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú. Trong quá trình hơn 35 năm trụ trì chùa Hạnh Nguyên, Bổn tự chúng tôi đã xây dựng và phát triển chùa Hạnh Nguyên thành một trong những trung tâm tu học của Tăng Ni, Phật tử xa gần. Từ năm 1993 đến nay chùa Hạnh Nguyên trở thành trường hạ cho chư Tăng trên cả nước về tu tập trong mùa An cư kiết hạ. Tuy nhiên, thời gian qua ngôi chùa đã xuống cấp trầm trọng, cộng thêm Nhà nước mở kênh Tân Hóa – Lò Gốm nên chánh điện và một số cơ sở khác trong khuôn viên chùa Hạnh Nguyên cũng bị ảnh hưởng trong công tác giải phóng mặt bằng để mở đường.

Với tinh thần hưng hiển Đạo pháp trong hiện tại cũng như tương lai, Bổn tự chúng tôi không nệ sự kém tài thiếu đức, với kinh phí hạn hẹp đã khởi công đại trùng tu ngôi chùa Hạnh Nguyên. Để công tác xây dựng trùng tu chùa Hạnh Nguyên sớm thành tựu, chúng tôi rất mong được chư tôn đức Tăng Ni, quý nam nữ Phật tử, các mạnh thường quân gần xa phát tâm hỗ trợ, chung tay góp sức với Bổn tự về vật liệu như sắt, thép, xi-măng, gạch ngói hoặc hiện kim để Bổn tự chùa Hạnh Nguyên khởi công xây dựng ngôi già-lam Hạnh Nguyên nhằm khôi phục cơ sở làm nơi tu học cho Tăng tín đồ theo sở nguyện.

Mọi tịnh tài cúng dường xây dựng trùng tu chùa Hạnh Nguyên xin liên lạc:

Chùa Hạnh Nguyên, số 1 Lũy Bán Bích, P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, TP.HCM.

Điện thoại: (08) 39612002 – 0908472312.

Kính nguyện hồng ân Tam bảo gia hộ chư tôn đức Tăng, Ni pháp thể khinh an, tuệ đăng thường chiếu. Kính chúc mọi người con Phật luôn an lạc trong tâm tư, hỷ xả trong cuộc sống, phước sanh trong gia đạo và thành tựu trong công việc.

Thay mặt Bổn tự chùa Hạnh Nguyên

Kính lời

Hòa thượng Thích Thiện Xuân

Trụ trì chùa Hạnh Nguyên

CHÚC MỪNG KHAI TRƯƠNG

Lúc 8 giờ ngày 8-4-2015, **Song Hỷ trà quán** vừa khai trương tại 6A Lê Quý Đôn, P.6, Q.3, TP.HCM.

Song Hỷ trà quán là một không gian thưởng trà, mang đến cho người dùng không chỉ là trà ngon và cách thưởng thức chén trà ngon nhất, mà còn hiểu rõ nguồn gốc và phẩm chất từng loại trà.

Nơi thưởng ngoạn và trao đổi ẩm trà, trà cụ...

Nơi tổ chức các sự kiện, sinh hoạt của các hội, câu lạc bộ...

Chúng tôi xin chúc mừng **Song Hỷ trà quán** khai trương và kính mời các bạn yêu trà đến thưởng ngoạn và giao lưu...

Trị sự Tạp chí VHPPG



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Nhà hàng chay HOA KHAI

Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng

Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...

Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân

Nhân đãi tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan

Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP.HCM

ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com



Cửa hàng NGỌC HIỀN

Số 158 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.HCM - ĐT: (08) 38355590 – 0983 675570

- Chuyên: Cung cấp các sản phẩm thờ cúng, phong thủy, tượng Phật gốm sứ - đồng mạ vàng, tranh lamina, tranh điện Phật giáo...
- Nhận đặt hàng theo mẫu khách hàng và giao hàng tận chùa và tư gia (trong TP.HCM)

THÔNG BÁO

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, doanh nhân và độc giả trong và ngoài nước tham gia đọc, viết, cổ động phát hành báo, đăng quảng cáo và viết PR giới thiệu hoạt động từ thiện, quảng bá các sản phẩm và hoạt động của doanh nghiệp, công ty, nhà hàng chay, quán chay, cửa hàng... trên tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*.

Tạp chí được phát hành vào ngày 1 và 15 hàng tháng trên toàn quốc và nước ngoài.

1- Giá báo phát hành:

- Trọn năm 2015: **604.000đ** (đã CK 5%)
- 6 tháng đầu năm: **316.000đ**
- 6 tháng cuối năm: **316.000đ**

2- Giá đăng quảng cáo và viết PR:

- Trang bìa 4: 10.000.000đ
- Trang bìa 3: 8.000.000đ
- 1/2 bìa 3: 5.000.000đ
- Trang ruột 4 màu: 5.000.000đ
- 1/4 trang ruột 4 màu: 1.000.000đ
- 1/8 trang ruột 4 màu: 500.000đ

Đăng quảng cáo dài hạn sẽ có giá ưu đãi và nếu được yêu cầu, chúng tôi sẽ giúp việc thiết kế mẫu quảng cáo.

Thời gian giao nhận file quảng cáo: ngày 7 và 22 trong tháng.

Vui lòng liên hệ:

- **Đăng quảng cáo**
Đạo hữu Pháp Tuệ
ĐT: 0913 810 082
- **Liên hệ đăng ký mua báo**
Ban phát hành
ĐT: (84-8) 38484335

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lệ...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com

Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB, CN Bình Thạnh

Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank, CN Bến Thành

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com

Restaurant **Chay**
Vegetarian

Việt An

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

- **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh böt lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vạn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...
- **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
- **Điện thoại:** (08) 384 82612 – 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ
Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



Trân trọng kính mời

NHÀ MAY VẠN HẠNH

CHUYÊN MAY PHÁP PHỤC TỬ SĨ:
Y - HẬU - ÁO TRÀNG - NHỰT BÌNH V.V...
QUỐC PHỤC - MÃO

Gặp Anh Triều - Chị Thảo

241 NGUYỄN THÁI BÌNH - PHƯỜNG 4 - TÂN BÌNH
TP.HỒ CHÍ MINH *ĐT: 38853053 *DD: 0906046141
Email: nhamayvanhanh241@gmail.com
Web: phapphuctusi.com

GIẤY DÁN TƯỜNG HAPPY HOME



- ✓ Nhà bạn đã cũ, cần phải sơn lại mới nhưng lại sợ bụi bặm dọn dẹp vất vả.
- ✓ Chúng tôi đã có giải pháp cho bạn, chỉ cần dùng giấy dán tường không những thi công nhanh - sạch - gọn, mà còn đẹp nhiều hoa văn để lựa chọn.

Địa chỉ : 711 Lạc Long Quân, P.10, Q. Tân Bình, TP.HCM
Điện thoại: (08) 6269 8888 - Hotline: 0168 898 9999
Email: giaydantuongsg@gmail.com
Website: www.giaydantuongsg.net

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG





DIỆU TƯỚNG AM

NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

Đến với Diety Tuong Am, nơi Quý khách gieo duyên cùng với Phật, Quý vị có thể thỉnh cho mình một Pho tượng Phật để cung kính cúng dường hay tặng cho những đạo hữu đồng tâm, hay chỉ duyên vi đến chiêm ngưỡng Phật, uống một tách trà, cùng mỉm cười với Phật...



Website: www.diecutuongam.com

DIỆU TƯỚNG AM NAM KỶ
382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
ĐT: (08) 38 484558 - Hotline: 0906.955.663

DIỆU TƯỚNG AM 3/2
212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10, TP.HCM
ĐT: (08) 38 684913 - Hotline: 0902.848.363



Nước Uống

ALOEPAS

Uống Ngon Ngon Nhai Giòn Giòn

○ Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống **Nha đam - Chanh dây** mang thương hiệu **ALOEPAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOEPAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.

○ Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm **Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình**, giải thưởng **Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam** **Phù Hợp Tiêu Chuẩn** chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.




Sản phẩm của : CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN
Số : 284/11 Cò Bắc, Phường, Cò Giang, Q.1, TP.HỒ CHÍ MINH
SXT Nhà máy : CN NHADAM VINA - CTY TNHH TM DV KHÂM TÍN
Số 2 Lô A, Cù Xá PHÚ LÂM D, P. 10, Q. 6, TP. HCM, VIỆT NAM
Website : www.khamtin.vn Email : khamtin1668@gmail.com

ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG • KHỎE VÌ GIA ĐÌNH



pháp uyển

PHARMAGARDEN

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHE CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com



Tôn tượng Đức Phật
lộ thiên, cao 1,2m
Ảnh: Uyên Viễn

Bộ tượng Tứ Đại
Thiên Vương,
cao 2,1m



CÔNG TY TNHH-SXTM HOA TIÊN

D13/2 Trần Nỗ, P.Bình Khánh, Q.2, TP.HCM

Chuyên sản xuất:

- Các tôn tượng Phật
- Linh vật phong thủy
- Trang trí nội thất

Liên hệ để biết thêm chi tiết:

- Anh Minh, ĐT: 0908.381.867
- Web: www.hoatien.vn
- Email: thongtin@hoatien.vn

Với chất liệu sản phẩm bằng Polyresin có độ bền cao.